

BE GREATER 

TECHCOMBANK 

UNBOX 
THE POWER OF
TECH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

KHAI MỞ SỨC MẠNH SỐ HOÁ,
DỮ LIỆU, NHÂN TÀI

MỤC LỤC



Các biểu tượng có tính tương tác: chạm để mở các thông tin giá trị.

1. TẦM NHÌN CỦA TECH



- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- Báo cáo của Tổng Giám đốc

2. CÂU CHUYỆN CỦA TECH



- Về chúng tôi
- Tầm nhìn và Sứ mệnh
- Chặng đường lịch sử
- Mạng lưới hoạt động và các công ty con
- Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư

3. THÀNH TỰU CỦA TECH



- Báo cáo toàn cảnh Ngân hàng
- Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG)
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)
- Khối Ngân hàng Bán buôn (WB)
- Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu (GTS)

4. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG TECH



- Quản trị rủi ro
- Báo cáo bền vững Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG)
- Văn hóa doanh nghiệp

5. CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TECH



- Dữ liệu (DnA)
- Số hoá
- Nhân tài (HR)

6. THÀNH CÔNG NỔI TIẾP CỦA TECH



- Báo cáo Tài chính Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

01

TẦM NHÌN CỦA TECH

- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- Báo cáo của Tổng Giám đốc

"Techcombank sẽ luôn sẵn sàng cho những thách thức mới, vượt trội hơn mỗi ngày để thực thi sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, cung cấp những giải pháp chuyên biệt và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công."

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hồ Hùng Anh



THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và các Techcomers thân quý,

Đại dịch COVID-19 đã tiếp tục bùng phát trong năm 2021 với biến chủng mới, diễn biến kéo dài, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam.

Theo nhận định của nhiều chuyên gia, có lẽ chưa bao giờ nền kinh tế trong nước phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức do dịch bệnh gây ra như năm vừa qua. Tuy nhiên, với những nỗ lực trong phòng chống dịch và đảm bảo cuộc sống của người dân, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều điểm sáng tích cực, tiếp tục được đánh giá ổn định với mức tăng trưởng GDP 2,6%, sau khi đã giữ được mức tăng 2,9% năm 2020.

Kết quả ấn tượng này đến từ nhiều lĩnh vực trong nền kinh tế, đặc biệt là ngành ngân hàng. Là một trong số các ngân hàng hàng đầu Việt Nam, Techcombank đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đồng hành cùng Chính phủ, doanh nghiệp và người dân thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế trong điều kiện “bình thường mới”.

Theo đó, Techcombank đã chung tay tạo điều kiện cho khách hàng, doanh nghiệp phục hồi kinh tế, thực thi các chính sách hỗ trợ cộng đồng. Kể từ đầu đại dịch, khoảng 11,8 nghìn tỷ đồng dư nợ đã được Ngân hàng tái cơ cấu cho khách hàng. Ngân hàng cũng đồng thời tiếp sức khách hàng thông qua giảm 540 tỷ đồng lãi suất trong năm 2021. Để hỗ trợ các cá nhân và cộng đồng bị ảnh hưởng nặng nề nhất bởi đại dịch, Techcombank đã đóng góp khoảng 400 tỷ đồng, bao gồm quyên góp ủng hộ Quỹ vắc-xin, trang thiết bị y tế, đóng góp 100 tỷ đồng xây dựng bệnh viện, cũng như các tài trợ trực tiếp tới các bệnh nhân và gia đình của họ. Năm 2021, hơn 12.000 cán bộ nhân viên Techcombank tiếp tục đồng lòng giữ vững quyết tâm, nỗ lực cao nhất để vượt qua mọi khó khăn, đảm bảo vận hành kinh doanh

Techcombank đóng vai trò quan trọng trong công cuộc đồng hành cùng Chính phủ, doanh nghiệp và người dân thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phục hồi và phát triển kinh tế trong điều kiện “bình thường mới”.

liên tục, cung cấp sản phẩm dịch vụ với chất lượng và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng trong cuộc khủng hoảng dịch bệnh. Điều này cũng là một phần minh chứng cho sự lựa chọn đúng đắn chiến lược Khách hàng là trọng tâm mà Techcombank kiên định thực hiện trong nhiều năm qua.

Chính sự đồng lòng và quyết tâm này, cùng với niềm tin của khách hàng và các cổ đông, đã đưa Techcombank tiến thêm một bước mới đến tầm khu vực khi lần đầu tiên lợi nhuận trước thuế cán mốc 1 tỷ USD (23.238 tỷ đồng). Ngân hàng không chỉ vượt kế hoạch năm 2021, mà các chỉ tiêu tài chính cũng tiếp tục đạt kết quả cao, dẫn đầu ngành về tỷ lệ tiên gửi không kỳ hạn (CASA) và

Techcombank đã thu hút thêm khoảng 1,2 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng lên hơn 9,6 triệu.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ
23.238 TỶ ĐỒNG

tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA), lần lượt ở mức 50,5% và 3,7%. Năm 2021 cũng là năm Techcombank đã thu hút thêm khoảng 1,2 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng lên hơn 9,6 triệu. Khối lượng và giá trị giao dịch qua kênh điện tử của khách hàng cá nhân lần lượt đạt 652 triệu giao dịch (tăng 70,0% so với năm 2020) và 9,1 triệu tỷ đồng (tăng 80,5% so với năm 2020), liên tục giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ VISA và lần đầu tiên đạt giải Ngân hàng dẫn đầu thị trường về hoạt động thanh toán nội địa do NAPAS trao tặng.

Những thành tựu trên đã góp phần đưa Techcombank vào top 200 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu, với giá trị thương hiệu được định mức 945 triệu USD, tăng 74 bậc lên thứ 196 theo công bố của Brand Finance. Techcombank cũng là một trong hai ngân hàng Việt Nam được Brand Finance điểm tên về tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong năm.

Đây là những bước khởi đầu giúp chúng tôi tự tin hướng đến mục tiêu đưa Techcombank trở thành ngân hàng thuộc top 10 trong khu vực vào năm 2025. Techcombank sẽ luôn sẵn sàng cho những thách thức mới, vượt trội hơn mỗi ngày để thực thi sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, cung cấp những giải pháp chuyên biệt và trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc trong thời kỳ “bình thường mới”, thích ứng linh hoạt

và an toàn với dịch COVID-19. Với tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống”, cùng sự tin tưởng và đồng hành của các Quý cổ đông, tôi vững tin Techcombank sẽ gạt hái những thành công vượt trội hơn, cam kết nỗ lực cải tiến và phát triển không ngừng, để mang lại lợi ích tốt nhất cho cổ đông và giá trị bền vững cho khách hàng và cho đất nước, xứng tầm khu vực.

Xin trân trọng cảm ơn,

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Hồ Hùng Anh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

"Năm 2021, Techcombank đã tiếp tục gia tăng cách biệt, tối ưu nguồn lợi nhuận giữ lại, tăng tốc đầu tư, tương tác với khách hàng, qua đó khẳng định vị thế là ngân hàng số hàng đầu Việt Nam, tiến tới mục tiêu trở thành top 10 ngân hàng lớn nhất trong khu vực."

Tổng Giám đốc
Jens Lottner



Kính gửi Quý cổ đông và Khách hàng trân quý,

Bước vào năm 2021, nhiều biện pháp nghiêm ngặt được chính phủ áp dụng để ngăn chặn tốc độ lây lan của đại dịch tại Việt Nam – các ngành nghề, khu vực và nhiều phân khúc khách hàng theo đó chịu ảnh hưởng không nhỏ. Với chương trình tiêm chủng quốc gia triển khai trong thời gian kỷ lục, 100% người trưởng thành được tiêm hai mũi trong vòng 6 tháng. Cùng với các chỉ đạo và hỗ trợ khác của Chính phủ, như hỗ trợ xuất khẩu, sản xuất “3 tại chỗ”, Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng GDP dương 2,6%.

Với việc các xu thế tích cực trong dài hạn được duy trì, tôi lạc quan đi kèm thận trọng về tiềm năng kinh tế của Việt Nam trong năm 2022. Khi nền kinh tế, du lịch và dịch vụ mở cửa trở lại, chúng ta sẽ thực sự bước vào trạng thái "bình thường mới", và đây sẽ là cú hích đối với tăng trưởng và nhu cầu trong nước. Ngân hàng Thế giới dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam là 5,5%, trong khi Chính phủ dự báo con số 6–6,5%. Việc đẩy mạnh các khoản đầu tư công và các gói kích thích kinh tế, cùng với nhiều hiệp định thương mại song phương quan trọng và sự trở lại của tăng trưởng tiêu dùng nội địa sẽ là lực đẩy chính khi các hoạt động kinh tế phục hồi.

Việc đẩy mạnh các khoản đầu tư công và các gói kích thích kinh tế, cùng với nhiều hiệp định thương mại song phương quan trọng và sự trở lại của tăng trưởng tiêu dùng nội địa sẽ là lực đẩy chính khi các hoạt động kinh tế phục hồi.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng đang gia tăng mạnh mẽ khi các nhà đầu tư quốc tế quay trở lại. Tuy nhiên, thận trọng là cần thiết, khi tác động của các sự kiện toàn cầu đối với nền kinh tế - như xung đột Nga-Ukraine vẫn chưa rõ ràng. Tác động trực tiếp có thể vừa hoặc nhỏ, nhưng tác động gián tiếp thì khó xác định hơn. Ví dụ như giá năng lượng tăng có thể làm tăng lạm phát và làm giảm tiêu dùng của các hộ gia đình. Trong khi đó, một số ngành như gạo, thép, dầu ăn và phân bón có thể có cơ hội xuất khẩu rộng mở hơn.

Tác động của việc giãn cách tới khách hàng và hành vi của khách hàng, đặc biệt trong làn sóng dịch thứ tư, rất nặng nề và có thể ảnh hưởng lâu dài. Đối với nhiều

người, một loạt rối loạn căng thẳng sau sang chấn tài chính, sức khỏe đã phát sinh, tạo ra nhu cầu lớn hơn đối với các sản phẩm và giải pháp quản lý gia sản đơn giản, trực quan.

Theo khảo sát của công ty nghiên cứu thị trường và phân tích dữ liệu YouGov, các ưu tiên tài chính hàng đầu của người dân Việt Nam sau làn sóng thứ 4 đại dịch COVID-19 là:

- Tiết kiệm tiền cho những khó khăn đột xuất
- Bảo vệ đầy đủ cho các trường hợp khẩn cấp
- Kiểm tiền thông qua đầu tư
- Thanh toán hóa đơn đúng hạn.

Techcombank vẫn luôn đi đầu và không ngừng mang tới cho khách hàng những giải pháp số hóa hướng tới những mục tiêu nói trên, với việc tập trung đầu tư liên tục từ nhiều năm qua. Theo YouGov, khoảng 42% số người với mức thu nhập khá trở lên được khảo sát đang có sẵn hơn 1 tỷ đồng để đầu tư. Gần một nửa trong số đó có từ 10 tỷ đồng trở lên, và có nhu cầu cho các chiến lược quản lý tài sản toàn diện nhằm tối ưu lợi nhuận, nhưng đồng thời cho phép tiếp cận tiền mặt nhanh chóng khi cần thiết.

Không ngạc nhiên khi sự dịch chuyển sang nền kinh tế không dùng tiền mặt đã tạo đà cho sự phát triển của ngân hàng số, đặc biệt là ngân hàng di động với ưu điểm tức thì, thuận tiện và an toàn.

Nhìn tổng thể, lĩnh vực ngân hàng đã chứng minh năng lực phục hồi cao trong năm thứ hai liên tiếp của đại dịch với kết quả kinh doanh tốt hơn với dự kiến. Trong đó, Techcombank đã gia tăng cách biệt, tối ưu nguồn lợi nhuận giữ lại, tăng tốc đầu tư, tương tác với khách hàng, khẳng định vị thế là ngân hàng số hàng đầu Việt Nam, tiến tới mục tiêu trở thành top 10 ngân hàng lớn nhất trong khu vực.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2021: Một năm tiếp nối của những thành công

Chính sách Khách hàng là trọng tâm cùng khung quản trị rủi ro chặt chẽ đã hậu thuẫn Techcombank trở thành ngân hàng có lợi nhuận và hiệu quả hoạt động hàng đầu Việt Nam.

Với những chỉ số hoạt động đứng đầu thị trường như tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA), tỷ lệ huy động tiền gửi không kỳ hạn (CASA), chi phí vốn (CoF), tỷ lệ an toàn vốn (CAR), bên cạnh mức nợ xấu (NPL) rất thấp cùng tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLC) thuộc nhóm cao, Techcombank luôn sẵn sàng tăng tốc trong hoạt động cung cấp tín dụng cũng như giải pháp tài chính cho khách hàng khi nền kinh tế phục hồi từ đại dịch. Bên cạnh đó, các chỉ số hài lòng và gắn kết của khách hàng và nhân viên tăng mạnh đã giúp Techcombank nhận được nhiều sự quan tâm và nhiều giải thưởng danh giá. Nhìn lại thành công của năm qua, tôi muốn nhấn mạnh ba điểm nổi bật sau:

1

Techcombank tiếp tục hưởng lợi từ tập khách hàng được mở rộng nhanh chóng, do Ngân hàng đã thích ứng nhanh nhạy bằng cách điều chỉnh mô hình kinh doanh, sử dụng các nguồn vốn đa dạng và tiếp cận các cơ hội, gia tăng nguồn thu bền vững trong tương lai.

2

Tuyển dụng mới 4.375 nhân viên từ khắp nơi với trọng tâm dịch chuyển theo hướng kỹ năng và kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ, số hoá và dữ liệu theo chương trình nhân sự được nâng cấp toàn diện từ tuyển dụng đến phát triển, giữ chân nhân tài.

3

Ngân hàng tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng và người dân: đi đầu trong hỗ trợ tài chính và phi tài chính các sáng kiến kiểm soát đại dịch của Chính phủ, ủng hộ các cá nhân, tập thể bị ảnh hưởng trực tiếp bởi đại dịch, thúc đẩy hoạt động tiêu dùng cho đội ngũ nhân viên và gia đình, đồng thời đưa ra các chương trình chăm sóc khách hàng và nhân viên.

CHIẾN LƯỢC CHUYỂN ĐỔI NGÀNH TÀI CHÍNH, NÂNG TẦM GIÁ TRỊ SỐNG, GIAI ĐOẠN 2021-2025

Ngay từ năm 2021, Techcombank đã quyết liệt thực hiện chiến lược "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống" giai đoạn 2021-2025, hướng tới chuyển đổi kỹ thuật số, dữ liệu trên nền tảng quan trọng nhất, lấy khách hàng làm trọng tâm, đã được Techcombank xây dựng nhiều năm qua.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2021: Một năm tiếp nối của những thành công (tiếp theo)

Chiến lược "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống", giai đoạn 2021-2025

Chúng tôi:

- triển khai các nền tảng tương tác với khách hàng
- đầu tư vào các mô hình phê duyệt tín dụng ưu việt hơn
- đầu tư vào cơ sở hạ tầng phát triển công nghệ và dữ liệu

Ngân hàng đã thích ứng với các thay đổi trong hành vi và nhu cầu khách hàng, qua đó liên tục đổi mới để mang tới các trải nghiệm số đơn giản, an toàn và liền mạch, trong khi trao quyền cho nhân viên đưa ra các tư vấn mang tính cá nhân hóa. Chuyển đổi nền tảng tương tác với khách hàng có nghĩa là:

- phát triển các sản phẩm tốt hơn
- nhân rộng các dịch vụ kỹ thuật số
- tạo ra trải nghiệm ngân hàng liền mạch cho khách hàng.

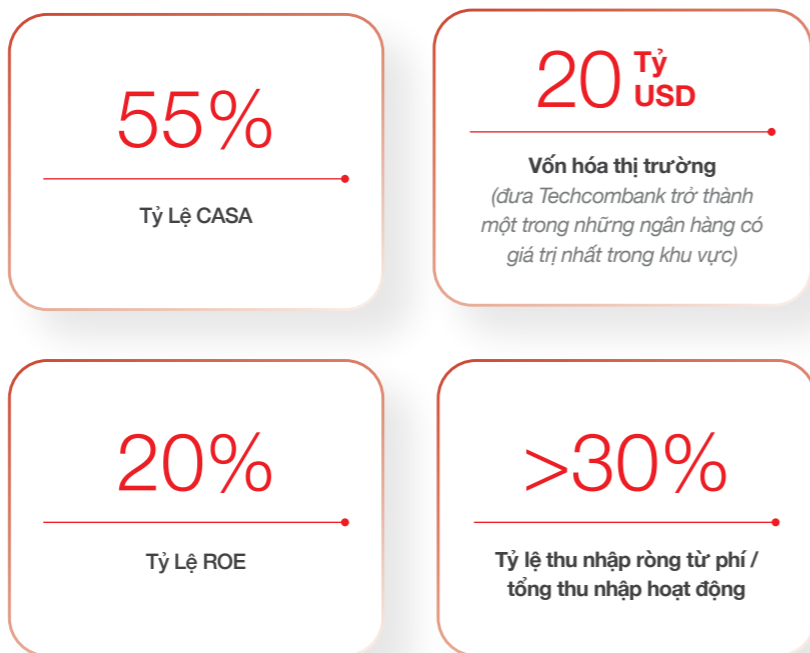
Ngay từ khi xảy ra đại dịch, Techcombank đã hỗ trợ Chính phủ, khách hàng, nhân viên cộng đồng thông qua các hoạt động:

- tiêm phòng sớm cho tất cả nhân viên và gia đình
- gói hỗ trợ lên tới 41 nghìn tỷ đồng, bao gồm cơ cấu lại nợ, miễn giảm

hoặc kéo dài thời gian thanh toán lãi suất (riêng trong năm 2021, chúng tôi đã giảm 540 tỷ đồng lãi suất cho khách hàng)

- đóng góp khoảng 400 tỷ đồng vào quỹ vắc xin COVID-19, hỗ trợ mua dụng cụ xét nghiệm, xây dựng bệnh viện đặc trị COVID-19 và quyên góp hỗ trợ trực tiếp những người dân và gia đình bị ảnh hưởng.

Ngân hàng đang đi theo đúng quỹ đạo hướng tới các mục tiêu năm 2025, bao gồm:



Chúng tôi sẽ tiếp tục mang tới cho khách hàng các giải pháp và dịch vụ ngân hàng số đi đầu thị trường với mục tiêu giúp người dân và doanh nghiệp Việt Nam vượt trội hơn mỗi ngày.

Dấu ấn tài chính

Năm 2021 tiếp tục là một năm tăng trưởng mạnh mẽ, được dẫn dắt bởi các yếu tố sau:

- Tập khách hàng được cải thiện cả chất và lượng
- Tuỳ chỉnh mô hình kinh doanh
- Động lực tăng trưởng tích cực từ cuối năm 2020
- Bảng cân đối kế toán vững chắc
- Đội ngũ lãnh đạo vững vàng
- Đội ngũ nhân tài hùng hậu.

Các điểm sáng bao gồm



Ghi chú: 1. Thu nhập từ phí bao gồm cả thu nhập từ hoạt động ngoại hối và phân phối trái phiếu

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2021: Một năm tiếp nối của những thành công (tiếp theo)

Mức độ hài lòng và sự gắn kết của khách hàng

Nếu không có khách hàng, chúng tôi không là gì cả. Sự tin tưởng của khách hàng là thước đo giá trị nhất cho sự thành công của Techcombank



Các cam kết kiên định của Ngân hàng trong việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính tốt nhất đã được ghi nhận khi "Chỉ số đo lường sự hài lòng của khách hàng" (NPS*) được cải thiện từ quý này sang quý khác, đạt 83 điểm vào cuối quý 4 năm 2021 và là số điểm NPS cao nhất trong ngành. Techcombank thực hiện theo dõi sát sao điểm số này, ở cấp độ toàn ngân hàng và từng đơn vị kinh doanh, để hiểu rõ hơn về các cơ hội, cũng như thách thức (ví dụ khách hàng không hài lòng ở bộ phận, sản phẩm nào) và tìm ra các giải pháp phù hợp.

Đồng thời, chúng tôi cũng đang quan sát chặt chẽ hai chỉ số quan trọng khác về mức độ nhận diện của khách hàng, nhằm triển khai các hoạt động trong suốt hành trình trải nghiệm của khách hàng, đó là "Thương hiệu được nhớ đến đầu tiên" (Top of mind) và "Cân nhắc sử dụng thương hiệu" (Brand consideration). Cả hai chỉ số này đều được cải thiện trong năm 2021. Ngoài ra, kết quả khảo sát chất lượng dịch vụ ngân hàng (BankQuality Consumer Survey and Ranking – BQS) từ 11.000 khách hàng tại 11 thị trường, nhằm xác định ngân hàng bán lẻ được tin dùng nhất ở châu Á, đã xếp hạng Techcombank ở vị trí thứ 6. Chúng tôi là ngân hàng Việt Nam duy nhất lọt vào Top 10.

Chỉ số hài lòng của khách hàng (CSAT) do Techcombank đo lường nội bộ cho thấy hơn 50% số khách hàng được hỏi cảm thấy cực kỳ hài lòng về sự tiện lợi, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, giá cả, cũng như trải nghiệm mà Techcombank mang lại cho khách hàng.

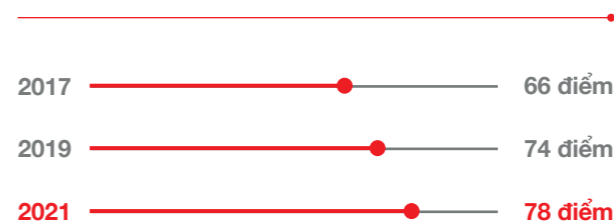
*Chỉ số NPS được đo lường độc lập bởi Công ty nghiên cứu thị trường hàng đầu thế giới YouGo. Đây là một chỉ số quan trọng đo lường sự trung thành của khách hàng và mức độ sẵn sàng khách hàng sẽ giới thiệu một sản phẩm/dịch vụ cho bạn bè và người thân.

Nhân tài

Với nhân tài là trụ cột quan trọng nhất trong ba trụ cột của chuyển đổi số tại Techcombank, tuyển dụng, đào tạo và giữ chân nhân sự chất lượng cao là ưu tiên hàng đầu. Ngân hàng đã áp dụng các phương pháp và kênh sáng tạo để tìm kiếm những cá nhân ưu tú nhất, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ, kỹ thuật số và dữ liệu. Thông qua hệ thống quản lý học tập trên thiết bị di động, các chương trình đào tạo và phát triển vừa học vừa làm, đã được triển khai tới mỗi nhân viên với mục tiêu phát triển bản thân. Techcombank trao quyền cho nhân viên bằng cách đơn giản hóa quy trình ủy quyền và giao việc, đồng thời sắp xếp hợp lý chế độ đãi ngộ và phúc lợi bằng cách xây dựng công việc theo từng nhóm.

Các nỗ lực của chúng tôi đã được ghi nhận và phản ánh qua chỉ số gắn kết nhân viên (EES). Được thực hiện hai năm một lần bởi Korn Ferry, Techcombank đã chứng kiến các tiến bộ vững chắc trong ba năm vừa qua:

Khảo sát gắn kết nhân viên (EES)



Tập trung vào xây dựng nền tảng, tăng tốc cho chiến lược 2021-2025

Nhân tài

Techcombank trải thảm đỏ cho 4.375 nhân tài, tìm kiếm các cán bộ cấp cao từ cả thị trường quốc tế và trong nước. 90% nhân sự mới của Ngân hàng bày tỏ sự hài lòng với chương trình hội nhập cho nhân viên. Chúng tôi đứng trong top 6% các doanh nghiệp Đông Nam Á về hiệu suất làm việc của nhân viên và top 12% về mức độ gắn kết nhân viên, theo khảo sát của công ty Korn Ferry.

>17% Nhân tài tuyển dụng mới cho lĩnh vực CNTT, Số hoá và Dữ liệu

Top 6% Các doanh nghiệp Đông Nam Á về hiệu suất làm việc của nhân viên

Top 12% Mức độ gắn kết nhân viên

Để đạt được mục tiêu 2021-2025, trong năm 2021, chúng tôi đã tập trung vào xây dựng nền tảng ngân hàng trên trụ cột Dữ liệu, Số hoá và Nhân tài, đi kèm với các lan can phòng hộ cần thiết để đáp ứng các quy định của ngành.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2021: Một năm tiếp nối của những thành công (tiếp theo)



Tiêm chủng cho tất cả nhân viên



"Nơi làm việc tốt nhất tại Châu Á"

Tập trung vào xây dựng nền tảng, tăng tốc cho chiến lược 2021-2025 (tiếp theo)

Nhân tài (tiếp theo)

Techcombank mong muốn đội ngũ nhân viên luôn vui vẻ và gắn bó với ngân hàng, thông qua việc cung cấp một loạt các lợi ích phát triển hàng đầu trên thị trường:

- Nền tảng HRConnect mới giúp số hóa hành trình của tất cả các nhân viên, mang lại cho họ trải nghiệm tốt nhất và tối ưu hóa hệ thống quản lý dữ liệu nhân sự.
- Liên tục đào tạo, phát triển qua các lộ trình học tập và cơ hội đào tạo trong quá trình làm việc (on-job-training). Việc học có thể được thực hiện mọi lúc, mọi nơi thông qua Hệ thống Quản lý Học tập online.
- Ngân hàng đã áp dụng các biện pháp thực hành tốt nhất từ rất sớm để ngăn chặn sự lây lan của dịch COVID-19, bao gồm chương trình tiêm chủng cho tất cả nhân viên. Ngân hàng tiếp tục giữ vững công tác chủ động phòng và hỗ trợ trong mùa dịch bao gồm các phúc lợi và đãi ngộ cho nhân viên, đồng thời thiết lập hệ thống hỗ trợ làm việc từ xa, đảm bảo duy trì hoạt động, dịch vụ khách hàng chất lượng cao.
- Techcombank được vinh danh "Nơi làm việc tốt nhất tại Châu Á" do HR Asia, Anphabe và Intage trao tặng, cùng với đó là giải thưởng "Nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất" từ Career Builder và Insight Asia.

Việc chuyển đổi sang mô hình công việc kết hợp trực tiếp và từ xa đặt ra yêu cầu mọi thứ phải được số hóa nhiều hơn. Techcombank theo đó sẽ cần những cán bộ quản lý được trang bị các kỹ năng về kỹ thuật số vượt trội, khả năng biết chính xác những gì cần làm với công nghệ, và khi nào thì cần sử dụng, tại các vị trí/nhóm công tác được điều động.

Số hoá

Trong năm 2021, Techcombank đã ưu tiên triển khai các nền tảng tín dụng và ngân hàng giao dịch, tại cả hai mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp - chúng tôi muốn việc sử dụng các dịch vụ này dễ dàng như tải một bài hát trên Spotify.

Các tiêu điểm đã triển khai bao gồm:

Nền tảng cho vay bán lẻ đa kênh Omni hàng đầu thị trường (Tín dụng thông minh – Smart Credit):

Chúng tôi ra mắt nền tảng cho vay bán lẻ mới trên điện toán đám mây với tính năng phê duyệt trước hoặc tại chỗ với thẻ tín dụng và phê duyệt khoản vay thế chấp tức thì. Quy trình cho phép giảm thời gian phê duyệt từ 2 ngày xuống còn 3 giây đối với thẻ tín dụng và từ 3 ngày xuống còn 3 phút đối với các khoản vay thế chấp. Điều này giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ giảm từ 7 ngày xuống còn 3 ngày và kích cầu tín dụng. Chỉ trong 2 tháng cuối năm 2021, hơn 21.000 thẻ đã được phát hành áp dụng Smart Credit, trong đó 92% thẻ hiện đang hoạt động và 96% khách hàng cho biết hài lòng với quy trình cho vay.

Nền tảng cho vay thương mại doanh nghiệp (BCDE):

Công cụ xét duyệt, quản lý vòng đời tín dụng doanh nghiệp được chúng tôi triển khai giai đoạn 1 từ nửa cuối năm 2020 và tăng tốc trong năm 2021 trên nền tảng điện toán đám mây, với gần 70% đơn vay vốn hiện đang được xử lý trên nền tảng này. Các dịch vụ thanh toán, giao dịch và doanh nghiệp liền mạch theo đó vượt trội hơn hẳn so với dịch vụ cho vay thông thường.

Ứng dụng di động mới dành cho khách hàng cá nhân:

Chúng tôi tin rằng điện thoại di động sẽ là thiết bị chủ đạo cài đặt các ứng dụng tài chính, ngân hàng và thực hiện phần lớn các giao dịch của cá nhân. Vì vậy, chúng tôi đã nâng cấp ứng dụng Techcombank Mobile theo hướng tinh giản hơn, trực quan hơn và mang tính cá nhân hóa nhiều hơn. Các tính năng được bổ sung hoặc nâng cấp chính bao gồm:

- các thao tác, nghiệp vụ ngân hàng và đầu tư được tích hợp trên cùng một nền tảng
- thanh toán nhanh hơn, trực quan hơn bao gồm trung tâm thanh toán tiền điện thoại di động, internet, truyền hình, dịch vụ nhà ở, bảo hiểm, học phí, hóa đơn điện nước, và vé du lịch v.v.
- thanh toán tức thì và đề xuất các sản phẩm như thẻ tín dụng, vay trả góp, tiền gửi thanh toán, quỹ



Hơn 21.000 thẻ tín dụng với 96% khách hàng cho biết hài lòng với quy trình cho vay

- thông báo thông minh để đề xuất các mẹo và hành động bảo vệ tài chính được cá nhân hóa, chẳng hạn như tối đa hóa các khoản đầu tư
- kiểm soát tốt hơn việc chi tiêu bằng thẻ và các dịch vụ chủ động

Ứng dụng di động mới dành cho khách hàng doanh nghiệp:

Techcombank đã thử nghiệm thành công ứng dụng ngân hàng trực tuyến mới cho hơn 600 khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Đây là một bước tiến trong quá trình số hóa, đơn giản hóa và sáng tạo mô hình tiếp cận đa kênh nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng. Ứng dụng này được dự kiến triển khai đồng bộ cho toàn bộ khách hàng của khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB) trong năm 2022.

Tập trung vào cơ sở hạ tầng và phát triển công nghệ:

Techcombank đã xây dựng hạ tầng điện toán đám mây và hiện là một trong số ít ngân hàng ở Việt Nam đã bắt đầu dịch chuyển lên đám mây, thông qua mối quan hệ hợp tác toàn diện với Amazon Web Services (AWS). Ứng dụng DevSecOps (Phát triển-Bảo mật-Vận hành) sẽ tự động hóa các công việc thủ công, những công việc lặp đi lặp lại – giảm thiểu tối đa lỗi sai của con người, cung cấp các phân tích tốt hơn và cải thiện năng suất. Ngoài ra, Ngân hàng đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị triển khai hệ thống phần mềm chống rửa tiền (AML), hay phần mềm chống tài trợ khủng bố (CTF) bên cạnh các biện pháp kiểm soát khác theo lộ trình đưa Techcombank ngang hàng với các Ngân hàng hàng đầu trong khu vực về chuẩn mực cao nhất về an ninh, bảo mật trong khu vực.



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2021: Một năm tiếp nối của những thành công (tiếp theo)

Tập trung vào xây dựng nền tảng, tăng tốc cho chiến lược 2021-2025

Dữ liệu

Dữ liệu là kim chỉ nam cần thiết giúp khách hàng có những lựa chọn sáng suốt và giúp ngân hàng tạo ra các giải pháp phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân. Để đạt được điều này, trong năm 2021 Techcombank đã tập trung vào:

- 1 xây dựng **kho dữ liệu tích hợp điện toán đám mây với Amazon Web Services (AWS)**
- 2 sử dụng **các dữ liệu và phân tích để phát triển các mô hình xu hướng tiên tiến** nhằm dự đoán hành vi của khách hàng, tăng số lượng các phiếu khách hàng tiềm năng. Các ứng dụng cụ thể của việc sử dụng dữ liệu và năng lực phân tích dữ liệu được triển khai trong việc xây dựng sản phẩm bảo hiểm hay xây dựng mô hình cho vay bán lẻ đa kênh Omni kể trên. Cụ thể, mô hình tính điểm và các chính sách tín dụng mới của nền tảng "tín dụng thông minh" (Smart Credit) tích hợp khoảng 300 tính năng dựa trên 2.000 cấu phần dữ liệu thô từ 15 nguồn dữ liệu nội bộ và bên ngoài
- 3 cải tiến **quản trị dữ liệu** để thực hiện các chính sách và chuẩn mực mới; xác định kiến trúc và công nghệ mục tiêu

Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA) được giao nhiệm vụ thực hiện những ưu tiên này trong năm 2021. Một thành tựu quan trọng là xây dựng nền tảng của bể dữ liệu các thể hệ tiếp theo, hiện đang tích hợp được hơn 60% hệ thống kinh doanh trọng yếu, và đã trở thành công cụ không thể thiếu trong:

- các sáng kiến gia tăng giá trị cho thẻ tín dụng và các bước ra quyết định trong quy trình xét duyệt rủi ro cho vay mua nhà
- giảm thời gian phê duyệt từ nhiều tuần xuống còn vài giờ
- cải thiện trải nghiệm số hóa cho khách hàng

Mặc dù mới ở giai đoạn đầu, Ngân hàng ước tính các sáng kiến về dữ liệu đã giúp đóng góp trực tiếp khoảng 400 tỷ vào doanh thu hoạt động.



Giải thưởng

Năm 2021, lần đầu tiên tham gia hạng mục giải thưởng Ngân hàng vốn tốt nhất Châu Á-Thái Bình Dương của tạp chí Corporate Treasurer, chúng tôi đã vinh dự nhận giải thưởng "Nhà quản lý nguồn vốn xuất sắc nhất" của khu vực. Các giải thưởng danh giá khác đạt được trong năm gồm có:

- Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2021 - Euromoney
- Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2021 - FinanceAsia
- Top 6 ngân hàng bán lẻ được đề cử nhiều nhất tại Châu Á-Thái Bình Dương, theo khảo sát người tiêu dùng và xếp hạng ngân hàng bán lẻ năm 2021 - BankQuality

Ngân hàng tốt nhất Việt Nam, 2021 - Euromoney

- Ngân hàng có sản phẩm đầu tư tốt nhất và Ngân hàng có sản phẩm cho vay mua nhà/thế chấp tốt nhất 2021 - The Asian Banker
- Ngân hàng có vốn dài hạn và vốn lưu động tốt nhất cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) - The Asset
- Ngân hàng dẫn đầu thị trường về hoạt động thanh toán nội địa - NAPAS



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng giao dịch được đề cử nhiều nhất tại Việt Nam

Ngân hàng có sản phẩm đầu tư và cho vay mua nhà tốt nhất 2021



Ngân hàng tốt nhất Việt Nam

Ngân hàng vốn tốt nhất Châu Á-Thái Bình Dương



Ngân hàng có vốn dài hạn và vốn lưu động tốt nhất cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME)



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Các ưu tiên và trọng điểm của năm 2022

Tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2022 dự kiến trong khoảng 5,5%-6,5% theo dự báo của Ngân hàng Thế giới, ADB và Chính phủ Việt Nam.

Tăng trưởng này chủ yếu được thúc đẩy bởi các biện pháp mở cửa nền kinh tế, cải thiện các chỉ số vĩ mô và thực hiện tiêm chủng toàn dân nhằm giảm thiểu tác động tổng thể của COVID-19. Những tác động đầy đủ của căng thẳng hiện đang diễn ra giữa Nga-Ukraine đối với nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam vẫn chưa thật sự rõ ràng. Techcombank đang thực hiện mọi biện pháp để xác định và bảo vệ lợi ích của các bên liên quan nhằm duy trì vị thế của Ngân hàng, đảm bảo một năm tăng trưởng lành mạnh từ cả doanh thu hoạt động lẫn lợi nhuận cho cổ đông.

Sang năm thứ hai trong hành trình chuyển đổi 5 năm, Ngân hàng sẽ tiếp tục xây dựng và củng cố các trụ cột Dữ liệu, Số hóa và Nhân tài. Ngân hàng sẽ đẩy mạnh tập trung vào việc thu hút và gắn kết khách hàng dựa trên các nền tảng số hóa, sử dụng sức mạnh của dữ liệu để cá nhân hóa các dịch vụ, khuyến khích khách hàng tương tác với những nội dung được thiết kế phù hợp nhu cầu và mong muốn của họ.

Điều này có nghĩa là Ngân hàng sẽ tập trung vào việc đưa ra các giải pháp nhằm gia tăng thị phần ngân hàng giao dịch chính (Primary Banking). Để thực hiện điều này, Ngân hàng sẽ triển khai các gói dịch vụ theo từng cấp độ

dành cho khách hàng. Mỗi cấp độ sẽ là những giải pháp và tư vấn cho khách hàng mục tiêu, bao gồm cả các giải pháp số hóa. Ngân hàng cũng sẽ tận dụng mô hình học máy và mô hình xu hướng để định danh khách hàng sớm hơn và cung cấp cho họ những giải pháp dựa trên các phân tích chuyên sâu.

Techcombank sẽ tiếp tục đẩy mạnh các nền tảng giao dịch cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp – bổ sung thêm các tính năng mới giúp đơn giản hóa, trực quan và có những phân tích chuyên sâu hơn cho khách hàng. Khách hàng sẽ có thể sử dụng nền tảng của Ngân hàng ngay từ đầu nhằm đáp ứng nhu cầu về giao dịch, ngân hàng, đầu tư, tín dụng, kế hoạch tài chính. Với sức mạnh từ dữ liệu, các nền tảng sẽ cung cấp những phân tích chuyên sâu và khuyến nghị cho khách hàng, đưa ra các gợi ý phù hợp với định hướng tài chính, quản lý gia sản của họ.

Khi khách hàng có nhu cầu bảo vệ cho bản thân và gia đình cũng như khi xuất hiện những cơ hội mới cho cá nhân và doanh nghiệp sau COVID-19, Ngân hàng sẽ có những gói giải pháp và cung cấp cho khách hàng qua nhiều kênh, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng dễ dàng tiếp cận với những dịch vụ này. Hơn thế nữa, Ngân hàng cũng sẽ tiếp tục hoàn thiện quá trình số hóa cho quy trình tư vấn, giúp lực lượng bán hàng có thể đề xuất những giải pháp phù hợp dựa trên sự am hiểu sâu sắc hơn với mỗi khách hàng. Ngân hàng sẽ triển khai các chương trình tích điểm và đổi thưởng nhằm đẩy mạnh gắn kết khách hàng không chỉ trong các dịch vụ ngân hàng và còn trong hệ sinh thái của các đối tác nhằm mở rộng tập khách hàng và đưa ra những định vị giá trị tin cậy, hấp dẫn.

Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào chuyển đổi quy trình xét duyệt và quản lý tín dụng để đạt được tầm nhìn trở thành ngân hàng có khả năng sinh lời tốt nhất nhưng



vẫn phù hợp và bền vững qua các chu kỳ kinh tế. Điều này giúp đảm bảo các sáng kiến kinh doanh được thực thi trên cơ sở quản trị rủi ro hoàn thiện (rủi ro tín dụng & phi tín dụng) nhằm giúp gia tăng sự tin tưởng của khách hàng khi giao dịch với Ngân hàng, tối ưu hóa lợi nhuận, tuân thủ các quy định, đảm bảo tăng trưởng bền vững. Ngoài ra, Techcombank sẽ số hóa các hệ thống và quy trình cảnh báo sớm bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thu hồi nợ thông qua nhắc nhở thông minh và các chiến lược dựa trên dữ liệu để tăng cường cho các mô hình vận hành thu hồi.

Với tầm nhìn dẫn đầu về Quản trị rủi ro doanh nghiệp, Techcombank sẽ tiếp tục nâng cao năng lực, tập trung vào 3 cấu phần: (1) Rủi ro môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp (ESG), (2) Rủi ro công nghệ, vận hành và tội phạm tài chính (TOFC) và (3) Quản trị rủi ro mô hình (MRM).

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, vì nhân tài là một trong những yếu tố cốt lõi cho thành công của tổ chức, Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư vào việc thu hút, phát triển và giữ chân nhân viên. Ngân hàng sẽ tiếp tục triển khai các phương pháp tuyển dụng sáng tạo như Techathon và quan hệ hợp tác với các trường đại học. Đồng thời Ngân hàng sẽ hợp tác với các tổ chức hàng

đầu để xây dựng các chương trình đào tạo cho nhân viên nhằm giúp họ không ngừng phát triển bản thân, đây cũng là một trong những giá trị cốt lõi của Ngân hàng. Ngân hàng sẽ đẩy mạnh định vị giá trị nhân viên (EVP) để gắn kết và giữ chân nhân tài, khiến việc lựa chọn ở lại và phát triển cùng Ngân hàng là một trải nghiệm thỏa đáng của nhân viên.

2022 sẽ là một năm “lửa thử vàng” khác. Tôi xin cảm ơn Hội đồng Quản trị Ngân hàng vì đường lối dẫn dắt và chỉ đạo vững vàng.

Tôi rất cảm kích đội ngũ cán bộ nhân viên vô cùng kiên cường và tài giỏi - những con người với sự tận tâm vô hạn chính là động lực thúc đẩy thành công của Techcombank. Và tất nhiên, chúng tôi sẽ không đi tới được ngày hôm nay nếu như không có khách hàng. Khách hàng là lý do Techcombank không ngừng nỗ lực để mang tới một hệ thống ngân hàng số tốt nhất, tiện lợi nhất và tiên tiến nhất tại Việt Nam, tại mọi khoảnh khắc mỗi ngày.



02

CÂU CHUYỆN CỦA TECH

- Về chúng tôi
- Tầm nhìn và Sứ mệnh
- Chặng đường lịch sử
- Mạng lưới hoạt động và các công ty con
- Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư



VỀ CHÚNG TÔI

Tên Giao Dịch

Tên tiếng Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Tên tiếng Anh	Vietnam Technological and Commercial Joint- stock Bank
Tên giao dịch	TECHCOMBANK
Tên viết tắt	TECHCOMBANK

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/03/2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP ngày 06/08/1993.)

Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0100230800

Đăng ký lần đầu	07 tháng 09 năm 1993
Sửa đổi lần thứ 52	19 tháng 01 năm 2021

Vốn điều lệ 35.109.147.980.000 đồng

Bằng chữ	Ba mươi lăm nghìn một trăm linh chín tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.
----------	---

Tên Giao Dịch

Địa chỉ	Tòa nhà Techcombank – 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.
Số điện thoại	(+84) (243) 944 6368
Fax	(+84) (243) 944 6395
Website	http://www.techcombank.com.vn
Mã cổ phiếu	TCB

Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Techcombank được thành lập năm 1993 khi Việt Nam bắt đầu chuyển dịch từ nền kinh tế tập trung sang định hướng thị trường. Lớn mạnh từng ngày trong 28 năm qua với số vốn điều lệ khởi điểm chỉ 20 tỷ đồng, Techcombank hôm nay đã trở thành ngân hàng lớn thứ hai về lợi nhuận - một thành công được chúng tôi ươm mầm từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luân thay đổi của khách hàng.

Tới thời điểm hiện tại, Techcombank đang cung cấp nhiều loại sản phẩm và dịch vụ đa dạng cho hơn 9,6 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam, thông qua mạng lưới gồm một trụ sở chính, hai văn phòng đại diện và 307 điểm giao dịch tại 46 tỉnh thành trên cả nước, không chỉ đáp ứng nhu cầu giao dịch ngân hàng thông thường, mà còn đảm bảo nhu cầu bảo vệ và quản lý tài sản cho khách hàng.

Xác định tầm nhìn “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống, phát huy trọn vẹn tiềm năng của mỗi cá nhân”, Techcombank cam kết không ngừng mang tới những giá trị lớn hơn cho khách hàng và cổ đông, đáp ứng nhu cầu thay đổi mỗi ngày bằng cách tập trung vào các giải pháp tiên phong, trở thành đối tác tài chính tin cậy của mọi khách hàng. Techcombank mang sứ mệnh dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

Dịch vụ ngân hàng

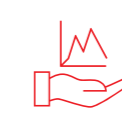
Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm:



Thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép;



Huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân;



Thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật;



Cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng;



Kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

TÂM NHÌN VÀ SỨ MỆNH

TÂM NHÌN

Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống; thúc đẩy mỗi người khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội.

SỨ MỆNH

Dẫn dắt hành trình số hóa của ngành tài chính, tạo động lực cho mỗi cá nhân, doanh nghiệp và tổ chức phát triển bền vững và bứt phá thành công.

CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Năm 1993 khi Techcombank được thành lập, Việt Nam vừa mới trải qua công cuộc Đổi Mới. Cũng như nền kinh tế Việt Nam, Techcombank đã trải qua 28 năm với nhiều giai đoạn phát triển thần tốc. Nhìn chung nền kinh tế trong nước cũng như ngành tài chính ngân hàng vẫn còn rất non trẻ, thị trường tài chính Việt Nam vì vậy được dự báo sẽ còn rất nhiều tiềm năng phát triển trong tương lai, đặc biệt là thông qua ngân hàng số.

Với Techcombank, khi chúng tôi đặt ra tầm nhìn của mình, thành công không chỉ là đích đến cuối cùng mà còn là dấu ấn của cả một quá trình chuyển đổi. Tiếp nối những thành công trong năm 2020 và vượt qua khó khăn của năm 2021, Techcombank đã tiếp tục khẳng định vị trí ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam, khi lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục 23,2 nghìn tỷ đồng, hiệu quả hoạt động dẫn đầu ngành và đón thêm 1,2 triệu khách hàng mới. Với những kết quả vượt trội này, Techcombank tự tin hướng đến hoàn thành các mục tiêu năm 2022 được đề ra trong chiến lược 5 năm 2021-2025 và vững bước trên hành trình chuyển đổi để trở thành ngân hàng số tốt nhất Việt Nam và top 10 trong khu vực ASEAN.

Lịch sử và Thành tựu 28 năm của Techcombank

1993

- Thành lập với vốn điều lệ 20 tỷ đồng.

2001

- Triển khai hệ thống phần mềm ngân hàng lõi Globus theo tiêu chuẩn quốc tế.

2003

- Tham gia hệ thống thanh toán thẻ toàn cầu thông qua thẻ F@stAccess - Connect 24.

2006

- Tham gia "câu lạc bộ" các ngân hàng có tài sản trên 1 tỷ USD.

2008

- Thành viên sáng lập liên minh thẻ lớn nhất Việt Nam Smartlink;
- Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank VISA.

2009

- Khẳng định vị trí ngân hàng TMCP hàng đầu với vốn điều lệ lên 5.400 tỷ đồng; tổng tài sản đạt mức 95.000 tỷ đồng và là ngân hàng đầu tiên hợp tác với công ty tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới McKinsey.

2010

- Techcombank là "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010" do tạp chí EuroMoney trao tặng, và được đánh giá cao với nhiều giải thưởng quốc tế.

2011

- Ngân hàng TMCP lớn thứ 2 Việt Nam với quy mô tổng tài sản 180.000 tỷ cùng 307 chi nhánh trên toàn quốc.

2012

- Ngân hàng đi đầu trong việc mang đến trải nghiệm công nghệ số thông qua dịch vụ giao dịch ATM không cần thẻ đến hơn 2,8 triệu khách hàng.

2014

- Khẳng định vị thế ngân hàng dẫn đầu về chất lượng dịch vụ với 23 giải thưởng uy tín từ các tổ chức trong và ngoài nước như Global Finance, IFC, Finance Asia;
- Là sự lựa chọn tin cậy của 3,7 triệu khách hàng cá nhân và 48 nghìn khách hàng doanh nghiệp.

2015

- Top 2 ngân hàng có doanh số thanh toán thẻ VISA lớn nhất thị trường với 4,2 triệu khách hàng.

2016

- Bước vào giai đoạn bứt phá với sự ra mắt và triển khai chiến lược 2016-2020 để trở thành ngân hàng dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam và là ngân hàng số 1 Việt Nam;
- Lợi nhuận 2016 tăng trưởng gấp đôi so với năm trước, với giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" được trao tặng bởi Finance Asia, "Ngân hàng Việt Nam xuất sắc của năm" từ Asia Risk và "Doanh nghiệp có chính sách nhân sự xuất sắc" từ Vietnam HR Awards.

2017

- Ngân hàng đứng đầu về chỉ số tín nhiệm tương đương mức "trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia" do S&P công bố;
- Tiếp tục tăng trưởng lợi nhuận gấp đôi so với năm trước, đứng thứ hai về khả năng sinh lời do Asian Banker xếp hạng, với số lượng khách hàng đạt mốc hơn 5 triệu;
- Ngân hàng đứng đầu về doanh số thanh toán thẻ quốc tế VISA của Việt Nam;
- Ngân hàng dẫn đầu về sản phẩm Bancassurance, tới từ hợp tác chiến lược với nhà cung cấp bảo hiểm hàng đầu Manulife;
- Đứng đầu về chỉ số gắn kết (EES) do cán bộ nhân viên bình chọn và đứng Top 2 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ngành tài chính ngân hàng;
- Ghi dấu ấn biểu tượng Kết nối cộng đồng với Giải Marathon Quốc tế TP Hồ Chí Minh Techcombank.

2018

- Chính thức niêm yết trên sàn Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, với mã cổ phiếu TCB, giá trị vốn hóa tại thời điểm niêm yết 6,5 tỷ USD;
- Top 3 thương vụ IPO lớn nhất thị trường Đông Nam Á 2018;
- Tăng vốn điều lệ gấp 3 lần lên mức gần 34.966 tỷ đồng;
- Là ngân hàng cổ phần tư nhân đầu tiên vượt mức lợi nhuận 10.000 tỷ đồng;
- Ngân hàng đứng đầu về doanh số giao dịch thẻ VISA (debit và credit) tại Việt Nam do tổ chức Thẻ Quốc tế VISA trao tặng;
- Giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Euromoney bình chọn;
- Giải thưởng Ngân hàng Tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam 2018 do tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng.

2019

- Khai trương VP Hội sở mới 119 Trần Duy Hưng Techcombank Agile Center;
- Lợi nhuận trước thuế cán mốc kỷ lục trên 12 nghìn tỷ đồng và đón thêm 1 triệu khách hàng mới;
- Đứng đầu ngành ngân hàng về hiệu quả hoạt động, vượt mục tiêu trước 2 năm. Có nền tảng Nhân sự xuất sắc với chỉ số OHI và EES ở mức kỷ lục;
- Đứng đầu toàn thị trường về doanh số thanh toán qua thẻ, nhận 7 giải thưởng từ tổ chức VISA - số lượng giải nhiều nhất từng được trao cho một ngân hàng;
- Chính thức áp dụng chuẩn Basel II từ 1/7/2019, tỷ lệ CAR luôn ở mức cao gấp đôi so với chuẩn yêu cầu của NHNN;
- Giải thưởng "Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam" do Asia Risk bình chọn, khẳng định năng lực thiết kế và cung cấp các sản phẩm phái sinh với quy mô lớn, các giải pháp tài chính cho khách hàng và hệ thống quản trị nội bộ bài bản;
- Giải thưởng "Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam 2019" do The Asian Banker trao tặng.

2020

- Trong bối cảnh đại dịch COVID-19 bùng phát, ưu tiên nguồn lực để xây dựng cơ chế bảo vệ cán bộ - nhân viên, khách hàng;
- Đẩy mạnh năng lực về số hóa và dữ liệu: Triển khai phương thức làm việc Agile; thành lập Khối Dữ liệu & Phân tích;
- Tạo ra hệ sinh thái các tiện ích toàn diện với trải nghiệm đa kênh đầu-cuối trên nền tảng số lần đầu tiên tại Việt Nam;
- "Giao dịch vay hợp vốn thành công nhất" tại Việt Nam năm 2020, với khoản vay hợp vốn 500 triệu USD;
- Hợp tác cùng đối tác One Mount Group, thiết lập trải nghiệm số hóa xuyên suốt trên hành trình khách hàng: Giải pháp tài chính "Thẻ ứng vốn" cho chủ tiệm tạp hoá VinShop; trải nghiệm vay mua nhà toàn diện xuyên suốt với OneHousing;
- Tỷ lệ CASA 46,1% đứng số 1 thị trường - tổng huy động CASA lần đầu tiên vượt 100.000 tỷ đồng;
- ROA cao nhất toàn ngành ngân hàng, ở mức 3,1%;
- Thương hiệu số 1 về hoạt động hiệu quả từ Forbes;
- "Thương hiệu ngân hàng ấn tượng nhất 2020" và "Ngân hàng có sức khỏe thương hiệu tốt nhất" từ MiBrand - đối tác trong nước của Brand Finance.

2021

- Ngân hàng tư nhân đầu tiên tại Việt Nam gia nhập "câu lạc bộ" tỷ đô với LNTT đạt hơn 23,2 ngàn tỷ đồng;
- Tiếp tục huy động thành công 800 triệu USD vay hợp vốn trên thị trường quốc tế cho kỳ hạn 3 năm và 5 năm;
- Đạt 2 giải thưởng danh giá "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" do Euromoney và Finance Asia trao tặng;
- Đạt giải thưởng "Nhà quản lý nguồn vốn xuất sắc nhất (Best Treasurer)", khu vực Châu Á Thái Bình Dương do Corporate Treasure trao tặng.

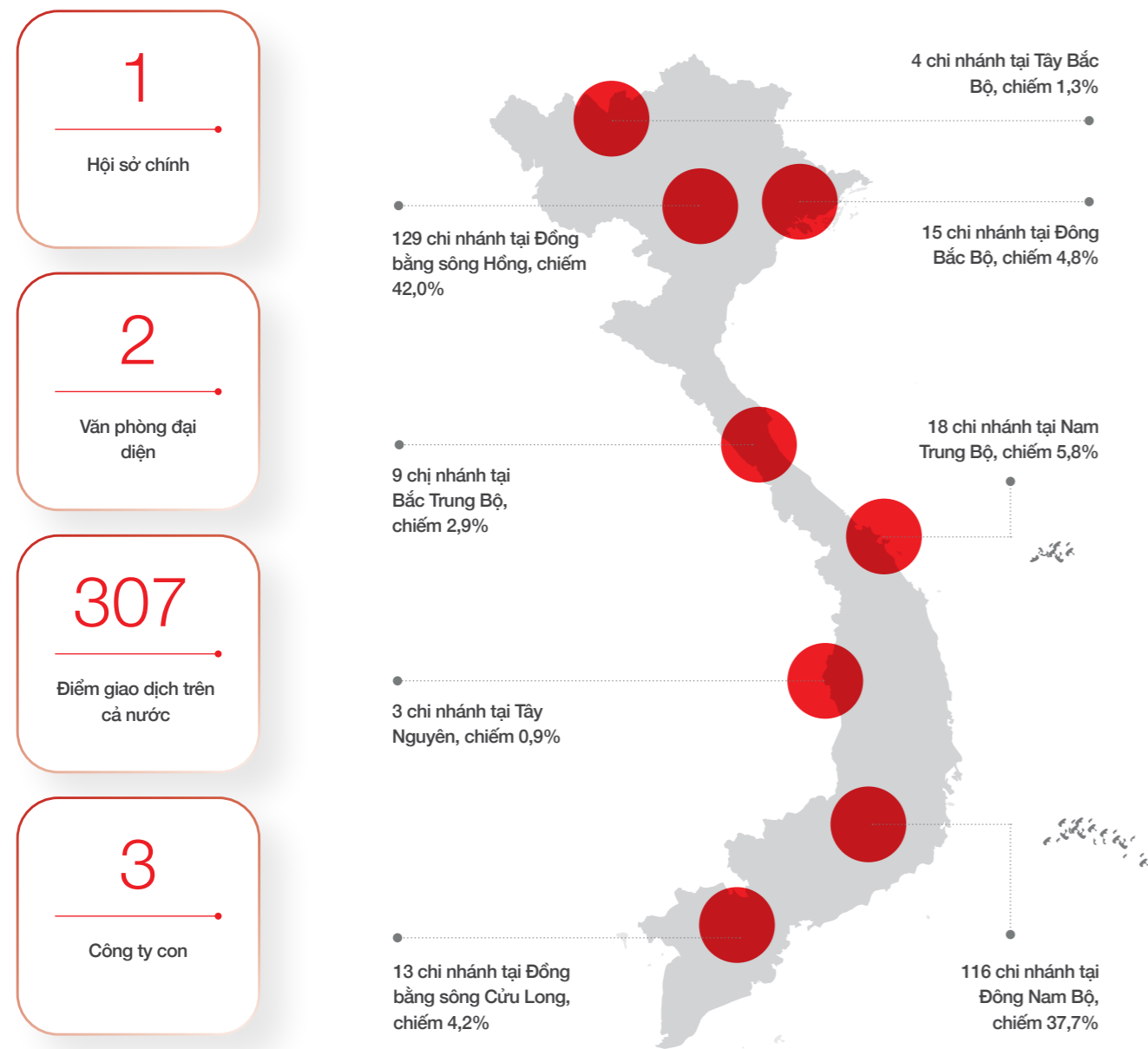


MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, hai (02) văn phòng đại diện, ba trăm linh bảy (307) điểm giao dịch trên cả nước và ba (03) công ty con.

Hoạt động tại 46 trên 63 tỉnh thành trên cả nước:



Các công ty con

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (Techcom Securities – TCBS)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 72/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/11/2020
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 10 và tầng 12, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Hoạt động chứng khoán
Vốn điều lệ	1.124.246.800.000 đồng
% sở hữu bởi Techcombank	89%

2021 là năm khởi đầu cho giai đoạn 5 năm chiến lược mới 2021-2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương với mục tiêu trở thành “nhạc trưởng” của dòng chảy vốn tại Việt Nam

5@5@5@5 = 2025

5 triệu người dùng

5 giải pháp mỗi người dùng

5.000 tỷ đồng lợi nhuận

5 tỷ USD vốn hoá

Bất chấp ảnh hưởng của dịch bệnh, những chỉ số tài chính chủ lực của TCBS vẫn tiếp tục duy trì ở mức độ vững mạnh và an toàn cao. Tổng doanh thu năm 2021 ghi nhận 5.195 tỷ đồng, tăng 59,4% so với năm 2020, và lợi nhuận trước thuế đạt 3.810 tỷ đồng, tăng 41,5% so với năm 2020. Biên lợi nhuận trước thuế đạt 73,3%. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn sở hữu (ROE) đạt 39,6%.

Tổng doanh thu năm 2021
5.195 Tỷ đồng ↑ 59,4%
N/N

ROE **39,6%**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Các công ty con (tiếp theo)

Năm 2021 là năm thứ sáu liên tiếp TCBS dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE). Chúng tôi đã phân phối lượng trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) iBond trị giá 41.400 tỷ đồng, tăng 20,1% so với năm 2020.

Trong năm, TCBS đi tiên phong tại thị trường Việt Nam khi cho phép khách hàng linh động chọn số tài khoản chứng khoán theo sở thích cá nhân (không giới hạn số hay chữ) như 105CMESSI1, 105C300888, theo ngày tháng năm sinh 105CLINH87, trùng với căn cước công dân (CCCD), hoặc ngày đặc biệt mang ý nghĩa riêng của cá nhân hay sự kiện đáng ghi nhớ trong đời. Nhờ những tiện ích và trải nghiệm vượt trội đó, số lượng tài khoản mở mới tại TCBS trong năm 2021 đạt hơn 348.500 tài khoản, tăng 214% so với cùng kỳ năm ngoái, chiếm tới 22,7% số lượng tài khoản cá nhân mở mới toàn ngành.

Năm 2021, TCBS nằm trong Top 6 thị phần môi giới cổ phiếu trên sàn HoSE với 4,7% thị phần. Doanh thu hoạt động kinh doanh cốt lõi của công ty là mảng sản phẩm đầu tư đạt 3.449 tỷ đồng, tăng tới 124% so với cùng kỳ năm 2020 bất chấp tác động của dịch bệnh.

Với nguồn vốn chủ sở hữu đạt 9.229 tỷ đồng và dư nợ vay ký quỹ khoảng 14.700 tỷ đồng tại cuối quý 4 năm 2021, TCBS hiện đang còn tổng hạn mức cho vay ký quỹ gần 3.800 tỷ đồng sẵn sàng giải ngân, với lãi suất từ 0,5% – 10,5%/năm.

Trong tháng 12/2021, TCBS nhận được thêm một khoản vay tín chấp trị giá 83 triệu USD (tương đương 1.900 tỷ đồng) từ các định chế tài chính nước ngoài, trong đó Ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) – Chi nhánh Singapore và Ngân hàng Taishin International Bank – Đài Loan đóng vai trò đồng thu xếp và dựng sổ (MLABs). Đây là một trong những khoản cấp tín dụng tín chấp, không cần tài sản đảm bảo lớn nhất dành cho một CTCK Việt Nam, từ các định chế tài chính quốc tế trong năm 2021. Theo đó, TCBS đã nâng tổng giá trị huy động trên thị trường vốn quốc tế lên mức gần 200 triệu USD tín chấp trong một năm qua từ các định chế nước ngoài.

HoSE

#1

năm thứ 6 liên tiếp
Thị phần môi giới trái phiếu

Số lượng tài khoản mở mới tại TCBS trong năm 2021

> 348.500

↑ 214% N/N

HoSE

#6

Thị phần môi giới cổ phiếu

Các giải thưởng TCBS nhận trong năm



The Asset "Triple A Awards"

Best Brokerage

(Nhà môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2021)

Best Deals – Best Local Currency Bond

(Giao dịch trái phiếu phát hành bằng đồng nội tệ nổi bật nhất)

Best Bond Advisor – Domestic

(Nhà tư vấn phát hành trái phiếu trong nước tốt nhất Việt Nam)



Finance Asia Country Award

Best DCM House in Vietnam

(Nhà tư vấn phát hành trái phiếu trong nước tốt nhất Việt Nam)

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital – TCC)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	Số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05/06/2019
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Tầng 10, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Quản lý quỹ
Vốn điều lệ	44.943.820.000 đồng
% sở hữu bởi Techcombank	89%

Năm 2021, TCC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt lần lượt 482 tỷ đồng và 276 tỷ đồng, tương ứng tăng 46,2% và 17,6% so với cùng kỳ năm 2020. Tổng tài sản tăng 45,4% lên 710 tỷ đồng, biên lợi nhuận trước thuế vẫn ở mức cao 57,3%. Tính riêng về quy mô tài sản quản lý của các quỹ mở nội địa, giá trị tài sản quản lý (AUM) của TCC hiện đạt 22.241 tỷ đồng, chiếm 53,6% thị phần, tiếp tục duy trì vị trí số 1 về quy mô tài sản quản lý tại Việt Nam.

Doanh thu

482 tỷ đồng

↑ 46,2%N/N

#1 Quy mô quản lý tài sản nội địa

Tổng tài sản

710 tỷ đồng

↑ 45,4%N/N

Quỹ lớn nhất do TCC quản lý, TCBF, có tổng giá trị tài sản ròng (NAV) tại ngày 31/12/2021 đạt 21.578 tỷ đồng giúp quỹ TCBF giữ vững vị trí là quỹ mở trái phiếu nội địa lớn nhất thị trường với thị phần 87,0%.

Chỉ từ 10.000 đồng, khách hàng đã có thể tham gia mua chứng chỉ các quỹ đầu tư trên ứng dụng TCInvest. Hiện nay, có gần 80.000 khách hàng cá nhân đang đầu tư quỹ mở tại TCC.

Quỹ cổ phiếu Techcom Top 30 (TCEF) đầu tư vào top 30 doanh nghiệp hàng đầu trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, với lợi nhuận kỳ vọng ở mức 12%/năm. Quỹ TCEF đã thu hút hơn 14.000 nhà đầu tư tham gia. Quý 4 năm 2021, TCC đã phân phối hơn 227 tỷ đồng chứng chỉ quỹ TCEF, tăng gấp 2,5 lần so với cùng kỳ năm 2020. Lũy kế cả năm 2021, TCC đã phân phối 979 tỷ đồng chứng chỉ quỹ TCEF, tăng gấp 30,6 lần so với năm ngoái.

TCBF

87,0%

Thị phần quỹ mở trái phiếu nội địa

TCC

80.000

Khách hàng cá nhân

TCC đã phân phối

979 Tỷ đồng

Chứng chỉ quỹ TCEF

Các quỹ đầu tư TCC đang quản lý:

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Techcom (TCBF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 21.578 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định như các trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi các công ty có xếp hạng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	2021
NAV/CCQ (đồng)	13.765	14.649	15.655

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Linh Hoạt (FlexiCASH)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 113 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021.

Chiến lược đầu tư: Tối ưu hóa lợi nhuận dòng tiền ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và cá nhân. Thay vì để tiền ngắn hạn chưa sử dụng tại ngân hàng với lãi suất không kỳ hạn 0,5%/năm, nhà đầu tư có thể thu được lợi nhuận kỳ vọng lên đến 6%/năm cho thời hạn đầu tư ngắn hạn chỉ từ một đến vài tuần.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	2021
NAV/CCQ (đồng)	10.678	11.163	11.792

Ngày thành lập quỹ: 5/12/2018

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Các công ty con (tiếp theo)

Các quỹ đầu tư TCC đang quản lý:

Quỹ Cổ phiếu Techcom 30 (TCEF)

Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 550 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021.

Chiến lược đầu tư: Mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào (i) chứng khoán của nhóm công ty đầu ngành hoặc có tiềm năng trở thành các công ty đầu ngành, bao gồm cả cổ phiếu và trái phiếu (ii) chứng khoán có tiềm năng tăng trưởng tốt trong dài hạn và/hoặc doanh nghiệp có tính cạnh tranh cao, (iii) chứng khoán có mức định giá hấp dẫn, (iv) chứng khoán có lợi tức cao, ổn định.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	2021
NAV/CCQ (đồng)	13.364	15.170	19.730

Ngày thành lập quỹ: 8/9/2015

Quỹ Đầu Tư Bất Động Sản (TCREIT)

Loại quỹ: Quỹ đóng niêm yết, thành lập ở Việt Nam

Tổng tài sản quản lý: 133 tỷ đồng tại ngày 31/12/2021.

Chiến lược đầu tư: Mang lợi ích dài hạn cho nhà đầu tư nhờ nguồn thu nhập đều đặn và ổn định từ bất động sản và tăng trưởng dài hạn của giá trị bất động sản, dựa trên chiến lược quản lý bất động sản năng động, hiệu quả. Ngoài ra, quỹ có thể đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chính quyền địa phương, các cổ phiếu niêm yết hàng đầu trên Sở HOSE và HNX

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

Năm	2019	2020	2021
NAV/CCQ (đồng)	12.261	12.445	15.045

Ngày thành lập quỹ: 29/6/2016

Năm 2021, TCC đã thành lập Quỹ đầu tư mới là Quỹ đầu tư Giá trị Techcom (TCVF) – thuộc loại hình Quỹ thành viên, với vốn điều lệ 50 tỷ đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC)

Giấy phép đăng ký kinh doanh	0102786255 được cấp lần đầu ngày 18/06/2008, sửa đổi lần thứ 23 ngày 19/10/2021
Địa chỉ đăng ký kinh doanh	Số 191, phố Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Loại hình kinh doanh	Quản lý nợ và khai thác tài sản.
Vốn điều lệ	410.000.000.000 đồng (Bốn trăm mười tỷ đồng)
% sở hữu bởi Techcombank	100%



Năm 2021, Techcombank AMC đã có những đóng góp đáng ghi nhận vào kết quả hoạt động của Techcombank.

Đóng vai trò là khâu cuối cùng trong chu trình tín dụng, Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank AMC) có nhiệm vụ xử lý các khoản nợ xấu, nợ quá hạn nhận ủy thác từ Techcombank. Với đội ngũ gần 300 cán bộ nhân viên trẻ, chuyên nghiệp, am hiểu pháp luật, Techcombank AMC tự hào là một trong những công ty xử lý nợ và khai thác tài sản dẫn đầu trên thị trường. Năm 2021, Techcombank AMC đã có những đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của Techcombank.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC CÔNG TY CON

Các công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (AMC)



Tổng số tiền thu hồi nợ trong năm đạt 1.924 tỷ đồng, trong đó Techcombank AMC đóng góp trực tiếp 1.121 tỷ đồng vào lợi nhuận của Techcombank thông qua thu nợ nhóm khách hàng đã xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro, 803 tỷ đồng còn lại là số thu từ nhóm khách hàng nội bảng, góp phần giữ tỷ lệ nợ xấu của Techcombank theo kế hoạch và đảm bảo các tỷ lệ an toàn vốn theo quy định.

Trong bối cảnh phát triển của thời đại công nghệ số trên thế giới và tại Việt Nam, Techcombank nói chung và Techcombank AMC nói riêng đang hướng tới việc xây dựng cơ sở dữ liệu lớn, đồng thời quản trị và hoàn thiện hệ thống thông tin dữ liệu đảm bảo thống nhất về dữ liệu và phương pháp đo lường để Techcombank AMC trở thành một mắt xích thiết yếu trong toàn bộ quy trình cho vay – thu hồi nợ khép kín. Theo đó, Techcombank AMC đang thiết lập các mô hình và công cụ đo lường để phân tích dữ liệu, nhằm thúc đẩy việc đưa ra quyết định chiến lược một cách nhanh chóng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh song song với việc quản trị rủi ro và tối ưu hóa chi phí.

Bên cạnh đó, Bộ quy tắc thu hồi nợ công bằng được ban hành và áp dụng tại Techcombank AMC đã trở thành kim chỉ nam cho toàn thể các cán bộ của Công ty. Nhờ đó, Techcombank AMC luôn định hướng thực hiện hoạt động xử lý nợ trên tinh thần thượng tôn pháp luật, công bằng và minh bạch. Công ty luôn lựa chọn ưu tiên xử lý nợ và hỗ trợ cho khách hàng để tối ưu hóa lợi ích của khách hàng sau quá trình xử lý nợ. Các cán bộ của Techcombank AMC luôn thực hiện tác nghiệp với tiêu chí đảm bảo sự tôn trọng, trung thực và hướng tới khách hàng, đảm bảo công tác xử lý nợ được triển khai chuyên nghiệp, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2021)

Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.510.914.798 cổ phần (tương đương với vốn điều lệ 35.109.147.980.000 đồng), trong đó:

Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.510.914.798
Số cổ phiếu quỹ	0
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	632.295.026
Số cổ phần chuyển nhượng tự do	2.878.619.772

3.510.914.798
Tổng số cổ phần đang lưu hành

Cơ cấu cổ đông

Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	524.315.499	14,9%
Các cổ đông còn lại	2.986.599.299	85,1%
Tổng	3.510.914.798	100%

Theo điều 4.26 Luật các Tổ chức Tín dụng ban hành năm 2010, "cổ đông lớn của tổ chức tín dụng cổ phần là những cổ đông trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của tổ chức tín dụng cổ phần đó".

Cổ đông lớn và Cổ đông nhỏ
14,9% Cổ đông lớn
85,1% Các cổ đông còn lại

Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	1.641.137.779	46,7%
Cổ đông cá nhân	1.869.777.019	53,3%
Tổng	3.510.914.798	100%

Cổ đông tổ chức và Cổ đông cá nhân
46,7% Cổ đông tổ chức
53,3% Cổ đông cá nhân

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2021)

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	2.721.928.061	77,5%
Cổ đông nước ngoài	788.986.737	22,5%
Tổng	3.510.914.798	100,0%



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2021, Techcombank tăng vốn điều lệ từ 35.049.062.300.000 đồng lên 35.109.147.980.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2021, Techcombank không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

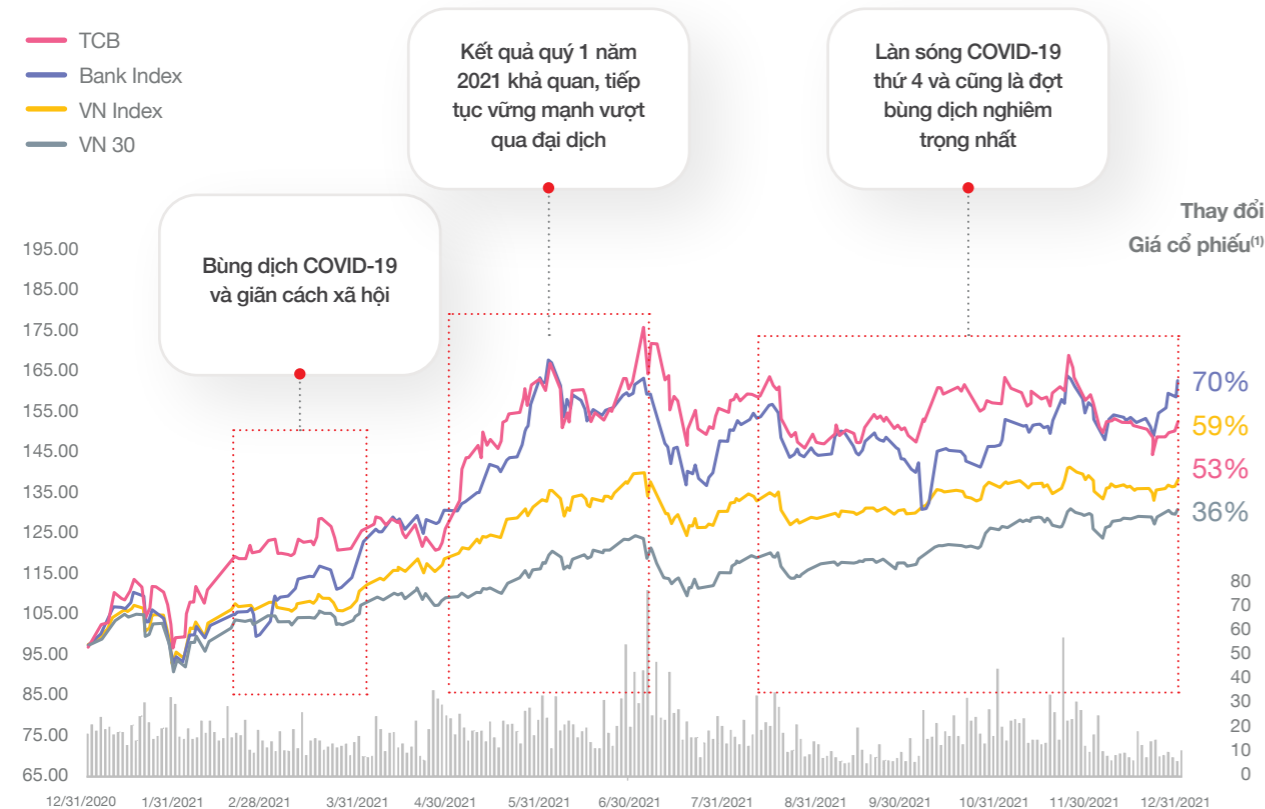
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Techcombank không có cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác

Không có.

Giá cổ phiếu TCB đã vượt các chỉ số chính trong năm 2021

Diễn biến giá cổ phiếu trong 12 tháng



Ghi chú: 1. Tại thời điểm 31/12/2021 so với 31/12/2020

Nguồn: S&P; Bank index gồm VCB, BID, CTG, VPB, ACB, MBB, HDB, VIB BAB, EIB, KLB, LPB, NVB, SHB, STB, TPB

Bất chấp sự bùng phát bất ngờ của đại dịch COVID-19 làn sóng thứ 4 và thời gian giãn cách xã hội khá dài tại các tỉnh thành phố lớn, chỉ số VN-Index trong năm 2021 vẫn tăng 36% so với cùng kỳ năm ngoái. Với những nỗ lực đẩy nhanh tiêm chủng toàn dân, Việt Nam dường như đã kiểm soát và ngăn chặn đại dịch khá tốt. Trong đà tăng của thị trường, giá cổ phiếu Techcombank đã chạm mốc 50.000 đồng vào ngày 31/12/2021, tăng

58,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đánh dấu mức tăng giá lớn nhất kể từ khi niêm yết. Đáng chú ý, xét về thanh khoản, cổ phiếu TCB trở thành một trong những cổ phiếu ngân hàng có khối lượng giao dịch lớn nhất. Khối lượng giao dịch hàng ngày trung bình trong Quý 4 năm 2021 là gần 15 triệu cổ phiếu/ngày, tương đương 762 tỷ đồng.

Hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư trong năm 2021

Sự tin tưởng của các Quý Cổ đông đã đóng góp không nhỏ vào thành công của Techcombank thời gian qua. Trong suốt khoảng thời gian đại dịch diễn ra, bên cạnh việc duy trì trạng thái hoạt động bình thường, Ngân hàng duy trì việc truyền thông đều đặn, giữ liên lạc với nhà đầu tư đặc biệt qua các kênh trực tuyến. Chúng tôi chủ động tiếp cận các cổ đông hiện hữu cũng như các nhà đầu tư khác, các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, trong nước và ngoài nước.

Trong năm 2021, Techcombank đã tổ chức thành công Đại hội Cổ đông thường niên vào ngày 24/04, cũng như 4 sự kiện Gặp gỡ Nhà đầu tư/Chuyên gia phân tích và Công bố Kết quả Kinh doanh hàng quý. Đồng thời, Ngân hàng cũng chủ động tổ chức 4 sự kiện dành riêng cho nhà đầu tư cá nhân. Trong tương lai, chúng tôi vẫn sẽ tiếp tục tổ chức các sự kiện cho cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, thể hiện sự quan tâm chân thành và tận tâm của Techcombank tới mọi nhà đầu tư.

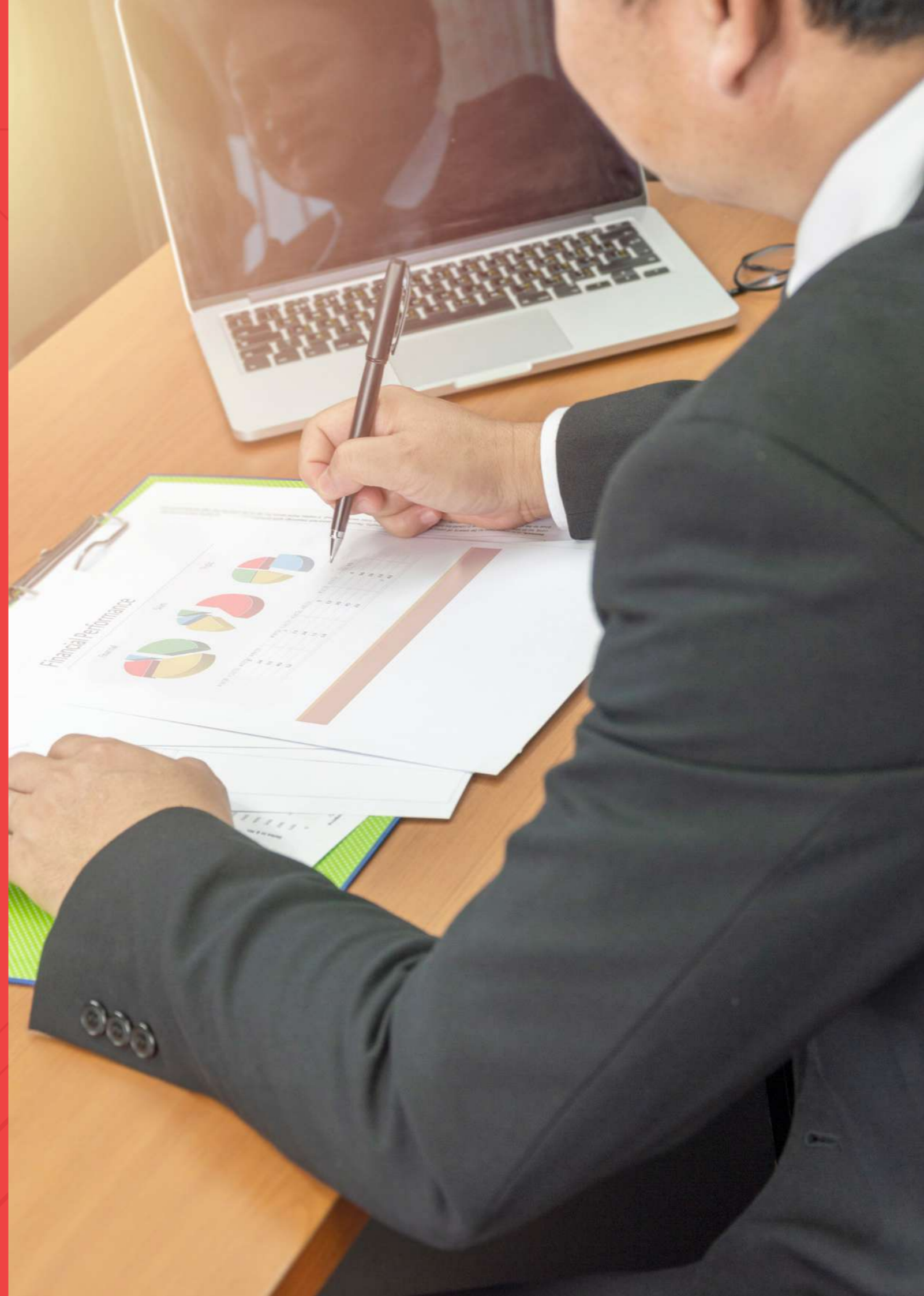
Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư luôn cố gắng hoạt động hiệu quả để cung cấp thông tin tới các nhà đầu tư và chuyên gia phân tích, giúp họ hiểu hơn về Techcombank, về chiến lược dài hạn cũng như phương pháp hoạt động của chúng tôi. Ngoài ra, nhà đầu tư và chuyên gia phân tích còn được tiếp cận với các thông tin, báo cáo được cập nhật kịp thời, minh bạch, hữu ích.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, Ngân hàng đã tham gia 50 cuộc điện đàm/buổi họp với các chuyên gia phân tích và nhà đầu tư trên toàn thế giới. Hầu hết các cuộc họp và điện đàm đều có sự tham gia của Ban Lãnh đạo Ngân hàng. Ngoài các sự kiện do bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư và chuyên gia phân tích có thể liên hệ với chúng tôi qua email và được phản hồi trong vòng 48 giờ.

03

THÀNH TỰU CỦA TECH

- Báo cáo toàn cảnh ngân hàng
- Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG)
- Khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB)
- Khối Ngân hàng Bán buôn (WB)
- Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu (GTS)



BÁO CÁO TOÀN CẢNH NGÂN HÀNG

Techcombank - ngân hàng tư nhân đầu tiên của Việt Nam ghi nhận lợi nhuận trước thuế hợp nhất **1 TỶ USD**

Bất chấp những ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch COVID-19, đặc biệt là tình trạng giãn cách kéo dài tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận trong quý 2 và quý 3 năm 2021, với hệ thống và nền tảng công nghệ sẵn có, Techcombank đã duy trì được sự linh hoạt nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu tài chính của khách hàng. Đền đáp cho những nỗ lực không ngừng nghỉ này là các kết quả vượt bậc, bao gồm:

Tỷ lệ CASA **50,5%**

lập kỷ lục mới, đứng đầu thị trường tại Việt Nam

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) **↑35,4%_{N/N}**
37,1 nghìn tỷ đồng
nhờ tăng trưởng ổn định và đa dạng hóa doanh thu

Lợi nhuận trước thuế (PBT) **↑47,1%_{N/N}**
~ 1 tỷ USD
23,2 nghìn tỷ đồng

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) **21,7%**
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) **3,7%**

tỷ suất sinh lời hàng đầu

Tỷ lệ nợ xấu (NPL) **0,7%**
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) **15,0%**

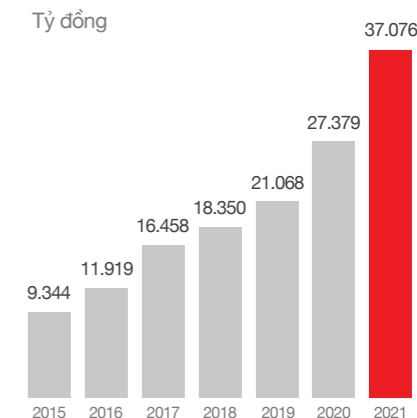
chất lượng tài sản được kiểm soát chặt chẽ và bộ đệm an toàn vốn vượt trội

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) tăng trưởng ổn định, đến từ thu nhập lãi thuần và hoạt động dịch vụ

Tổng thu nhập hoạt động tăng 35,4% so với cùng kỳ. Trong đó, thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng trưởng ngang bằng với thu nhập lãi thuần ở mức 42,4%. Mức tăng này có được nhờ những nỗ lực bền bỉ của ngân hàng trong việc duy trì hoạt động và các khoản đầu tư vào nền tảng ngân hàng số trong các năm vừa qua.

Mức tăng trưởng kỷ lục 42,4% của thu nhập lãi thuần là kết quả của việc mở rộng bảng cân đối kế toán vững chắc, tín dụng tăng tốc cùng nguồn vốn đa dạng, đặc biệt là tiền gửi không kỳ hạn và các khoản vay hợp vốn quốc tế từ các trung tâm tài chính thế giới.

Tổng thu nhập hoạt động qua các năm



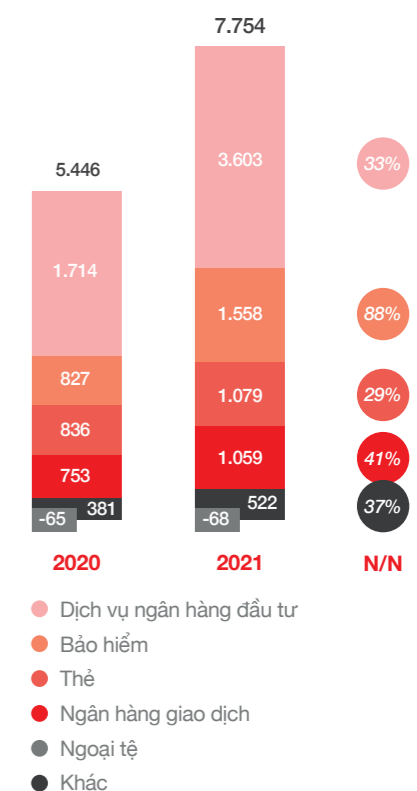
Thu nhập lãi thuần

↑42,4%_{N/N}

Thu từ dịch vụ bảo hiểm

↑88,4%_{N/N}

Thu từ hoạt động dịch vụ theo sản phẩm



Tăng trưởng vượt trội tại tất cả các hoạt động dịch vụ chính, đặc biệt là bancassurance

Các xáo trộn từ đại dịch đã làm gián đoạn giao dịch trực tiếp của khách hàng tại các chi nhánh và làm chậm tốc độ tăng trưởng thu nhập dịch vụ ngân hàng. Tuy nhiên, nhờ việc đã và đang không ngừng đầu tư vào số hóa hoạt động kinh doanh, Techcombank đã không chỉ duy trì được chất lượng dịch vụ mà còn gia tăng số lượng giao dịch cũng như tung ra các sản phẩm dịch vụ mới. Điều này đã góp phần giúp thu nhập từ hoạt động dịch vụ tăng ấn tượng 42,4% so với cùng kỳ năm trước, sau khi đã tăng 47,6% và 31,5% của năm 2019 và 2020. Thu nhập từ phí của các dịch vụ cốt lõi đều tăng trưởng hai con số trong năm 2021, theo đúng chiến lược mà Ngân hàng đề ra là đa dạng hóa nguồn thu nhập từ phí, đẩy mạnh doanh thu phí bảo hiểm, thẻ, ngân hàng giao dịch, v.v.

Năm 2021, Techcombank đã xem xét và tinh chỉnh lại cơ chế hoạt động của dịch vụ bảo hiểm nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đồng thời tăng cường hợp tác chiến lược với Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Manulife. Theo đó, thu từ dịch vụ bảo hiểm ghi nhận mức tăng 88,4%, đóng góp 20,1%, từ 15,2% trước đó, vào tổng thu nhập từ hoạt động dịch vụ của Ngân hàng.

BÁO CÁO TOÀN CẢNH NGÂN HÀNG

Bảng cân đối kế toán lành mạnh bất chấp khó khăn do đại dịch COVID-19

Đối diện với các khó khăn do đại dịch gây ra đối với nền kinh tế toàn cầu và Việt Nam, bảng cân đối kế toán của Techcombank vẫn tăng trưởng bền vững:

- tổng tài sản hợp nhất đạt 568.729 tỷ đồng, tăng 29,4% so với cùng kỳ, trong đó cho vay và trái phiếu doanh nghiệp đạt 410.150 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ
- tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá tăng 14,1% so với cùng kỳ, với tiền gửi không kỳ hạn đạt 50,5% tổng tiền gửi của khách hàng vào cuối năm 2021
- tổng vốn chủ sở hữu tăng 18.426 tỷ đồng, tương ứng tăng 24,7% so với cùng kỳ.

Chỉ tiêu	2021	2020	Biến động	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%
Tăng trưởng tín dụng	410.150	324.253	85.897	26,5
Cho vay 1	347.341	277.524	69.817	25,2
Trái phiếu doanh nghiệp	62.809	46.729	16.080	34,4
Huy động khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	348.433	305.359	43.074	14,1
Huy động 1	314.753	277.459	37.294	13,4
Phát hành giấy tờ có giá	33.680	27.900	5.780	20,7
Vốn và các quỹ	93.041	74.615	18.426	24,7
Vốn	35.586	35.526	60	0,2
Các quỹ	9.155	6.790	2.365	34,8
Lợi nhuận chưa phân phối	47.453	31.816	15.637	49,1
Lợi ích của cổ đông thiểu số	847	484	363	75,0

Tổng tài sản hợp nhất

↑ 29,4%_{ON/N}
đạt 568.729 tỷ đồng

Tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá

↑ 14,1%_{ON/N}
đạt 348.433 tỷ đồng

Tổng vốn chủ sở hữu

↑ 24,7%_{ON/N}
đạt 93.041 tỷ đồng

Huy động vốn

Phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, Techcombank đã tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm đầu tư và đẩy mạnh nền tảng kỹ thuật số để duy trì các giao dịch tài chính cần thiết cho khách hàng ngay cả trong thời gian giãn cách xã hội kéo dài và tối ưu chi phí huy động.

Sự gia tăng mạnh mẽ về số lượng và giá trị giao dịch ở cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp là yếu tố chính đóng góp vào mức tăng trưởng đột phá của tiền gửi không kỳ hạn (CASA), trong đó phân khúc khách hàng cá nhân tăng 30,8% và phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng 24,7% so với năm trước, góp phần đưa tỷ lệ CASA lên mức 50,5%, thiết lập kỷ lục mới của toàn ngành ngân hàng Việt Nam.

Bên cạnh việc tập trung vào CASA, trong năm 2021 Techcombank cũng đã hoàn tất khoản vay đồng tài trợ từ nước ngoài lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay trị giá 800 triệu USD với chi phí cạnh tranh so với thị trường tài chính trong nước nhờ xếp hạng tín dụng cao của Ngân hàng và sự tin tưởng vượt trội từ các nhà cho vay quốc tế.

Sử dụng vốn

Năm 2021 là một năm khó khăn đối với cả khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp khi mọi hoạt động kinh tế đều chững lại, đặc biệt là trong quý 2 và quý 3. Dịch bệnh và giãn cách xã hội đã ảnh hưởng đáng kể đến nhu cầu tín dụng của khách hàng và các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Techcombank đã nhanh chóng điều chỉnh chính sách tín dụng phù hợp hướng tới cho vay cá nhân. Nhu cầu tín dụng từ phân khúc này đã hồi phục nhanh chóng, đặc biệt vào quý 4 năm 2021 sau thời gian giãn cách. Điều này đã cho phép Techcombank duy trì được mức tăng trưởng tín dụng ổn định và đạt hạn mức do NHNN cho phép là 22,1%, vào cuối năm 2021. Cơ cấu tín dụng tiếp tục cho thấy sự đa dạng hóa, trong đó tỷ trọng khách hàng doanh nghiệp lớn giảm xuống 44,9% (từ 49,7% trong năm 2020) và tỷ trọng khách hàng cá nhân tăng từ 34,3% lên 39,4% trong năm 2021, theo đúng chiến lược tập trung vào khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ.

CASA phân khúc khách hàng cá nhân

↑ 30,8%_{ON/N}

CASA phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

↑ 24,7%_{ON/N}

Tỷ lệ CASA

50,5%
thiết lập kỷ lục mới của toàn ngành ngân hàng Việt Nam

Tỷ trọng cho vay khách hàng cá nhân tăng lên

39,4%

BÁO CÁO TOÀN CẢNH NGÂN HÀNG

➔ Một trong những ngân hàng có nền tảng vốn vững chắc nhất Việt Nam

Quản lý vốn

Tại thời điểm đầu năm 2021, Techcombank là một trong những ngân hàng Việt Nam đầu tiên tuân thủ Quy trình Đánh giá Tính Đầy đủ Vốn nội bộ (ICAAP). Ngoài ra, Ngân hàng đã được kiểm định bởi một công ty tư vấn và kế toán trong “Big 4” chứng nhận đã đáp ứng cả ba trụ cột của tiêu chuẩn Basel II và tuân thủ các yêu cầu của NHNN.

Chúng tôi tiếp tục đưa ICAAP vào trong hoạt động hoạch định chiến lược kinh doanh và vốn, đồng thời thực hiện các kế hoạch ICAAP để cải thiện:

- phương pháp luận đánh giá rủi ro trọng yếu
- kiểm tra sức căng thanh khoản và lập kế hoạch vốn
- phân bổ vốn để đáp ứng các mục tiêu hoạt động của ngân hàng.

Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của Techcombank theo Thông tư 41 là 15,0% trong năm 2021, cao hơn 7,0% so với yêu cầu 8,0% của NHNN, đưa Ngân hàng trở thành một trong số các ngân hàng có vốn hóa tốt nhất Việt Nam. Kết quả được hậu thuẫn bởi mức độ tăng trưởng ổn định, có lợi nhuận cao và chính sách không chia cổ tức bằng tiền mặt trong năm 2021.

Tỷ lệ CAR hợp nhất của Techcombank theo Thông tư 41

15,0%

cuối năm 2021

Tỷ lệ an toàn vốn cao mang lại lợi thế cạnh tranh vượt trội và giúp chúng tôi chủ động quản lý bảng cân đối kế toán, gia tăng lợi ích bền vững cho cổ đông.

Quản lý thanh khoản

Techcombank luôn tuân thủ giới hạn tỷ lệ thanh khoản của NHNN theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN. Các tỷ lệ quản lý thanh khoản nội bộ của Ngân hàng cũng đang cải thiện các dự báo thanh khoản.

ĐHQT Ngân hàng đã thông qua khung chính sách và quy định quản lý thanh khoản hợp lý. Hệ thống quản lý, đo lường, giám sát và dự báo rủi ro thanh khoản được giám sát bởi Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ có (ALCO). Ủy ban Quản lý Rủi ro là cơ quan tham mưu hỗ trợ Tổng Giám đốc trong việc ban hành giới hạn rủi ro thanh khoản toàn ngân hàng. Trong khi đó ALCO thực hiện và giám sát việc quản lý rủi ro thanh khoản, tuân thủ các giới hạn và đưa ra cảnh báo về các ngưỡng giới hạn do Ủy ban Quản lý Rủi ro quy định.

Chúng tôi đã thực hiện bài kiểm tra sức căng thanh khoản quy mô lớn dựa trên các sự kiện thanh khoản trên toàn thị trường và các kịch bản của riêng Techcombank,

đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 năm 2021 có nhiều diễn biến phức tạp. Mục đích của thử nghiệm là để dự báo dòng tiền trong một giai đoạn nhất định, giả định lượng tiền rút ra tăng lên hoặc khả năng tiếp cận nguồn vốn liên ngân hàng bị hạn chế. Ngoài ra, Ngân hàng luôn có kịch bản dự phòng thanh khoản (LCP) và rà soát thường xuyên.

Techcombank đã huy động thêm 700 triệu USD nguồn vốn trung và dài hạn từ thị trường quốc tế trong tổng số 800 triệu USD cam kết cho vay bởi các tổ chức tài chính quốc tế với mục đích:

- đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn của Ngân hàng
- tối ưu hóa chi phí vốn
- đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo yêu cầu của NHNN
- nâng cao vị thế của Techcombank trên thị trường vốn quốc tế.

	Hạn mức	Thực tế	Hạn mức	Thực tế
	2021	31/12/2021	2020	31/12/2020
Tỷ lệ thanh khoản	%	%	%	%
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥ 10	15,0	≥ 10	14,4
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày - Đồng	≥ 50	60,8	≥ 50	60
Tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi	≤ 85	75,0	≤ 80	78,1
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	≤ 37	28,7	≤ 40	33,9

BÁO CÁO TOÀN CẢNH NGÂN HÀNG

Quản lý chi phí hiệu quả

Để hoàn thành các kế hoạch chiến lược, chúng tôi đã đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, dịch vụ và hiệu suất, trong khi vẫn tiếp tục quản lý chi phí và tối ưu hóa các nguồn lực để mang lại hiệu quả tài chính vững chắc.

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm xuống 30,1% từ 32,8% phản ánh tốc độ tăng trưởng doanh thu (+35,4%) cao hơn so với chi chi phí (+24,4%). Gia tăng chi phí hoạt động chủ yếu đến từ việc tăng chi phí hoàn tiền cho giao dịch của khách hàng trong khoản mục chi phí tiếp thị và quảng cáo, chi phí nhân sự công nghệ thông tin, các chi phí khấu hao liên quan đến số hóa và dữ liệu.

Chi phí nhân sự

Nhân sự là chìa khoá dẫn tới thành tựu liên tiếp của Techcombank và vai trò của đội ngũ nhân sự bao gồm:

- phục vụ khách hàng và cộng đồng
- xây dựng công nghệ
- quyết định chiến lược
- quản lý rủi ro
- xác định các khoản đầu tư
- thúc đẩy đổi mới để đảm bảo sự thịnh vượng của ngân hàng, trong hiện tại và tương lai.

Đầu tư vào con người là ưu tiên hàng đầu của Ngân hàng. Chúng tôi mong muốn khai thác toàn bộ tiềm năng của đội ngũ nhân sự, thông qua đào tạo và giáo dục các kỹ năng mới trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, và đồng thời tăng lương thưởng tương ứng với hiệu quả kinh doanh. Chi phí nhân sự, do đó, tăng 23,6% so với cùng kỳ, chủ yếu do lương thưởng và đãi ngộ cao hơn, phù hợp với sự phát triển vượt trội của Techcombank trong bối cảnh cạnh tranh toàn ngành.

Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR)
30,1%

Chi phí nhân sự
↑23,6%_{N/N}

Chi phí tiếp thị và quảng cáo

Để ứng phó với sự cạnh tranh ngày càng tăng từ trong nước và từ các doanh nghiệp ngoài ngành, chúng tôi đã tung ra thị trường nhiều dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua các chiến dịch tiếp thị mục tiêu, khai thác lợi ích của phân tích dữ liệu và sử dụng mạng xã hội. Những sáng kiến này đã tăng các mối liên hệ tiềm năng có chất lượng và chuyển đổi khách hàng tiềm năng thành khách hàng mới, nhưng đồng thời kéo theo chi phí đáng kể cho việc nghiên cứu thị trường, quản lý thương hiệu và các chiến dịch tiếp thị. Được khách hàng đánh giá cao, Techcombank và Techcom Securities (TCBS) đã duy trì chương trình hoàn tiền (1% đến 5% tùy sản phẩm) dựa trên giá trị giao dịch và iXu, một hệ thống tích điểm liên kết với doanh số giao dịch của khách hàng TCBS. Theo đó, chi phí marketing tăng 75,9% so với cùng kỳ, từ 710 tỷ đồng lên 1.234 tỷ đồng.

Chi phí marketing
↑75,9%_{N/N}
phần nhiều do chương trình hoàn tiền và iXu

Chi phí khấu hao tài sản và thiết bị

Xu hướng số hoá ngày càng tăng đã kéo theo nhu cầu đầu tư vào công nghệ, đồng thời, đại dịch cũng đã đẩy nhanh kỳ vọng của khách hàng về việc áp dụng dịch vụ số, do đó, kế hoạch số hoá là một phần không thể thiếu trong chiến lược 2021-2025 của Techcombank. Sự đầu tư liên tục vào công nghệ đã cho phép khách hàng và nhân viên của ngân hàng làm việc và tương tác một cách linh hoạt và hiệu quả. Công nghệ cũng cho phép chúng tôi giải quyết hiệu quả những thách thức khi nhân viên phải làm việc từ xa do ảnh hưởng của đại dịch. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đang trong quá trình xây dựng trụ sở chính mới và đã đưa vào sử dụng Văn phòng D'Capitale, Hà Nội đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh chóng (tổng tài sản của Techcombank tăng gần 3 lần, lợi nhuận trước thuế tăng trưởng kép 50,0% trong giai đoạn 2016-2021). Điều này đồng nghĩa với chi phí đầu tư cho tài sản và thiết bị cao hơn, dẫn tới tăng chi phí khấu hao 57,2% N/N trong năm 2021.

Kế hoạch và trọng tâm năm 2022

Ban Lãnh đạo Techcombank đã thông qua và dự kiến trình lên cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh 2022 trong Đại hội đồng cổ đông (diễn ra ngày 23 tháng 4 năm 2022) như sau:

(i) Dự nợ tín dụng ⁽¹⁾ :	446.554 tỷ đồng (tăng trưởng 15,0% hoặc cao hơn trong mức Ngân hàng Nhà nước cho phép)
(ii) Huy động vốn:	Được quản lý phù hợp với tăng trưởng tín dụng thực tế nhằm tối ưu hóa nguồn huy động
(iii) Lợi nhuận trước thuế hợp nhất:	27.000 tỷ đồng (tăng trưởng 16,2%)
(iv) Nợ nhóm 3-5:	thấp hơn 1,5%

(1) số dư tín dụng riêng lẻ được tính theo quy định của NHNN

Các trọng tâm và sáng kiến chiến lược sẽ triển khai trong năm 2022 được trình bày trong Báo cáo của Tổng Giám đốc, từ trang 8 đến trang 21.

KHOỐI NGÂN HÀNG BÁN LẺ (RBG)

Tổng quan

Khối Ngân hàng Bán lẻ (RBG) đã khởi động chiến lược 5 năm rất thành công tại hầu hết các chỉ số hoạt động. Cụ thể khối RBG đã thu hút thêm 1,2 triệu khách hàng mới, đưa số khách hàng của Techcombank có sử dụng tối thiểu 1 sản phẩm/dịch vụ đạt 6,1 triệu khách hàng, trong đó khách hàng thu nhập cao và khá chiếm khoảng

Các dấu ấn năm 2021

Trong năm 2021, Khối RBG chính thức triển khai một loạt sáng kiến chiến lược hỗ trợ Ngân hàng đạt được các mục tiêu và tầm nhìn giai đoạn 2021-2025. Trọng tâm của mọi hoạt động Techcombank xoay quanh tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống". Trong đó, các sáng kiến chủ đạo trong năm 2021 bao gồm:

- nâng cấp hệ thống giao dịch số cho khách hàng cá nhân để thu hút CASA, khẳng định vị thế đứng đầu thị trường
- triển khai sáng kiến cải thiện nền tảng cung cấp dịch vụ vay vốn trên cơ sở số hóa và tự động hóa
- một số sáng kiến hỗ trợ nền tảng khác cho hoạt động bán lẻ cũng được thực thi đồng tốc giúp khách hàng dễ dàng và thuận tiện nhất trong việc tiếp cận dịch vụ ngân hàng tài chính

Techcombank tiếp tục tái xác định, cải tiến và đổi mới mô hình bán lẻ của Ngân hàng. Tại thời điểm cuối năm 2021, chúng tôi đã hoàn thành tái cấu trúc mảng Ngân hàng Bán lẻ (Retail Banking Group), dựa trên các trụ cột được thiết lập theo chức năng, bao gồm:

- Kinh doanh theo phân khúc khách hàng
- Phát triển các giải pháp, sản phẩm
- Quản lý hợp kênh giao dịch (Omni-channel)
- Quản trị hoạt động và đảm bảo quyền lợi của khách hàng

18%. Ngoài ra khối RBG cũng thiết lập kỉ lục vô cùng ấn tượng với mức tiền gửi không kỳ hạn (CASA) lần đầu tiên chạm mốc gần 100 nghìn tỷ đồng, tăng 30,8% so với cuối năm 2020. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 161,7 nghìn tỷ đồng, tăng 45,5% và tạo ra tổng thu nhập hoạt động 14,2 nghìn tỷ đồng, tăng 33,7% so với năm 2020.

Trên đây là những thay đổi cần thiết nhằm đáp ứng các mục tiêu tham vọng của Khối Ngân hàng Bán lẻ trong 5 năm tới bao gồm đạt 11 triệu khách hàng, số lượng giao dịch, tổng doanh thu và CASA tăng trung bình mỗi năm 30%, nâng cao trải nghiệm khách hàng trong từng giai đoạn của vòng đời tài chính, từ thấp tới cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Các sản phẩm khối RBG cung cấp cho khách hàng theo vòng đời tài chính gồm:

- 1 giao dịch hàng ngày: tiền gửi không kỳ hạn (CASA), thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng, giao dịch trên ứng dụng điện thoại v.v.**
- 2 tiết kiệm: tiền gửi có kỳ hạn, CD Bảo Lộc**
- 3 vay tiêu dùng, sở hữu tài sản: cho vay mua nhà, mua ô tô và các nhu cầu khác**
- 4 bảo vệ: bảo hiểm nhân thọ, liên kết với Manulife, công ty bảo hiểm nhân thọ số 1 Việt Nam**
- 5 đầu tư: trái phiếu, cổ phiếu, sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư v.v.**

Giao dịch hàng ngày

Bằng việc cải tiến các giải pháp thanh toán, số lượng giao dịch thanh toán của khách hàng cá nhân đã đạt kỷ lục, giúp Techcombank duy trì vị thế vượt trội trong lĩnh vực thanh toán thẻ và thanh toán điện tử (Ebanking). Các chiến dịch quảng bá hiệu quả cho thẻ và dịch vụ Ebanking cũng góp phần khẳng định vị thế hàng đầu của Techcombank trong hoạt động thanh toán năm 2021. Với hơn 5 triệu khách hàng sử dụng dịch vụ FMB/FIB, tổng số giao dịch e-banking của Techcombank đạt 652 triệu, tăng 70,0% so với năm 2020. Giá trị thanh toán qua thẻ của khách hàng cá nhân cũng đạt gần 141 nghìn tỷ đồng, tăng 53,1% so với năm 2020.

Lần đầu tiên sau nhiều năm Techcombank được vinh danh **Ngân hàng dẫn đầu thị trường về hoạt động thanh toán nội địa** do NAPAS, Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia, trao tặng. Bên cạnh giải thưởng này NAPAS cũng trao tặng Techcombank 4 hạng mục giải thưởng quan trọng khác bao gồm:



Ngân hàng xuất sắc năm 2021



Ngân hàng dẫn đầu về giao dịch chi tiêu thanh toán thẻ NAPAS



Ngân hàng dẫn đầu về dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7



Ngân hàng dẫn đầu về tỷ lệ chuyển dịch cơ cấu thanh toán không dùng tiền mặt

Theo đánh giá của Ban Lãnh đạo NAPAS, Techcombank là Ngân hàng triển khai rất hiệu quả các chính sách mang tính đột phá và từ đó hỗ trợ một phần giúp các cơ quan quản lý về thực hiện đẩy nhanh các chủ trương phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế đất nước. Các chương trình triển khai của Techcombank như Zero Fee và hoàn tiền 1% cho chi tiêu dùng thẻ ghi nợ đã đem lại hiệu quả cao, nhận được nhiều đánh giá hài lòng của khách hàng. Phần xử lý vận hành, quản trị rủi ro cũng hiệu quả hơn nhiều ngân hàng khác với minh chứng là số lượng giao dịch nội địa dẫn đầu trong năm 2021.

Về dịch vụ thẻ, Techcombank tiếp tục được Tổ chức Thẻ Quốc tế VISA vinh danh và trao giải thưởng "Ngân hàng Phát hành và Thanh toán thẻ VISA có thành tích hoạt động xuất sắc năm 2021". Đây là lần thứ 4 liên tiếp VISA trao giải thưởng số 1 này cho Techcombank. Thành tích này một lần nữa khẳng định dấu ấn trong nỗ lực mang đến cho khách hàng những dịch vụ tiện ích về thẻ tốt nhất tại Việt Nam thông qua 8 giải thưởng và là Ngân hàng đạt số lượng giải thưởng nhiều nhất. Bên cạnh đó, VISA cũng ghi nhận mức tăng trưởng đều đặn và bền vững của Techcombank trong suốt giai đoạn từ 2016-2021, trong đó nổi bật là giai đoạn 2018-2021 khi ngân hàng đã đưa ra nhiều giải pháp thanh toán hiện đại, an toàn và bảo mật cho khách hàng. Các giải thưởng này ghi nhận thành tựu của Ngân hàng trong nỗ lực tập trung mang tới cho khách hàng những dịch vụ thẻ tốt nhất tại Việt Nam.

Ngoài ra, với việc hướng tới đa dạng sản phẩm, đa dạng nhà cung cấp cho khách hàng, vào tháng 5 năm 2021 Techcombank đã vui mừng chào đón sự tham gia của Mastercard trong dịch vụ thẻ của Ngân hàng. Chỉ trong một thời gian ngắn sau khi kí kết hợp tác, Techcombank đã cho ra mắt sản phẩm thẻ tín dụng Mastercard Spark, 1 thẻ 3 combo, ngàn lựa chọn x 10 lần tích điểm với các tính năng độc đáo trong thanh toán và công nghệ. Đặc biệt các sản phẩm mới, với tính năng mới được cung cấp trên quy trình công nghệ cải tiến như phê duyệt tín dụng trước, phê duyệt tín dụng tức thì hay sử dụng thẻ khi chưa nhận thẻ cứng cho phép khách hàng có những trải nghiệm chưa từng có từ trước đến giờ.

KHOỐI NGÂN HÀNG BÁN LẺ (RBG)

8 giải thưởng Techcombank vinh dự được VISA trao tặng bao gồm:

- | | |
|---|--|
| 1 Ngân hàng dẫn đầu về số lượng giao dịch | 5 Ngân hàng dẫn đầu về số lượng giao dịch chạm để thanh toán (Tap to Pay) |
| 2 Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng số lượng giao dịch | 6 Ngân hàng dẫn đầu về số lượng giao dịch thương mại điện tử nội địa |
| 3 Ngân hàng dẫn đầu về số lượng giao dịch qua thẻ ghi nợ | 7 Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ thâm nhập của giao dịch không tiếp xúc |
| 4 Ngân hàng dẫn đầu về số lượng giao dịch qua thẻ tín dụng | 8 Ngân hàng dẫn đầu về tốc độ thâm nhập của các điểm giao dịch không tiếp xúc |

Đáp ứng nhu cầu tiền gửi, tiết kiệm

Năm 2021 cũng là năm thành công trong mảng huy động tiền gửi từ khách hàng cá nhân của khối RBG, với sự duy trì tăng trưởng tốt cả về số lượng khách hàng gửi tiền và tổng nguồn vốn huy động.

Sự tăng trưởng CASA và tiền gửi đã được cộng hưởng từ các chương trình miễn phí giao dịch trực tuyến (“Big Zero Fee”), chương trình hoàn tiền 1% không giới hạn đối với các giao dịch thanh toán bằng thẻ ghi nợ (“Debit Cashback 1%”) đã giúp tổng huy động tăng lên 12,8%, trong đó riêng số dư tiền CASA có tăng trưởng hơn 30,8% và tiền gửi có kỳ hạn tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

Kết cấu tiền gửi đến từ phân khúc khách hàng thu nhập cao và khá vẫn là trọng tâm và đóng góp tỷ trọng số dư lớn nhất gần 84% doanh số huy động. Phục vụ các tập khách hàng trọng tâm, các giải pháp sản phẩm huy động vượt trội cộng với sự tiếp tục đầu tư vào công nghệ, đặc biệt là Digital Banking cũng đóng góp cho sự tăng trưởng bền vững của huy động vốn nói chung và Tiết kiệm Online nói riêng. Ngoài ra năm 2021 cũng là năm đầu tiên Techcombank đưa ra một giải pháp vượt trội, CD Bảo Lộc - iCAP. Với định vị giá trị thanh khoản linh hoạt và lợi nhuận tối ưu, CD Bảo Lộc đã giúp cho hoạt động huy động vốn trung và dài hạn từ khách hàng cá nhân có sự tăng trưởng lên tới 39,7%, đưa sản phẩm này dự kiến trở thành một sản phẩm chủ lực từ năm 2022.

Tổng huy động
↑ 12,8%**N/N**

Số dư tiền CASA có tăng trưởng
↑ 30,8%**N/N**

Tiền gửi có kỳ hạn
↑ 1,3%**N/N**

Đáp ứng nhu cầu vay tiêu dùng, sở hữu tài sản

Dư nợ cho vay của Techcombank tăng vượt bậc đạt 162 nghìn tỷ đồng, tăng 45,5% so với năm 2020. Sản phẩm cho vay mua nhà chiếm hơn 126,3 nghìn tỷ đồng, tăng 44,7% N/N nhờ sự đóng góp của cả thị trường sơ cấp, tăng trưởng 37,3% và thị trường thứ cấp, tăng trưởng 64,2% N/N. Đây là một nỗ lực tuyệt vời của đội ngũ Khối Ngân hàng Bán lẻ, trong bối cảnh nhiều hoạt động bị ngừng, chậm lại hàng tuần, tháng do các yêu cầu giãn cách phòng chống dịch đặc biệt tại các tỉnh thành lớn.

Các con số nói trên đã minh chứng cho sự sáng suốt của chiến lược lấy khách hàng làm trung tâm và nỗ lực của Ngân hàng nhằm cải thiện trải nghiệm khách hàng với các dịch vụ ưu việt như:

- sản phẩm Nhà đổi Nhà (Home for Home) - khoản vay mua nhà cao cấp lên đến 100% giá trị khoản vay
- các chính sách/giải pháp cho vay vượt trội sử dụng các quy trình phê duyệt khoản vay mới nhất bao gồm Hệ thống Điện toán Quyết định Thông minh (IDC) và Hệ thống Cho vay Tự động Tín dụng Thông minh (Smart Credit).

Techcombank đã từng bước định vị thành công chính sách lãi suất cho vay ngày càng cạnh tranh đặc biệt đối với những khách hàng có xếp hạng tín nhiệm tốt. Từ đó Ngân hàng có thể cung cấp các khoản vay mua nhà ở mức tham chiếu, đảm bảo cạnh tranh với những ngân hàng có lãi suất tốt nhất trên thị trường. Điều này, cộng với dịch vụ ưu việt đã giúp khối RBG nhận được phản hồi tích cực của khách hàng, góp phần đạt kết quả giải ngân ấn tượng nêu trên.

Với những thành quả kể trên, Techcombank lần thứ 2 vinh dự nhận giải **Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất Việt Nam (Best Mortgage/Home Loan Product)** trong mảng ngân hàng bán lẻ do tạp chí Asian Banker bình chọn. Giải thưởng này chính là sự khẳng định cho những nỗ lực của công tác phát triển sản phẩm, cải tiến quy trình, liên tục nâng cấp mô hình quản trị rủi ro cho vay mua nhà trong những năm qua.

Dư nợ cho vay
↑ 45,5%
đạt 161,7 nghìn tỷ đồng

Sản phẩm cho vay mua nhà
↑ 44,7%
đạt 126,3 nghìn tỷ đồng

KHOỐI NGÂN HÀNG BÁN LẺ (RBG)

Đáp ứng nhu cầu bảo vệ của khách hàng

Vẫn với phương châm Khách hàng là trọng tâm, việc cung cấp các sản phẩm, giải pháp bảo vệ sức khỏe, tài sản, tính mạng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng là ưu tiên hàng đầu tại Techcombank. Điều này cũng thuộc giá trị cốt lõi của Ngân hàng, phản ánh trong Sứ mệnh - “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống” của chúng tôi.

Nhằm cung cấp cho khách hàng sản phẩm bảo hiểm nhân thọ tối ưu nhất, phục vụ bởi đội ngũ nhân viên am hiểu khách hàng, thông thạo sản phẩm, từ cuối năm 2020 Techcombank và đối tác chiến lược Manulife đã đánh giá lại 4 năm hợp tác, trao đổi và đạt được thỏa thuận nâng mức hợp tác, đầu tư và nhanh chóng đạt được kết quả đáng khích lệ. Tổng mức phí bảo hiểm cho khách hàng của Techcombank đã vươn lên, đứng thứ hai trên thị trường với các sản phẩm chủ lực như sản phẩm bảo hiểm kết hợp tích lũy “An gia như ý”, sản phẩm bảo hiểm kết hợp đầu tư “Đặc lộc tâm an” hay bảo hiểm liên kết đầu tư Superlink, bảo hiểm sức khỏe nhóm cho doanh nghiệp với phúc lợi hàng đầu giúp nhân viên an tâm cống hiến v.v.

Nhằm tối đa hóa lợi ích của khách hàng, chúng tôi đã phát triển và triển khai các giải pháp bảo hiểm vượt trội cũng như các hoạt động tư vấn trực tuyến, thông qua các công cụ như TCBlife và Webex “không gặp mặt trực tiếp”. Đây là các giải pháp cho phép khách hàng tiếp cận các sản phẩm và dịch vụ trong thời điểm giãn cách xã hội do dịch COVID-19. Và đây cũng được coi như một bước tiến vượt bậc trong công cuộc chuyển đổi hoạt động cung cấp dịch vụ bảo hiểm nói riêng và ngành tài chính nói chung.

Đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng

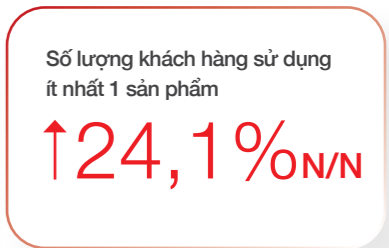
Chúng tôi tiếp tục phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng. Cùng với Công ty thành viên chứng khoán Kỹ thương, đối tác Manulife v.v. Techcombank đã đa dạng hóa các sản phẩm, đặc biệt trên nền tảng công nghệ, để nâng cao trải nghiệm cũng như hiệu quả đầu tư của khách hàng. Một số sản phẩm tiêu biểu bao gồm:

- trái phiếu doanh nghiệp
- cổ phiếu, chứng chỉ quỹ
- các sản phẩm đầu tư kết hợp sản phẩm cho vay
- các sản phẩm đầu tư liên kết bảo hiểm
- các sản phẩm quản lý gia sản khác

Những nỗ lực phục vụ khách hàng bán lẻ của Techcombank trong năm 2021 đã được tạp chí The Asian Banker ghi nhận với một giải thưởng khác cho hạng mục **Sản phẩm Đầu tư Tốt nhất** cho các giải pháp ngân hàng đầu tư.

Các trọng tâm của khối RBG trong năm 2022

- Tiếp tục tập trung kiện toàn mô hình Ngân hàng bán lẻ (RBG)
- Triển khai đồng bộ ứng dụng mới trên điện thoại di động cho tất cả các khách hàng (nối tiếp triển khai thử nghiệm vào Quý 4 năm 2021)
- Tiếp tục nâng cấp số hóa hành trình khách hàng (ví dụ thẻ tín dụng được phê duyệt trước, phê duyệt tức thì hay phê duyệt cho vay mua nhà tức thì)
- Triển khai và kiện toàn mô hình, đội ngũ cho Dịch vụ khách hàng ưu tiên cho khách hàng VIP
- Kết nối đồng bộ, tận dụng dữ liệu phân tích với các ứng dụng số khác để thu hút khách hàng, tăng bán chéo
- Hoàn thiện chiến lược và khung sản phẩm quản lý gia sản cho khách hàng cá nhân



KHOỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP (BB)

Tổng quan

Dịch COVID-19 lây lan liên tục và kéo dài đã gây cản trở tăng trưởng kinh tế thương mại trong nước và quốc tế, làm gián đoạn chuỗi cung ứng đã được thiết lập và buộc nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) phải tạm thời hoặc vĩnh viễn ngừng hoạt động. Làm việc từ xa và đưa ngân hàng số nhanh chóng vào cuộc sống thường nhật nay trở thành một bình thường mới.

Vượt qua những thách thức này, Techcombank tiếp tục mang đến cho các khách hàng doanh nghiệp những dịch vụ và hỗ trợ đặc biệt. Chiến lược tập trung vào một số ngành và lĩnh vực cũng như mô hình kinh doanh Khách hàng làm trung tâm có thể đảm bảo Ngân hàng hoạt động thông suốt, triển khai hệ thống sản phẩm mới bất chấp tác động từ môi trường kinh tế, xã hội.

Các dấu ấn năm 2021

Hỗ trợ tín dụng và thanh khoản trong mùa dịch COVID-19

Mục tiêu chính của Techcombank đối với các khách hàng doanh nghiệp là cung cấp, hỗ trợ họ các tiện ích tín dụng và thanh khoản liên tục, cũng như đảm bảo đáp ứng nhu cầu về giao dịch trực tuyến và trực tiếp hàng ngày. Riêng trong năm 2021, khối Khách hàng Doanh nghiệp (BB) đã nỗ lực cung cấp 12,3 nghìn tỷ đồng tín dụng ròng cho khách hàng, nâng tổng số dư tín dụng đến cuối năm ngoài lên 64,1 nghìn tỷ đồng, tăng 23,7% so với cuối năm 2020. Đặc biệt chúng tôi tự hào khi được khách hàng chia sẻ “*Khi gặp vấn đề, gọi điện nhân viên Techcombank chúng tôi luôn được hỗ trợ nhiệt tình, chu đáo*”. Đây cũng là động lực để Khối Khách hàng Doanh nghiệp tiếp tục phấn đấu hơn nữa trong thời gian sắp tới nhằm đưa lại những trải nghiệm tốt nhất, đồng hành cùng với khách hàng trong quá trình phục hồi sau đại dịch.

Đơn giản hoá dịch vụ ngân hàng

Techcombank đẩy mạnh đầu tư vào chuyển đổi số, giới thiệu nhiều dịch vụ khác nhau để đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục và cải thiện năng suất cho khách hàng, như ủy quyền chữ ký số, ngân hàng di động, v.v.

Ngân hàng đồng thời tăng thời gian làm việc và các dịch vụ thông qua Trung tâm Hỗ trợ Doanh nghiệp dành riêng cho các khách hàng doanh nghiệp trong suốt thời gian giãn cách xã hội. Rất nhiều khách hàng chia sẻ “*Giao dịch với Techcombank rất thuận tiện với nhiều chi nhánh và phòng giao dịch. Hệ thống ngân hàng điện tử dễ dàng sử dụng. Ứng dụng F@st Mobile và F@st EBank đơn giản, dễ thao tác*”, hay “*Chuyển tiền nhanh, không tốn phí, thanh toán thuế nhập khẩu dễ dàng*”.

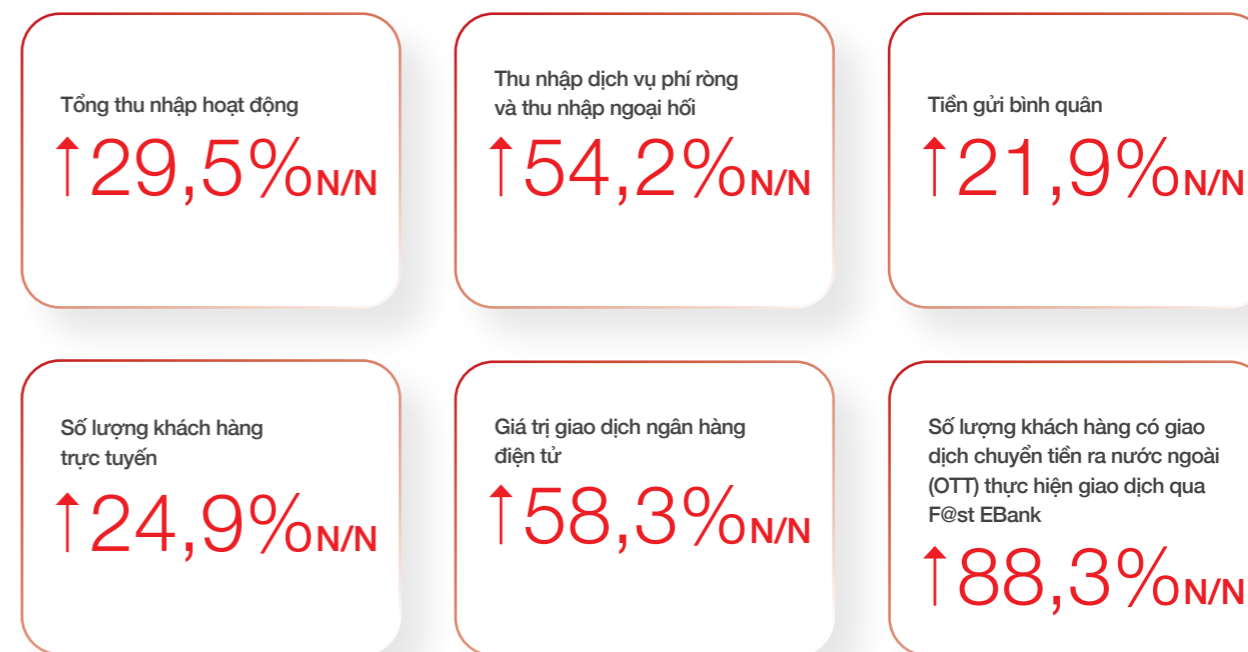
Gói sản phẩm

Để thích ứng với môi trường kinh tế và nhu cầu của khách hàng, Techcombank đã làm mới và nâng cao gói kỹ thuật số BusinessOne - một dịch vụ lần đầu tiên được đưa ra giới thiệu tới khách hàng doanh nghiệp của cả khối BB và Wholesale Banking (WB). Chúng tôi cũng tiếp tục hoàn thiện các giải pháp kinh doanh hàng đầu trên thị trường cho khách hàng, đồng thời bắt tay vào theo đuổi hoạt động số hóa đầu-cuối hành trình cho các khách hàng phi tín dụng và tín dụng. Cụ thể, khách hàng doanh nghiệp của Techcombank sẽ được phục vụ với phương thức đơn giản, tiện lợi, bất cứ đâu, bất cứ khi nào qua rất nhiều kênh tích hợp, thông qua đó họ sẽ có một trải nghiệm xuyên suốt (đặc biệt quan trọng trong bối cảnh giãn cách xã hội, và tiến tới sẽ là tương lai của ngành tài chính khi đại dịch đi qua). Ngân hàng dự kiến chính thức

ra mắt nền tảng ứng dụng mới cho khách hàng doanh nghiệp trên giao diện internet và trên điện thoại di động vào quý 2 năm 2022 với đầy đủ tính năng tiên tiến nhất, được chỉnh sửa, cải tiến theo phản hồi của khách hàng từ giai đoạn thử nghiệm. Một số tính năng ưu việt có thể kể đến bao gồm hiển thị thông báo tức thời cho các giao dịch và các thông tin trọng yếu khác, công cụ quản lý dòng tiền, ứng dụng bộ mã vạch, tự phục vụ

hay bảng biểu tổng hợp được thiết lập theo nhu cầu của khách hàng v.v.

Việc chúng tôi tiếp tục tập trung vào thúc đẩy thực thi chiến lược đã giúp cho hoạt động của Khối Khách hàng Doanh nghiệp trở nên mạnh mẽ trong một năm có nhiều sóng gió. Có thể kể đến các kết quả nổi bật sau:



Các trọng tâm của khối BB trong năm 2022

Tiếp nối những nỗ lực của Ngân hàng trong năm 2022, Khối Khách hàng Doanh nghiệp sẽ:

- xác định lại trọng tâm của khách hàng trong Khối Khách hàng Doanh nghiệp trên tất cả các kênh
- tiếp tục tạo ra các đề xuất hấp dẫn cho các kênh OMNI doanh nghiệp
- thúc đẩy tăng trưởng số cho Khối Khách hàng Doanh nghiệp trong môi trường "bình thường mới"
- nâng cao mô hình tín dụng và các giải pháp của Ngân hàng, đặc biệt đối với các lĩnh vực tập trung vào xuất khẩu
- trang bị cho nhân viên ngân hàng nhiều công cụ bán hàng hơn để mang tới trải nghiệm ngân hàng doanh nghiệp liền mạch cho khách hàng

KHOỐI NGÂN HÀNG BÁN BUÔN (WB)

Tổng quan

Trong năm 2021, Khối Ngân hàng bán Buôn (WB) tiếp tục hợp tác chặt chẽ với khách hàng và các Khối khác, cũng như quản lý bảng cân đối kế toán nhằm tối ưu hoá doanh thu theo mức độ rủi ro định trước, đóng góp vào lợi nhuận cho toàn Ngân hàng. Từ góc nhìn đó, Khối WB tập trung vào nâng cấp dịch vụ dành cho các nhóm khách hàng chủ chốt (thấu hiểu khách hàng, nâng tầm trải nghiệm, cung cấp dịch vụ chuyên biệt hơn), thắt chặt mối quan hệ kinh doanh với khách hàng, cải thiện năng suất và hiệu suất của đội ngũ bán hàng của Ngân hàng trên từng khách hàng.

Tính đến cuối năm 2021, Khối WB đã phục vụ hơn 2.000 khách hàng doanh nghiệp lớn và tập trung vào 500 nhóm khách hàng (so với số 1.900 khách hàng và 450 nhóm khách hàng của năm 2020). Tổng tiền gửi của khách hàng cuối năm 2021 đạt 46,5 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 8,9% so với cuối năm 2020). Số dư tiền gửi không kỳ hạn trung bình tăng 67,8% so với năm 2020. Tỷ lệ CASA giữ vững ở mức cao là 55,3%.

Nhờ cải thiện năng suất, thu nhập hoạt động của Khối WB tăng mạnh, đạt 10,3 nghìn tỷ đồng (tăng 72,5% so với cùng kỳ năm ngoái) – cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 9,1 nghìn tỷ đồng, tăng 77,2% so với năm 2020, và thu nhập thuần từ phí đạt 1,2 nghìn tỷ đồng, tăng 44,1% so với năm 2020 nhờ sự gia tăng thu nhập từ phí tài trợ thương mại (thư tín dụng, bảo lãnh,...) và dịch vụ thanh toán. Tổng dư nợ tín dụng của khách hàng, bao gồm vay nợ và trái phiếu, đạt 184,3 nghìn tỷ đồng cuối năm 2021, tăng 14,3% so với năm 2020. Dư nợ tín dụng trung bình năm 2021 tăng 34,3% so với năm 2020, đạt mức 178,6 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của WB giữ vững ở mức 0,02%. 86,7% số khách hàng được cơ cấu lại nợ do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đã được phục hồi trong năm nay, giúp chúng tôi gia tăng đáng kể năng lực cho vay trong năm 2022 và các năm sau.

Các dấu ấn năm 2021

Trong năm vừa qua, Khối WB đã triển khai một số sáng kiến kinh doanh nổi bật, ví dụ:

1 Nâng cấp dịch vụ, am hiểu khách hàng

Nhờ năng lực phân tích dữ liệu tốt hơn, Khối WB đã hợp tác cùng Khối Dữ liệu và Phân tích (DnA) để cho ra đời các công cụ dữ liệu mới, giúp các chuyên viên quan hệ khách hàng (RM) có được hiểu biết sâu sắc hơn về thị trường. Các RM, nhờ đó, có thể giải quyết vấn đề của khách hàng dễ dàng hơn và tư vấn cho khách hàng chuyên sâu hơn. Điều này thể hiện rõ qua việc chỉ số hài lòng của khách hàng (NPS) tăng từ 55 trong quý 3 lên 75 trong quý 4 năm 2021.

Năm 2021, chúng tôi được tin tưởng lựa chọn là ngân hàng thu xếp chính trong dự án điện khí LNG trị giá 1,3 tỷ USD của Petro Vietnam Power (PV Power).

2 Nâng tầm trải nghiệm của khách hàng

Khối WB đã triển khai bộ khung năng lực toàn diện để nâng cao kỹ năng cho các RM. Lộ trình đào tạo theo vai trò công tác đã cho ra đời thế hệ chuyên viên mới, áp dụng phương pháp dựa trên tư vấn, mang lại trải nghiệm mới cho khách hàng. Như đã đề cập, chiến lược này đang cho thấy hiệu quả rõ rệt, thông qua mức độ hài lòng của khách hàng tăng cao và các danh hiệu mà chúng tôi đạt được.

3 Đa dạng hoá

Bốn ngành kinh doanh trọng yếu của Techcombank là bất động sản-xây dựng, hàng tiêu dùng nhanh, tiện ích-viễn thông và dịch vụ tài chính. Trong năm 2021, chúng tôi đã thiết lập 4 đội ngũ chuyên viên dành riêng cho từng mảng này, để có thể phân khúc khách hàng, tổng hợp kiến thức, nắm bắt xu hướng và cơ hội sâu rộng hơn, tận dụng nghiệp vụ sẵn có trong chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm theo phương pháp chuỗi giá trị. Mục đích của chúng tôi là xây dựng phương án dành riêng cho từng ngành và vượt kỳ vọng của khách hàng. Những kết quả thuận lợi ban đầu đã đạt được là dư nợ tín dụng trung bình của hàng tiêu dùng nhanh, dịch vụ tiện ích-viễn thông và tài chính đều tăng trưởng hơn 100% so với cùng kỳ năm ngoái.

4 Những sáng kiến, thành tích khác trong năm 2021

Chúng tôi đã thiết kế bộ khung mức giá tham chiếu dựa trên tình hình thị trường, nhằm tăng tính minh bạch và cạnh tranh. Trong từng phân khúc được lựa chọn, chúng tôi kỳ vọng sẽ là người đi đầu trong việc xác định giá thành sản phẩm, với mục tiêu mở rộng dư nợ tín dụng và tổng thu nhập hoạt động đến từ từng mảng trọng yếu.

Tổng thu nhập hoạt động
↑59,1%_{ON/N}
đạt **13,3 nghìn tỷ đồng**

5
Sản phẩm trung bình/khách hàng

Tổng giá trị giao dịch chuyển tiền qua kênh số
↑70,4%_{ON/N}

Các trọng tâm của khối WB trong năm 2022

Tại khối WB, chúng tôi rất hào hứng với kế hoạch cho năm 2022. Chúng tôi sẽ mở rộng năng lực chuỗi giá trị, tìm kiếm các khách hàng chất lượng để tiếp tục tìm kiếm các cơ hội kinh doanh và giảm thiểu chi phí rủi ro phụ thuộc vào một ngành nghề.

Chúng tôi sẽ tăng doanh thu từ mảng tiện ích, viễn thông, hàng tiêu dùng nhanh và dịch vụ tài chính; xây dựng và củng cố năng lực giao dịch, nhằm trở thành ngân hàng đứng đầu trong các ngành nghề trọng yếu như chúng tôi đã thiết lập được trong ngành bất động sản-xây dựng.

Chúng tôi sẽ nâng cấp các sản phẩm đầu tư và quản lý thanh khoản, nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và số hoá quy trình tín dụng để thu hút khách tín dụng mới. Đặc biệt, chúng tôi sẽ tiếp cận các khách hàng của WB trên nền tảng tín dụng doanh nghiệp (BCDE), sử dụng dữ liệu nhiều hơn và tốt hơn để liên tục cải thiện độ chính xác và hiệu quả của việc ra quyết định tín dụng và từ đó nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng.

KHOẢNG NGÂN HÀNG GIAO DỊCH TOÀN CẦU (GTS)

Tổng quan

Cùng với toàn hàng, khối GTS đã vững vàng đi qua năm 2021 đầy thử thách, vượt kế hoạch ở hầu hết các chỉ tiêu:

- Số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) đạt 112% so với kế hoạch, cao hơn 1,5 lần so với năm 2020
- Giá trị giao dịch ngoại hối (FX) tăng 39,7%, với giao dịch qua các nền tảng số tăng 1,8 lần so với năm 2020
- Khối lượng giao dịch chuyển tiền trong nước tăng 34,3%, chủ yếu đến từ các kênh giao dịch số
- Tổng giá trị hợp đồng bảo lãnh (LG) tăng 46,7% so với năm 2020. Giá trị phát hành Thư Tín dụng (LC) tăng 55,7%.

Các dấu ấn năm 2021

Khối GTS kỳ vọng sẽ phát triển các giải pháp tài chính toàn diện thông qua hình thức giao dịch đa kênh, giúp các khách hàng doanh nghiệp được trải nghiệm dịch vụ ngân hàng thông suốt nhất. Trong năm 2021, chúng tôi đã dành nhiều công sức để phân tích và thấu hiểu nhu cầu của khách hàng, sử dụng nguồn dữ liệu này trong quá trình bán hàng tại Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng Bán buôn. "Chúng tôi đánh giá rất cao sự chuyên nghiệp và những ưu đãi hỗ trợ của Techcombank dành cho các doanh nghiệp và đối tác như Nexttech Group. Hợp tác dựa trên lợi thế đặc thù của hai doanh nghiệp nhằm hướng tới sự cộng hưởng tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua các hình thức thanh toán trực tuyến vừa nhanh chóng an toàn, tiện ích, vừa hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, tiết kiệm chi phí và gia tăng lợi nhuận, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn nhiều mặt do dịch COVID-19 gây ra." - NextTech Group.

Những phản ánh tích cực từ phía các đối tác chính là sự khích lệ lớn nhất để chúng tôi tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng dịch vụ để phục vụ khách hàng ngày càng tốt hơn.

Số hoá

Mở rộng và nâng cấp giải pháp kết nối trực tiếp (H2H)

Mô hình H2H kết nối trực tiếp giữa hệ thống quản lý đa chức năng (ERP) của doanh nghiệp với Ngân hàng đã mang lại nhiều giá trị thiết thực. Lợi ích cho khách hàng của Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Khối Ngân hàng Bán buôn bao gồm việc gia tăng năng suất vận hành, giảm thao tác thủ công, tăng cường bảo mật và đơn giản hoá các hệ thống đối chiếu dữ liệu – một yếu tố đặc biệt quan trọng trong các giao dịch thanh toán lớn.

Trong năm 2021, GTS đã:

- Ra mắt các dịch vụ mới
 - Thu hộ thông qua liên kết đến tài khoản F@st Mobile (Tpay)
 - Bộ giải pháp sử dụng phần mềm kế toán Misa (B2FEB)
 - Dịch vụ gửi tài liệu qua Ngân hàng trực tuyến cho các giao dịch chuyển tiền quốc tế (qua hệ thống FEB)

- Hợp tác với cổng thanh toán NAPAS cho ra đời dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 cho khách hàng doanh nghiệp
- Chứng kiến số lượng khách hàng đăng ký dịch vụ H2H tăng gấp 1,5 lần so với năm 2020
- Tăng số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước hơn 417,4% so với năm 2020

Số hoá các dịch vụ tài trợ chuỗi cung ứng (SCF)

Khối GTS đã có những bước tiến đáng kể trong việc giới thiệu nền tảng SCF trực tuyến đến với các đơn vị cung cấp và nhà thầu. Điểm mới này giúp giảm thiểu giấy tờ thủ công, đồng bộ hoá và rút ngắn quy trình xét duyệt giải ngân. Nhà thầu có thể chủ động chọn khoản nào cần giải ngân, dựa trên nhu cầu của doanh nghiệp hoặc cài đặt yêu cầu giải ngân tự động. Khách hàng có thể tra cứu hạn mức, các khoản giải ngân và thông tin thu nhận nợ mà không cần phải trực tiếp đến ngân hàng.

Nâng cấp sản phẩm và chuẩn hoá hệ thống

Thư tín dụng và bảo lãnh

Khối GTS đã chuẩn hoá các đặc điểm và hoạt động của sản phẩm Thư tín dụng (LC) và Thư bảo lãnh (LG), nhằm nâng cao trải nghiệm của khách hàng.

- Giá trị LG tăng 46,7%, trong đó mảng Ngân hàng Bán buôn tăng trưởng 129,3% so với năm 2020.
- Giá trị LC phát hành tăng 55,7% và doanh thu từ phí LC tăng 48,9% so với năm 2020.
- Tăng trưởng ấn tượng ở sản phẩm Thư tín dụng Trả chậm (LC UPAS), với giá trị phát hành đạt hơn 60 nghìn tỷ đồng, tăng 89,1% so với năm 2020.

Nâng cấp F@st EBank (FEB)

GTS đã liên tục nâng cấp và tối ưu hoá kênh ngân hàng điện tử cho các khách hàng doanh nghiệp (FEB), nhằm nâng cao trải nghiệm số của khách hàng. Trong năm 2021, số lượng giao dịch chuyển tiền trong nước đã tăng 34,3% – cụ thể là tăng 19,6% thông qua kênh FEB và tăng 417,4% qua kênh H2H. Song song đó, dịch vụ chuyển tiền nước ngoài tăng trưởng mạnh với giá trị giao dịch tăng 53,7% so với năm 2020, vượt kế hoạch 21,6% và chiếm tỉ trọng lớn nhất trong doanh thu phí quản lý tiền mặt, đóng góp 42,2%. Chúng tôi cũng ghi nhận sự chuyển biến đáng kể từ giao dịch tại quầy sang giao dịch qua các nền tảng số.

Cải thiện khả năng quản lý dự án

Trong năm 2021, GTS là khối đầu tiên chuyển đổi thành công sang Jira – công cụ linh hoạt dành cho việc quản lý dự án. Đây là phương pháp mới và hiệu quả trong công tác theo dõi và triển khai sản phẩm và dịch vụ khách hàng.

Giá trị LG phát hành

↑ 46,7%_{N/N}

Giá trị LC phát hành

↑ 55,7%_{N/N}

Tăng trưởng ấn tượng ở sản phẩm Thư tín dụng Trả chậm

↑ 89,1%_{N/N}

KHOỐI NGÂN HÀNG GIAO DỊCH TOÀN CẦU (GTS)

Thị trường tài chính

Giá trị giao dịch ngoại hối (FX) của Ngân hàng tăng 39,7%, với các giao dịch thông qua nền tảng số tăng 1,8 lần so với năm 2020. Chúng tôi tiếp tục là hình mẫu tiêu biểu của thị trường tài chính Việt Nam – đặc biệt trong mảng giao dịch trái phiếu Chính phủ và phái sinh ngoại hối, thể hiện qua sự ghi nhận từ Bộ Tài chính và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam cũng như các đơn vị uy tín trong khu vực và quốc tế.

- Bộ Tài chính và Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) vinh danh **Nhà tạo lập thị trường hàng đầu trong năm 2021**.
- Chúng tôi là nhà tạo lập thị trường xuất sắc nhất và lọt Top 3/5 ngân hàng có khối lượng giao dịch khớp lệnh tự động (matching) lớn nhất thị trường ngoại hối Việt Nam năm 2021.



Sản phẩm và dịch vụ mới

Dự án với Kho bạc Nhà nước

Nhờ công nghệ H2H vượt trội, khối GTS đã giúp Techcombank áp dụng thành công hệ thống thu ngân sách Nhà nước. Chúng tôi là một trong số 5 ngân hàng tư nhân đầu tiên của Việt Nam được uỷ quyền để thu thuế nội địa và thuế hải quan. Khách hàng sẽ có một kênh mới để nộp thuế, giảm thiểu thời gian và chi phí, cũng như cải thiện trải nghiệm sử dụng dịch vụ ngân hàng. Với mạng lưới chi nhánh và hệ thống ưu việt, chúng tôi cũng đang hỗ trợ Chính phủ mở rộng hệ thống thu thuế.

Chữ ký điện tử và tổng đài hỗ trợ khách hàng 24/7

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Techcombank đã giới thiệu các giải pháp chữ ký điện tử, nhằm giúp các hoạt động kinh doanh và giao dịch tài chính diễn ra xuyên suốt trong giai đoạn giãn cách xã hội. Ngay cả trong giai đoạn bình thường mới, khách hàng của Techcombank vẫn sẽ tiếp tục được sử dụng các tiện ích của dịch vụ này.

Hoàn chỉnh dịch vụ thu hộ

Rất nhiều doanh nghiệp muốn nhận các khoản thanh toán từ bên thứ ba thông qua hệ thống và dịch vụ của Ngân hàng (ví dụ tại quầy, thông qua thiết bị đầu cuối, POS, cổng thanh toán, app Techcombank, v.v). Khối GTS đã thử nghiệm các quy trình giúp khách hàng doanh nghiệp làm được điều này thông qua kênh của các đối tác (bao gồm giới thiệu, trung gian hỗ trợ thanh toán và thuê ngoài) và thông qua một cổng thanh toán chấp nhận thẻ của khách hàng. Chúng tôi kỳ vọng dịch vụ này sẽ được mở rộng toàn quốc trong năm 2022, giúp hoàn thiện các giải pháp dịch vụ thu hộ cho khách hàng của Techcombank.

Giải thưởng

Với các nỗ lực trên, trong năm 2021 Khối Ngân hàng giao dịch toàn cầu tiếp tục được xướng tên tại các hạng mục giải thưởng quan trọng:



Ngân hàng được yêu thích nhất Việt Nam – The Asian Banker

Ngân hàng triển khai giải pháp thanh toán cho doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam – The Asian Banker



Ngân hàng tốt nhất năm 2021 – NAPAS



Nhà tạo lập thị trường hàng đầu trong năm 2021



Nhà tạo lập thị trường ngoại hối matching tốt nhất Việt Nam – FX Matching Award 2021, Refinitiv

Ngân hàng giao dịch ngoại hối matching năng động nhất Việt Nam – FX Matching Award 2021, Refinitiv

Top 5 Ngân hàng có khối lượng giao dịch matching lớn nhất thị trường ngoại hối Việt Nam – FX Matching Award 2021, Refinitiv

Các trọng tâm của khối GTS trong năm 2022

Xuyên suốt năm 2021, Khối GTS đã tiếp tục đầu tư vào hoạt động nâng cấp sản phẩm, xây dựng và củng cố nền tảng công nghệ cho khách hàng doanh nghiệp, đồng thời hiện thực hoá mục tiêu của Techcombank đưa ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất vào trong ngành tài chính tại Việt Nam. Quy trình số hoá, sử dụng dữ liệu và phát triển nhân tài tiếp tục là các lĩnh vực ưu tiên trong năm 2022. Hai sáng kiến chiến lược quan trọng gồm có:

- nâng cấp các sản phẩm phục vụ quản lý tài khoản và thanh toán cho khách hàng
- triển khai nâng cấp chương trình tài trợ chuỗi cung ứng (SCF).

Đặc biệt, Khối GTS sẽ tập trung vào:

- gia tăng khách hàng sử dụng Techcombank làm tài khoản giao dịch chính (Main Operating Account – MOA) và tăng khả năng thâm nhập của sản phẩm thông qua nâng cao các giải pháp cho các nhóm ngành kinh tế tập trung

- tiếp tục gia tăng chuyển đổi giao dịch qua kênh số và kết nối trực tiếp, mục tiêu tốc độ tăng trưởng về số lượng và giá trị giao dịch trên 100%
- giữ vững đà tăng và đẩy mạnh số dư tiền gửi không kỳ hạn (CASA) thông qua MOA và tài khoản uỷ thác, chứng khoán và đại lý
- đa dạng hoá nguồn thu bằng việc tăng doanh thu từ phí, thông qua các sản phẩm đầu tư, chứng chỉ tiền gửi CD Bảo Lộc, kiều hối từ nước ngoài, thương mại và dòng ngoại hối.

04

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG TECH

- Quản trị rủi ro
- Báo cáo bền vững Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG)
- Văn hóa doanh nghiệp



QUẢN TRỊ RỦI RO (RMD)

Các dấu ấn năm 2021

Trong năm 2021, Techcombank tiếp tục đầu tư vào công nghệ và phân tích tín dụng nhằm theo đuổi chiến lược số hoá toàn Ngân hàng và cho phép chúng tôi đưa ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu chuyên sâu.

Các khoản đầu tư liên tục để nâng cấp khung quản trị rủi ro của chúng tôi đã giữ chất lượng tín dụng của Ngân hàng bền vững và lành mạnh trong suốt hai năm đại dịch gần đây. Chính sách cho vay thận trọng theo khẩu vị rủi ro định trước đã giúp duy trì hệ số CAR ở mức 15,0%, nợ nhóm 3-5 ở mức 0,7% và giảm chi phí tín dụng xuống 0,7% (từ 0,9% trong năm 2020). Ngân hàng đã thành công trong việc giảm gần 80% danh mục cơ cấu vì ảnh hưởng của COVID-19.

Chiến lược chuyển đổi hoạt động tín dụng để thiết kế các quy trình tín dụng có thể mở rộng, các mô hình rủi ro đồng thời tái cấu trúc các quy trình quản lý dịch vụ để điều chỉnh tương thích giữa chi phí với rủi ro đã có những tiến triển tốt trong năm 2021 và sẽ tiếp tục được thực hiện trong năm 2022, giúp mở rộng quy mô cho vay trong các danh mục và phân khúc khách hàng mục tiêu. Nhờ áp dụng công nghệ đám mây mới nhất trong các mô hình thẩm định và cảnh báo sớm, sử dụng các kỹ thuật học máy tiên tiến và tận dụng các nguồn dữ liệu truyền thống và phi truyền thống, chúng tôi đã có thể mang đến cho khách hàng trải nghiệm vay liền mạch và quản lý rủi ro tín dụng tốt hơn.

Cơ sở hạ tầng số của Techcombank cho phép tiếp cận hơn 300.000 tài khoản mỗi ngày thông qua quy trình hoàn toàn tự động, từ đó lọc ra tệp khách hàng không hoạt động - kéo theo việc phát hành hơn 20.000 thẻ mới và tiết kiệm đáng kể chi phí hoạt động. Đây là sáng kiến đầu tiên sử dụng mô hình dịch vụ đám mây (CaaS) trên quy mô lớn và tạo cơ sở cho việc mở rộng tiếp theo của Ngân hàng sang các kết nối và dự án trong tương lai. Techcombank cũng tạo nền tảng cho một kho lưu trữ các đặc trưng, thuộc tính (features store), nơi đến cuối năm 2022 sẽ quy tụ hơn 5.000 thuộc tính (features) kết hợp mô hình học

máy cải tiến nhằm đưa ra quyết định tốt hơn trong toàn bộ vòng đời của khách hàng.

Ra mắt nền tảng cho vay bán lẻ đa kênh (Omni) hàng đầu thị trường

Các sáng kiến chiến lược chính trong năm 2021:

- Ra mắt nền tảng cho vay bán lẻ đa kênh Omni hàng đầu thị trường (Tín dụng thông minh - Smart Credit) đưa ra các quyết định phê duyệt trước, tức thì với chất lượng tín dụng tốt hơn cho thẻ tín dụng và cho vay mua nhà. Sáng kiến này cung cấp cho ngân hàng khả năng quản lý vòng đời tín dụng tiêu dùng với các ý tưởng sáng tạo để cho ra đời các sản phẩm, dịch vụ mới và quản lý chất lượng tín dụng trong phạm vi khẩu vị rủi ro. Việc ra quyết định được kích hoạt bởi Hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS). Tùy thuộc vào các phân khúc khách hàng và sản phẩm cung cấp, thời gian phê duyệt dao động từ 5-15 phút, trong khi thời gian quyết định khách hàng được phê duyệt trước và phê duyệt nguyên tắc chỉ ít hơn 3 giây. Mô hình tính điểm và các chính sách tín dụng mới mang lại sức mạnh cho nền tảng "tín dụng thông minh" tích hợp khoảng 300 tính năng ra quyết định dựa trên 2.000 cấu phần dữ liệu thô từ 15 nguồn dữ liệu bên trong và bên ngoài. Kể từ khi ra mắt ứng dụng "Tín dụng thông minh", nền tảng thẻ tín dụng của Techcombank đã cho thấy sự tăng trưởng đáng kể về số lượng thẻ, trong đó 92% số thẻ đang hoạt động với mức độ hài lòng của khách hàng rất cao là 96%.

- Trong năm 2021, Techcombank tiếp tục mở rộng nền tảng cho vay thương mại doanh nghiệp (BCDE) với những tính năng chuyên biệt được thiết kế để tự động hóa và quản lý hiệu quả chuỗi giá trị quản lý tín dụng cho các danh mục tín dụng doanh nghiệp. Nền tảng này tích hợp các mô hình về vòng đời tín dụng được rà soát và cải tiến hàng năm nhằm hợp lý hóa toàn bộ vòng đời tín dụng từ việc tiếp cận khách hàng đến quản lý sau giải ngân bao gồm cả việc tuân thủ các thỏa thuận. Techcombank đã triển khai nền tảng này từ cuối năm 2020 nhưng sự chuyển đổi thật sự diễn ra trong năm 2021 và sẽ tiếp tục trong năm 2022 với mục tiêu là giảm thời gian từ khi yêu cầu đến giải ngân xuống dưới 5 ngày làm việc, mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Nền tảng này lúc đầu được chạy trên hệ thống thực địa và đã được chuyển lên điện toán đám mây.

- Nền tảng và quy trình thu hồi nợ đã được đẩy mạnh để phù hợp với trạng thái bình thường mới và việc số hóa các tương tác của khách hàng đang được triển khai.

- Ra mắt nền tảng quản lý rủi ro gian lận hàng đầu thị trường bao gồm xác thực sử dụng 2 yếu tố thông tin khách hàng và thẻ (VISA 3D secure 2.0) cho phép khách hàng "mua sắm an toàn" trong hệ thống sinh thái thương mại điện tử ngày càng mở rộng.

Tuân thủ thông qua quản lý rủi ro: Techcombank là Ngân hàng đầu tiên triển khai IFRS 9 tại Việt Nam trong năm 2018, và tuân thủ hoàn toàn Thông tư 41 trong năm 2019, cũng như hoàn thành 3 cột trụ Basel II trong năm 2020. Vào năm 2021, Techcombank đã nâng cấp các tiêu chuẩn tuân thủ Basel, IFRS và đặc biệt là mô hình kiểm tra sức chịu đựng (stress test) trên các lĩnh vực quản lý rủi ro tín dụng, thanh khoản và hoạt động. Khối Quản trị rủi ro và bộ phận Nguồn vốn đã triển khai hệ thống Kamakura, một nền tảng quản lý thanh khoản và rủi ro thị trường hàng đầu. Kết hợp với chiến lược tiếp tục mở rộng kho dữ liệu rủi ro như một phần của bể dữ liệu, Techcombank sẽ có nền tảng quản lý tốt nhất thị trường đến cuối năm 2022 cùng với khả năng nâng cao năng lực rủi ro.

Các trọng tâm của khối RMD trong năm 2022

Techcombank là một ngân hàng rất chú trọng vào công tác quản trị rủi ro (tín dụng và phi tín dụng) cũng quan trọng như phát triển kinh doanh. Để làm được điều này, chúng tôi sẽ tiếp tục củng cố nền tảng quản lý rủi ro của mình. Quản lý rủi ro tốt hơn sẽ hỗ trợ các sáng kiến kinh doanh, khuyến khích đa dạng hóa và mở rộng quy mô hoạt động cho vay, hỗ trợ các kế hoạch tăng trưởng trong ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng.

- Tiếp tục cải tiến các nền tảng giao dịch cá nhân và doanh nghiệp - bổ sung các tính năng và chức năng mới để trở nên đơn giản, trực quan và mang lại nhiều giá trị cho khách hàng.

- Các sáng kiến quan trọng khác để cải thiện quản lý rủi ro đang được triển khai trong việc lập mô hình quản lý rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản, rủi ro gian lận và rủi ro mới nổi, quản lý rủi ro hoạt động và cải thiện khả năng thu hồi nợ.

- Đi đầu trong Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp (ERM), đặc biệt tập trung vào (a) rủi ro Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG); (b) công nghệ, hoạt động & rủi ro tội phạm tài chính (TOFC) và (c) quản lý rủi ro mô hình (MRM).

- Triển khai nền tảng phòng chống rửa tiền (AML): Một hệ thống hàng đầu dựa trên nền tảng điện toán đám mây giúp đảm bảo tính tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về phòng chống rửa tiền. Hệ thống này bao gồm tất cả hoạt động xác minh khách hàng và kiểm soát giao dịch. Ngân hàng sẽ triển khai từ quý 2 năm 2022, qua đó đáp ứng những chuẩn mực hàng đầu thế giới

BÁO CÁO BỀN VỮNG MÔI TRƯỜNG – XÃ HỘI – QUẢN TRỊ (ESG)

Khung quản trị ESG tại Techcombank

Ngay từ những ngày đầu thành lập Ban Lãnh đạo Techcombank qua các thời kỳ hiểu sâu sắc sự thành công bền vững của một doanh nghiệp được kiến trì xây dựng trên nền tảng quản trị lành mạnh, gắn với văn hóa doanh nghiệp cũng như các đóng góp khác để bảo vệ xã hội, môi trường. Điều này được phản ánh rõ nét trong Tầm nhìn và Sứ mệnh Ngân hàng đã cam kết “Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống”, cho hiện tại và cho tương lai. Bảo vệ các giá trị về môi trường và xã hội (MT&XH) không chỉ là một yêu cầu pháp lý được Chính phủ và NHNN ngày càng đòi hỏi mà đã trở thành một phần cốt lõi trong triết lý đầu tư và kinh doanh tại Techcombank.



Chúng tôi xây dựng một bộ khung quản trị rủi ro MT&XH bao phủ tất cả các hoạt động kinh doanh và cho vay, vượt xa hơn các yêu cầu tuân thủ hiện tại. Các giá trị MT&XH của Ngân hàng dựa trên mối quan tâm đến các cộng đồng nơi chúng tôi đang hoạt động nói riêng và toàn cầu nói chung. Nhờ việc xây dựng, tuân thủ và liên tục rà soát, cải thiện bộ khung quản trị MT&XH Techcombank đã thuyết phục được những nhà cho vay khó tính nhất, với yêu cầu MT&XH khắt khe nhất trong các đợt huy động vốn quốc tế, đặc biệt trong năm 2020 (500 triệu đô la Mỹ) và năm 2021 (800 triệu đô la Mỹ).

Techcombank đã và đang tích cực nghiên cứu, phát triển và thực hiện các chương trình và chính sách để khuyến khích cho vay các dự án "xanh", thân thiện với môi trường, đồng thời tăng cường số lượng các dự án này trong danh mục cho vay của Ngân hàng.

Một số hoạt động phát triển kinh doanh của chúng tôi trong các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn cũng đang hướng đến các dự án năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời và điện sinh khối. Đây là một lĩnh vực nằm trong diện ưu tiên của Ngân hàng trong những năm tới.

Khung quản trị rủi ro MT&XH do Hội đồng quản trị Techcombank xây dựng nhằm cung cấp các nguyên tắc và yêu cầu cấp cao ở tất cả các khâu quản lý rủi ro MT&XH - từ đánh giá, thẩm định và phê duyệt đến giám sát và kiểm soát rủi ro sau khi giải ngân. Các thủ tục, hướng dẫn và quyết định phê duyệt tín dụng hàng ngày do Tổng Giám đốc và Trưởng các Bộ phận giám sát.

Giống như tất cả các quy trình quản trị của chúng tôi, khuôn khổ và quy định quản trị rủi ro MT&XH thường xuyên được xem xét và cập nhật để đảm bảo tuân thủ và hướng tới thông lệ tốt nhất.

Chúng tôi hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để liên tục tìm kiếm sự cải tiến trong cách Ngân hàng đánh giá và thực hiện quản trị rủi ro MT&XH. Trong năm 2022, chúng tôi theo đó sẽ tập trung vào các nguồn lực và quy trình cần thiết để quản lý rủi ro MT&XH, ví dụ như cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực sẵn có để đánh giá, thẩm định và phê duyệt, đồng thời tăng cường giao tiếp giữa các đơn vị và bộ phận kinh doanh để tối ưu hóa đầu tư vào các dự án MT&XH và quản trị rủi ro.

Tóm tắt quy định hiện tại dựa trên khung tiêu chuẩn của International Finance Corporation (IFC)



1. Các nguyên tắc chung về đánh giá, xếp hạng và phê duyệt các rủi ro Môi trường và Xã hội (MT&XH) (bao gồm cả giao dịch)

2. Yêu cầu đối với **xếp hạng rủi ro** MT&XH: tiêu chí xếp hạng, yêu cầu đánh giá và xếp hạng (trong Báo cáo đánh giá khách hàng).

Yêu cầu về **thẩm định rủi ro** MT&XH: bao gồm thẩm định tại các Đơn vị kinh doanh và thẩm định độc lập tại Khối quản trị rủi ro.

3. Yêu cầu đối với phê duyệt **rủi ro MT&XH**: tất cả các tài liệu có xếp hạng Nhóm A (Rủi ro cao - tiềm ẩn rủi ro môi trường hoặc xã hội bất lợi đáng kể và / hoặc tác động đa dạng, không thể đảo ngược hoặc chưa từng có) **phải được phê duyệt** bởi các **chuyên gia rủi ro MT&XH tại Bộ phận quản lý rủi ro**

4. Yêu cầu đối với việc **kiểm soát và giám sát sau giải ngân và báo cáo rủi ro MT&XH**:

(i) Các đơn vị có liên quan phải có báo cáo gửi Giám đốc Khối Kinh doanh, Chuyên viên rủi ro MT&XH và Cán bộ quản lý rủi ro MT&XH của Khối Quản lý rủi ro để xử lý trong trường hợp phát hiện khách hàng vi phạm các quy định của pháp luật, các cam kết, quy định và điều kiện của Techcombank;

(ii) Các báo cáo được lập bởi Đơn vị thẩm định của Khối Quản trị rủi ro và các cán bộ quản lý rủi ro MT&XH.

5. **Vai trò và trách nhiệm** của các cá nhân, bộ phận liên quan: Cán bộ quan hệ khách hàng; Đơn vị, cá nhân có chức năng kiểm soát sau giải ngân; Chuyên gia rủi ro MT&XH; Phòng / Đơn vị phụ trách rủi ro MT&XH thuộc Ban Quản lý rủi ro

6. Danh sách phân loại ngành nghề, dự án theo đánh giá tác động môi trường (MT)

BÁO CÁO BỀN VỮNG (ESG)

Phân loại ngành nghề, dự án theo đánh giá tác động môi trường (MT)

Techcombank tuyệt đối tuân thủ không cung cấp tín dụng cho các nhóm ngành nghề, hoạt động thuộc danh sách không cấp vốn của IFC hoặc luật pháp Việt Nam không cho phép.

Bảng hướng dẫn xếp loại các nhóm ngành nghề, dự án theo rủi ro môi trường xã hội được truyền thông cho tất cả các cán bộ tín dụng với yêu cầu tuân thủ cao nhất.

Căn cứ vào 4 yếu tố chính của dự án: ngành nghề hoạt động, địa điểm, độ nhạy cảm và quy mô của các tác động đối với môi trường, xã hội, chuyên viên khách hàng hoặc chuyên viên đầu tư tiến hành phân loại rủi ro môi trường, xã hội của từng giao dịch theo 3 nhóm như sau:

Nhóm A:

Dự án có thể có những tác động bất lợi rất lớn đối với môi trường. Các tác động này thường nhạy cảm, nhiều khía cạnh hoặc chưa có tiền lệ. Một tác động tiềm năng được đánh giá là “nhạy cảm” nếu nó khó có thể tránh được (ví dụ dẫn đến sự tổn thất lớn đến môi trường sống tự nhiên), ảnh hưởng đến các nhóm dân cư dễ bị tổn thương hay đồng bào dân tộc thiểu số, liên quan đến sự di dân hay sự tái định cư bắt buộc, hoặc tác động đáng kể đến các di sản thiên nhiên. Như vậy, cần phải có một sự đánh giá tác động môi trường một cách đầy đủ theo quy định quản lý rủi ro môi trường và xã hội tại Techcombank.

Các dự án điển hình của Nhóm A:

- Các dự án tác động đến người dân tộc thiểu số
- Các dự án liên quan đến việc tái định cư cộng đồng hoặc các hộ gia đình
- Tất cả các dự án có liên quan đến các vấn đề kinh tế xã hội trầm trọng
- Các dự án dẫn đến sự di cư
- Các dự án tác động đến di sản văn hóa (ví dụ các di tích tôn giáo, khảo cổ học)
- Các dự án gây ra các rủi ro sức khỏe và công việc
- Các tác động lên việc bảo vệ môi trường sống thiên nhiên hoặc các khu vực có sự đa dạng sinh học cao bao gồm các vùng ẩm ướt, rừng san hô hay cây đước
- Xây dựng các đập ngăn và bể chứa nước
- Thuốc trừ sâu và thuốc diệt cỏ: cho mục đích sản xuất hoặc thương mại
- Các dự án tưới tiêu lớn hoặc các dự án khác tác động đến việc cung cấp nước trong một vùng
- Hoạt động có chất thải nguy hiểm
- Hóa chất nguy hiểm: việc sản xuất, lưu kho và vận chuyển với khối lượng lớn
- Phát triển và khai thác dầu khí bao gồm việc xây dựng các ống dẫn dầu
- Các dự án cơ sở hạ tầng lớn bao gồm việc phát triển các cầu cảng, sân bay, đường bộ và hệ thống vận tải quá cảnh
- Các hoạt động lâm nghiệp
- Các hoạt động luyện chảy kim loại, tinh chế và đúc kim loại
- Khoáng sản (khai thác lộ thiên hoặc khai thác hầm lò)
- Các dự án thủy điện hoặc nhiệt điện.

BÁO CÁO BỀN VỮNG (ESG)

Phân loại ngành nghề, dự án theo đánh giá tác động môi trường (MT) (tiếp theo)



Nhóm B:

Dự án có thể dẫn đến một số các tác động môi trường nhất định nhưng những tác động này chỉ giới hạn trong phạm vi nhất định và không lớn nếu nó xảy ra. Trong hầu hết các trường hợp này, biện pháp giảm thiểu rủi ro là việc sử dụng các tiêu chuẩn hoạt động, các hướng dẫn hoặc các tiêu chí được xác định trước. Các tác động môi trường bất lợi tiềm năng lên dân cư hay các khu vực môi trường quan trọng nhỏ hơn các tác động của dự án nhóm A. Mặc dù việc đánh giá tác động môi trường một cách đầy đủ là không cần thiết nhưng vẫn cần tập trung vào các tác động dự kiến có thể xảy ra.

Các dự án điển hình thuộc nhóm B:

- Các nhà máy bia
- Sản xuất xi măng
- Sản xuất bơ sữa
- Chế biến thực phẩm
- Các nhà máy sản xuất nói chung
- Các bệnh viện
- Xây dựng khách sạn hoặc phát triển du lịch
- Khai mỏ (quy mô nhỏ)
- Mạ kim loại
- Hiện đại hóa các nhà máy hiện tại
- Xưởng sản xuất bột giấy và giấy
- Nhà máy dệt



Nhóm C:

Dự án thuộc nhóm này có thể có những tác động đến môi trường là rất nhỏ hoặc không có tác động bất lợi. Không cần đánh giá tác động môi trường.

Các dự án đặc thù được phân loại C:

- Phát triển phần mềm
- Các công ty tư vấn
- Các ngành dịch vụ
- Hỗ trợ kỹ thuật
- Môi giới chứng khoán
- Ngân hàng bán lẻ

Tuy nhiên, các cán bộ tín dụng của Techcombank được yêu cầu không phân loại cứng nhắc. Chuyên viên quản lý khách hàng, chuyên viên đầu tư cần đánh giá tác động của các hoạt động đối với môi trường, xã hội trên tất cả các khía cạnh của dự án để phân loại phù hợp và chính xác. Việc phân loại, sang một nhóm khác chỉ được phép ở mức cao hơn. Ví dụ căn cứ vào việc phân tích các yếu tố của dự án mà một số trường hợp việc phát triển các dự án khách sạn/du lịch được xếp vào Nhóm A (rủi ro hơn với môi trường), không phải nhóm B như khung hướng dẫn.

BÁO CÁO BỀN VỮNG (ESG)

Gói hỗ trợ trong đại dịch COVID-19 và các hoạt động xã hội (XH) khác

Ngay từ khi đại dịch COVID-19 mới xảy ra, Techcombank đã là một trong những doanh nghiệp đi đầu trong việc ủng hộ Chính phủ, ủng hộ doanh nghiệp, ủng hộ người dân chung tay vượt qua đại dịch. Năm 2021 với làn sóng thứ 4, những tác động và ảnh hưởng nặng nề lên mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội, đặc biệt tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận, là điều mà rất ít chuyên gia có thể dự báo trước. Trong bối cảnh ấy, hơn bao giờ hết Techcombank một mặt cam kết đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho hơn 12.000 CBNV của Ngân hàng, một mặt tăng cường mạnh mẽ các hỗ trợ trong gói COVID-19 nhằm chung tay giúp cả nước vượt qua đại

dịch sớm nhất. Trong vòng hai năm Techcombank đã cơ cấu gần 11,8 nghìn tỷ cho khách hàng, giúp họ vượt qua giai đoạn khó khăn nhất. Đồng hành sát sạt cùng khách hàng Techcombank đã giúp giảm số dư nợ xuống chỉ còn 1,9 nghìn tỷ (tương đương với 0,5% tổng dư nợ) vào cuối năm ngoái. Ngoài cơ cấu nợ, Techcombank cũng đồng thời hỗ trợ giảm lãi suất 540 tỷ đồng cho khách hàng. Với cộng đồng, Techcombank đã đóng góp khoảng 400 tỷ đồng cho các hoạt động xã hội, bao gồm ủng hộ quỹ vắc xin, mua kit xét nghiệm, đóng góp xây dựng bệnh viện, trang thiết bị y tế và các khoản hỗ trợ trực tiếp khác cho người bệnh và gia đình của họ.



Các hoạt động xã hội khác của Techcombank

Nối tiếp hành trình siêu việt suốt 28 năm từ ngày thành lập, năm 2021 là cột mốc đánh dấu chặng đường chiến lược mới với những khát vọng đổi mới của Techcombank. Mang vị thế của người dẫn đầu, Techcombank nỗ lực hiện thực hóa tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống" trong

các hoạt động kinh doanh và xuyên suốt mọi hoạt động xã hội. Tầm nhìn đó cũng là bộ phận để ngân hàng góp phần thúc đẩy mỗi người Việt khai phá tiềm năng và bản lĩnh hành động cho những điều vượt trội. Trong năm 2021, Techcombank ghi dấu ở hai nhóm hoạt động cộng đồng nổi bật: (i) Giải chạy Marathon

nhằm tạo dựng phong trào xã hội thúc đẩy cộng đồng rèn luyện thể thao và (ii) các hoạt động thể hiện trách nhiệm xã hội (CSR) của ngân hàng trong việc chung tay cùng cộng đồng vượt qua đại dịch COVID-19.



(i) Giải Marathon Quốc tế TP HCM Mùa thứ 4:

Sau nhiều năm dẫn dắt Giải Marathon Quốc tế TP Hồ Chí Minh và tiên phong lan toả lối sống "Vượt trội hơn mỗi ngày", vào tháng 4/2021, Techcombank tiếp tục tổ chức thành công Mùa thứ 4 của sự kiện chạy bộ mang tính chất chuyên nghiệp có quy mô hàng đầu Việt Nam. Sự kiện khép lại cùng những cảm xúc đáng nhớ của hơn 13.000 vận động viên tham gia chinh phục các cung đường 5 km - 42km trong sự ủng hộ, cổ vũ của lãnh đạo thành phố, đại diện ban tổ chức và đông đảo người xem. Hoạt động cũng thu hút thêm nhiều vận động viên mới chạy - thậm chí chạy lần đầu, chứng minh cho tầm ảnh hưởng của sự kiện tới cộng đồng người yêu chạy, không phân biệt độ tuổi hay giới tính, quốc tịch hay nghề nghiệp.

Thông qua giải chạy, Techcombank tiếp tục khẳng định cam kết đồng hành vì sự phát triển cộng đồng, khuyến khích mọi cá nhân rèn luyện sức khỏe, phát triển bản thân và bền

Tháng 4 năm 2021

>13.000

Vận động viên

ĐÓNG GÓP

2 TỶ ĐỒNG

vào quỹ "Vi Một Việt Nam vượt trội"

bì theo đuổi khát vọng. Thông điệp "Tôi vượt trội, bạn vượt trội, bước chạy vì một Việt Nam vượt trội" càng trở nên ý nghĩa khi gần 2.000 nhân viên và toàn bộ ban lãnh đạo ngân hàng đã tham gia sỏi bước cùng hơn 11.000 đôi chân khác để gây quỹ "Vi một Việt Nam vượt trội". Ngay khi đường chạy khép lại, ông Jens Lottner, Tổng Giám đốc Techcombank, đã đại diện Ngân hàng đóng góp 2 tỷ đồng vào quỹ từ thiện, hội thể thao và cộng đồng khởi nghiệp.

So với mùa giải trước, dù trải qua hai lần hoãn do dịch COVID-19, số vận

động viên năm 2021 vẫn tăng 3 lần - trong đó hơn 5.600 người chọn thử thách ở các cự ly khó. Năm 2022, Techcombank sẽ tiếp tục lan toả lối sống vượt trội thông qua công tác mở rộng tài trợ cho giải chạy, mang Giải Marathon Quốc tế lần đầu tiên đến Hà Nội. Kiên trì đồng hành và tiên phong mang những sự kiện thể thao chuyên nghiệp về Việt Nam, Techcombank mong muốn kiến tạo nền tảng giúp cộng đồng nâng cao thể chất, từ đó sẵn sàng phát triển bản thân và chinh phục thành công theo cách riêng của mỗi cá nhân.

BÁO CÁO BỀN VỮNG (ESG)

Gói hỗ trợ trong đại dịch COVID-19 và các hoạt động xã hội (XH) khác

(ii) Các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR):

Năm 2021
Techcombank đóng góp khoảng

400

Tỷ đồng

hỗ trợ phòng chống COVID-19

Trao tặng hơn

1.000

trang thiết bị y tế

Cũng trong bối cảnh đại dịch COVID-19 lây lan, 2021 là năm Techcombank tiếp tục có đóng góp thiết thực cho cộng đồng thông qua chuỗi hoạt động hỗ trợ, ủng hộ công tác phòng chống dịch và an sinh xã hội, với mục tiêu “không một ai bị bỏ lại phía sau vì dịch bệnh”. Techcombank đóng góp khoảng 400 tỷ đồng qua hoạt động trao tặng hơn 1.000 trang thiết bị y tế hiện đại đến các bệnh viện miền Nam; đóng góp xây dựng Bệnh viện điều trị người mắc COVID-19 cho Hà Nội và các tỉnh phía Bắc; ủng hộ Quỹ Vắc-xin và các chương trình phòng chống COVID-19 của Chính phủ cũng như chung tay hỗ trợ các gia đình, người lao động khó khăn tại 15 tỉnh thành cả nước. Dưới sự chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước cũng như các cơ quan Chính phủ, Techcombank đã phần nào san sẻ gánh nặng với cộng đồng, cùng tất cả người dân Việt Nam vững vàng vượt qua thời kỳ khó khăn nhất của đại dịch COVID-19 trong năm 2021.

Ngân hàng cũng đã và đang không ngừng tăng cường các giải pháp đồng hành cùng khách hàng vượt qua khó khăn trong và sau đại dịch, hướng đến hỗ trợ cộng đồng ổn định để phát triển kinh doanh. Techcombank đặt mục tiêu hàng đầu là bảo đảm an toàn sức khỏe cho cán bộ nhân viên, qua đó đảm bảo sức khỏe cho khách hàng và duy trì tốt nhất hoạt động kinh doanh liên tục. Techcombank cũng đẩy mạnh đầu tư vào giải pháp số hóa để cung cấp và không ngừng hoàn thiện công cụ giao dịch điện tử tiện lợi - bảo mật - đảm bảo an toàn sức khỏe, cũng như các nhóm sản phẩm đa dạng: tiện ích thanh toán hàng ngày tại nhà để hạn chế tiếp xúc tiền mặt và giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm SARS-CoV-2; cấp thẻ tín dụng phê duyệt trước để hỗ trợ nhu cầu chi tiêu khi kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch; các sản phẩm liên kết giúp quản lý, bảo vệ và đầu tư cho sức khỏe - tài chính.

Không chỉ thể hiện mạnh mẽ ưu tiên và cam kết thực thi trách nhiệm trước xã hội, trước cộng đồng và đất nước với tầm nhìn "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống", các hoạt động trên còn thể hiện niềm tự hào và quyết tâm của toàn bộ cán bộ, nhân viên Techcombank trên hành trình đồng hành cùng đất nước, Chính phủ và các lực lượng tuyến đầu thực hiện thành công sứ mệnh cao cả: Chiến thắng dịch bệnh COVID-19, sớm đưa cuộc sống trở lại bình thường và vượt trội hơn mỗi ngày.

Định hướng tham gia hoạt động xã hội trong tương lai:



- Techcombank sẽ tiếp tục tài trợ tổ chức hai giải chạy cộng đồng tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là Techcombank Hanoi Marathon và Techcombank Hochiminh Marathon trong những năm tiếp theo để tuyên truyền lối sống khỏe, ý thức tự phát triển bản thân của mỗi người dân vì một Việt Nam vượt trội hơn.
- Techcombank sẽ luôn tiên phong thực hiện theo lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ Nhà nước Việt Nam trong các hoạt động an sinh xã hội giúp người dân và đất nước vượt qua đại dịch COVID-19 và khắc phục các hậu quả do dịch bệnh để lại trong những năm tiếp theo.
- Techcombank vẫn sẽ giữ vững truyền thống “Lá lành đùm lá rách”, “Tương thân tương ái” giúp đỡ và hỗ trợ phát triển cho người dân, đồng bào vùng sâu vùng xa, những địa phương có hoàn cảnh khó khăn, đối mặt với thiên tai trên tinh thần “Không để ai bị bỏ lại phía sau” đưa con người và đất nước Việt Nam ngày càng phồn vinh và phát triển.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



➤ ĐỘI NGŨ
LÃNH ĐẠO

BAN KIỂM SOÁT



BAN LÃNH ĐẠO



➤ ĐỘI NGŨ
LÃNH ĐẠO

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

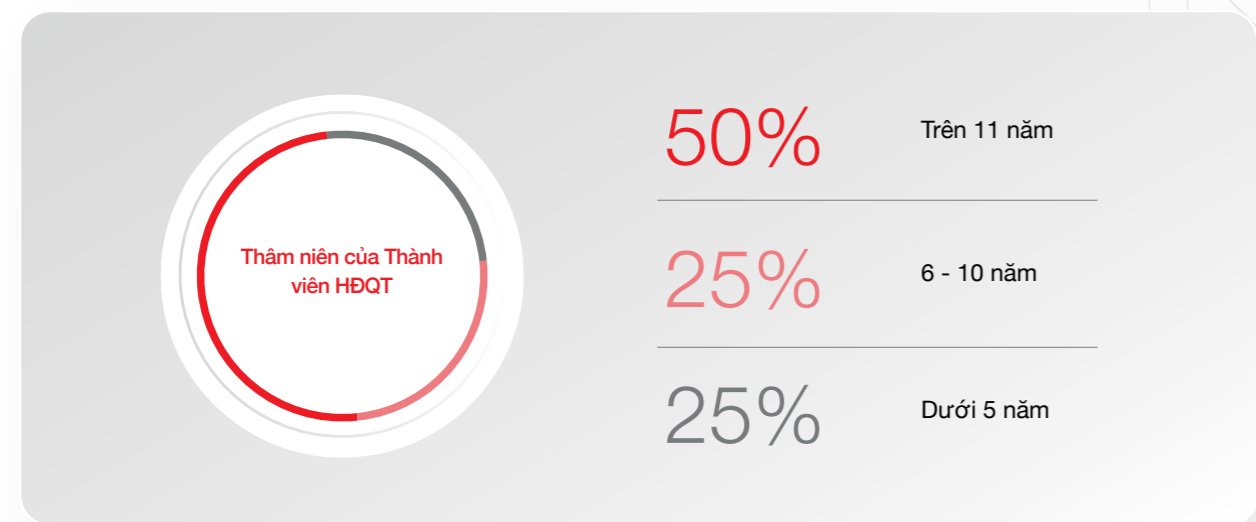
VỀ QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

Techcombank đang từng bước xây dựng và áp dụng một cơ cấu Quản trị - Điều hành minh bạch và hiệu quả, đảm bảo quyền lợi của khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và nhà đầu tư, từ đó đảm bảo sự phát triển bền vững và giá trị của tổ chức.

Cơ cấu Quản trị - Điều hành của Techcombank tuân thủ các điểm trọng yếu của các quy định pháp luật và hướng dẫn về quản trị công ty ban hành bởi Cơ quan Quản lý Nhà nước, một số kể đến như:

- **Nghị định 155/2020/NĐ-CP** quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán
- **Thông tư số 13/2018/TT-NHNN** về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các văn bản sửa đổi, bổ sung
- **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất** ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC.

GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1 Thành viên HĐQT độc lập

8 Thành viên HĐQT không điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Hồ Hùng Anh
Chủ tịch HĐQT
 Tuổi: 52 | Tham gia HĐQT Techcombank từ: 03/2004

Kinh nghiệm
 Ông Hồ Hùng Anh là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05/2008 đến nay. Ông bắt đầu tham gia quản trị Ngân hàng từ năm 2004 và trước đó đã có kinh nghiệm quản trị nhiều năm tại các tổ chức lớn, trong đó có tập đoàn Masan.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Kỹ sư Điện kỹ thuật tại trường Đại học Bách khoa Kiev, Ucraina.



Ông Nguyễn Đăng Quang
Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất
 Tuổi: 59 | Tham gia HĐQT Techcombank từ: 01/2000

Kinh nghiệm
 Ông Nguyễn Đăng Quang là Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 4/2016 đến nay. Trước đó, ông đóng vai trò thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5/2014 đến tháng 3/2016 và Phó Chủ tịch thứ nhất từ tháng 5/2008 đến tháng 4/2014. Trước khi tham gia HĐQT, ông Nguyễn Đăng Quang đã có hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành và quản trị ở nhiều vị trí quản lý khác nhau tại Techcombank từ năm 1995, cũng như với tư cách thành viên HĐQT tại Tập đoàn Masan.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.



Ông Nguyễn Thiệu Quang
Phó Chủ tịch HĐQT
 Tuổi: 63 | Tham gia HĐQT Techcombank từ: 06/2000

Kinh nghiệm
 Ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia HĐQT từ năm 1999 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 tới nay. Ông Nguyễn Thiệu Quang có nhiều năm kinh nghiệm điều hành và từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các tổ chức lớn như tập đoàn Masan, Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex và Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Kiến trúc sư - Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Cảnh Sơn
Phó Chủ tịch HĐQT
 Tuổi: 55 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 05/2008

Kinh nghiệm
 Ông Nguyễn Cảnh Sơn tham gia HĐQT Techcombank từ tháng 5/2008 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2009 tới nay. Ông Nguyễn Cảnh Sơn có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các vị trí thành viên HĐQT và Chủ tịch HĐQT tại các tổ chức lớn như Công ty Cổ phần Eurowindow Holding và Công ty Cổ phần Đầu tư T&M Việt Nam.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Kỹ sư Xây dựng tại trường Đại học Kỹ sư Xây dựng thành phố Mátxcova (nay là Đại học Tổng hợp Xây dựng Quốc gia - Liên bang Nga).



Ông Đỗ Tuấn Anh
Phó Chủ tịch HĐQT
 Tuổi: 49 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 12/2012

Kinh nghiệm
 Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12/2012 và là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 6/2015 đến nay. Ông Đỗ Tuấn Anh từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại NHNN và Techcombank như: Phó Trưởng phòng Vụ Hợp tác Quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Ngân hàng - NHNN, Trợ lý cao cấp cho HĐQT, Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng Techcombank và Phó Tổng Giám đốc Techcombank.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore



Ông Lee Boon Hua
Thành viên HĐQT
 Tuổi: 65 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 12/2012

Kinh nghiệm
 Ông Lee Boon Hua là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank tháng 12/2012 đến tháng 4/2014 và là Thành viên HĐQT từ tháng 5/2014 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn: Ủy ban tiền tệ Singapore, Ngân hàng HSBC, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia Canada, Ngân hàng Hóa học và Ngân hàng Standard Chartered.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin).



Ông Saurabh Narayan Agarwal
Thành viên HĐQT
 Tuổi: 41 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 04/2019

Kinh nghiệm
 Ông Saurabh Narayan Agarwal là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 4/2019 đến nay. Trước khi gia nhập Techcombank, ông từng đảm nhiệm vị trí quản lý tại các tổ chức tài chính lớn như: Chuyên gia phân tích cao cấp, Giám đốc Công ty McKinsey, New Delhi, Ấn Độ và New Jersey, Hoa Kỳ và Giám đốc Warburg Pincus New York, Hoa Kỳ và Singapore.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Cử nhân ngành Công nghệ, Kỹ thuật Điện và Thạc sĩ ngành Công nghệ, Vi Điện tử Học viên Công nghệ Ấn Độ Bombay, Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh (MBA) trường Quản trị Kinh doanh Harvard.



Ông Nguyễn Nhân Nghĩa
Thành viên HĐQT độc lập
 Tuổi: 53 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 04/2019

Kinh nghiệm
 Ông Nguyễn Nhân Nghĩa từng công tác nhiều năm tại NHNN, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), đồng thời đảm nhiệm nhiều chức vụ quản lý và cao cấp như Phó Giám đốc Sở giao dịch 3 tại BIDV, Phó Tổng Giám đốc và Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Đầu tư BIDV (Vietnam Partners).

Bằng cấp
 Ông có bằng Kỹ sư Thủy lợi tại Đại học Thủy Lợi và Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính và Kinh tế tại Đại học Tổng hợp London, Vương Quốc Anh. Ông được cấp chứng chỉ chuyên môn phân tích tài chính (CFA) thông qua chương trình phân tích Tài chính chuyên nghiệp quốc tế tại Học viện CFA, Hoa Kỳ.



Ông Hồ Anh Ngọc
Phó Chủ tịch HĐQT
 Tuổi: 40 | Tham gia HĐQT
 Techcombank từ: 4/2021

Kinh nghiệm
 Ông Hồ Anh Ngọc là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 4/2021 đến nay. Trước khi tham gia HĐQT Techcombank, ông Hồ Anh Ngọc đã có hơn 14 năm kinh nghiệm làm việc tại Techcombank và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Techcombank và công ty con của Techcombank. Đồng thời, ông có kinh nghiệm tham gia quản lý, quản trị tại một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần One Mount Group, Công ty Cổ phần One Mount Real Estate, Công ty Cổ phần One Mount Distribution và Công ty cổ phần One Mount Consumer.

Bằng cấp
 Ông tốt nghiệp Cử nhân, chuyên ngành Thương mại - Kế toán; và Thạc sĩ Kinh tế của Trường Đại học Macquarie Sydney, Úc. Là Thành viên CPA được cấp bởi Hiệp hội Kiểm toán Úc.



Ông Nguyễn Tuấn Minh
Chủ tịch văn phòng HĐQT
*Người phụ trách quản trị
Ngân hàng | Thư Ký Công ty*

Kinh nghiệm

Ông Nguyễn Tuấn Minh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2013 và có hơn 8 năm làm việc tại Techcombank với nhiều vị trí khác nhau như: Giám đốc Pháp chế, Giám đốc Khối Tuân thủ, Kiểm soát Rủi ro Hoạt động và Pháp chế, Giám đốc Cố vấn Pháp lý thuộc Khối Quản trị Ngân hàng. Trước đó, ông đã có hơn 20 năm làm chuyên gia tư vấn luật - luật sư hành nghề, luật sư nội bộ và quản lý cấp cao tại các công ty luật tư nhân, chi nhánh hãng luật quốc tế ở Việt Nam, ngân hàng thương mại và công ty chứng khoán ở Việt Nam. Ông Nguyễn Tuấn Minh được bổ nhiệm và đảm nhận vị trí người Phụ trách Quản trị Ngân hàng từ ngày 04/11/2019.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Cử nhân Quan hệ quốc tế - Học viện Ngoại giao và Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội.

Ông hiện là luật sư và thành viên Đoàn Luật sư Hà Nội.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức danh tại các công ty khác của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Họ & Tên	Chức danh	Chức danh Thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	Không có
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mobicast Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường và Xây dựng Sài Gòn - Senco
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Eurowindow Holding Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội - Mátxcova (Incentra) Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Eurowindow
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư INB Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hùng Tĩnh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư KD (KDI) Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vega City
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd Thành viên HĐQT- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương (TCBS) Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương (TCC)
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Dịch vụ Di Động Trực tuyến Giám đốc không điều hành - Converge Information and Communications Technology Solutions Inc Giám đốc không điều hành - Circles Asia Cayman Limited Giám đốc - Công ty Converge ICT Singapore Pte. Ltd
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	Không có
9	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần One Mount Group Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần One Mount Real Estate Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần One Mount Distribution Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần One Mount Consumer Thành viên HĐTV - Công ty TNHH Du thuyền Việt Nam

Hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2021

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc/Hội đồng điều hành thông qua quy định phân cấp và các quy định nội bộ của Techcombank do HĐQT ban hành. Đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo và trình HĐQT xem xét. Trên cơ sở đó, HĐQT sẽ đưa ra các quyết định kịp thời cho Tổng Giám đốc/Ban điều hành triển khai thực hiện.

Trong năm 2021, HĐQT của Techcombank tổ chức 05 buổi họp. Nội dung chi tiết về số và ngày ban hành nghị quyết được nêu chi tiết dưới đây.

Các cuộc họp của HĐQT năm 2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ 2019-2024	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05	100%	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	13/04/2019	05	100%	
3	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05	100%	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05	100%	
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	13/04/2019	05	100%	
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	13/04/2019	05	100%	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	13/04/2019	05	100%	
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	13/04/2019	05	100%	
9	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	24/4/2021	04	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2021

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	0232/2021/ NQ-HĐQT	26/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 2/2021 Xem xét và thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2021 Xem xét và thông qua báo cáo về cập nhật chiến lược của Techcombank Xem xét và thông qua Tầm nhìn và Sứ mệnh của Techcombank Xem xét và thông qua việc chuyển nhượng một phần Tòa nhà Techcombank Sài Gòn tại 23 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Xem xét thông qua báo cáo Quý 1 năm 2021 của Ban kiểm soát. Xem xét và thông qua chương trình, nội dung họp trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
2	0298/2021/ NQ-HĐQT	24/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> Thông qua việc bầu ông Hồ Anh Ngọc -Thành viên HĐQT đảm nhận chức danh Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2019-2021 và việc phân công nhiệm vụ cho ông Hồ Anh Ngọc.
3	0578/2021/ NQ-HĐQT	25/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 5/2021. Xem xét và thông qua báo cáo về cập nhật chiến lược của Techcombank. Xem xét thông qua báo cáo Quý 2 năm 2021 của Ban kiểm soát. Xem xét và thông qua việc đổi tên Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng thành Ủy ban Nhân sự; sửa đổi Quy chế và thành viên của Ủy ban này.
4	0939/2021/ NQ-HĐQT-TCB	24/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh đến tháng 8/2021. Xem xét và thông qua báo cáo về cập nhật chiến lược của Techcombank. Xem xét thông qua báo cáo Quý 3 năm 2021 của Ban kiểm soát. Xem xét và thông qua việc thực hiện Dự án DFS giữa Techcombank và One Mount Group.
5	1225/2021/ NQ-HĐQT-TCB	10/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> Xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 của Techcombank. Xem xét và thông qua báo cáo về thực hiện chiến lược của Techcombank. Xem xét thông qua chủ trương Kế hoạch kinh doanh năm 2022; giao Tổng Giám đốc rà soát/điều chỉnh và báo cáo HĐQT tại kỳ họp tiếp theo để trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Xem xét thông qua báo cáo Quý 4 năm 2021 của Ban kiểm soát.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập

- Thực hiện quyền, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT độc lập theo đúng quy chế/quy định nội bộ của Techcombank và theo Quyết định phân công của HĐQT/Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng, trung thực góp phần thành công cho kết quả kinh doanh năm 2021 của Techcombank.
- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ủy ban Quản lý rủi ro (BRC), Ủy ban Nhân sự (NORCO) và đã đưa ra đầy đủ các ý kiến đối với các vấn đề được thông qua tại cuộc họp và các vấn đề được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản tại các Hội đồng/Ủy ban mình tham gia.
- Thực hiện triển khai các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và theo Quyết định phân công nhiệm vụ của HĐQT.
- Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật hiện hành khi thực hiện giao dịch cổ phiếu (mua cổ phần ESOP) đối với Người có liên quan của mình tại Techcombank.
- Đã hoàn thành các nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong vai trò, các vị trí được đảm nhiệm theo phân công của HĐQT, hỗ trợ HĐQT một cách hiệu quả trong việc kịp thời đưa ra các quyết định cho quá trình quản trị hoạt động kinh doanh ngân hàng.
- Đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

Trong năm 2021, HĐQT đã hoạt động tích cực và rất hiệu quả; theo đó, chủ động, kịp thời ban hành các nghị quyết, quyết định nhằm triển khai hiệu quả Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2021, trong đó nổi bật là việc hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Cùng các Thành viên HĐQT chỉ đạo, giám sát và đôn đốc Tổng Giám đốc/Hội đồng điều hành triển khai hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2021 được ĐHĐCĐ 2021 phê duyệt;
- Thực hiện vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Thành viên HĐQT độc lập trong việc giám sát Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ được HĐQT giao, phân công;
- Thực hiện xem xét và phê duyệt việc ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động nghiệp vụ của Techcombank thuộc thẩm quyền của NHNN.

- Giám sát Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin, duy trì văn hóa kiểm soát và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Techcombank, giám sát việc xử lý các hành vi vi phạm nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
- Đưa ra ý kiến góp ý, trao đổi về việc triển khai chiến lược hàng năm, kế hoạch phát triển chung của Techcombank;
- Đưa ra những quyết định về các vấn đề liên quan đến giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Đưa ra các quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro tại Techcombank; và
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công, chỉ đạo của NHNN và Chủ tịch HĐQT.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ về Quản trị Công ty

Tất cả các thành viên HĐQT đều đã tham gia các chương trình đào tạo về Quản trị Công ty

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2021

HĐQT thành lập 02 Ủy ban theo quy định pháp luật gồm Ủy ban Quản lý Rủi ro và Ủy ban Nhân sự có chức năng tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan. Hoạt động của các Ủy ban trong năm 2021 như sau:

Ủy ban Quản lý Rủi ro (UB QLRR)

Ủy ban QLRR là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do HĐQT phân công thực hiện liên quan đến kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro (QTRR) của hoạt động ngân hàng. Trong năm 2021, UB QLRR đã xem xét, thông qua, từ đó tham mưu cho HĐQT ra quyết định đối với việc cập nhật, hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, bao gồm rà soát định kỳ, ban hành sửa đổi Chính sách QTRR của Techcombank; ban hành Khẩu vị rủi ro năm 2022 “nhằm duy trì khung quản trị rủi ro toàn diện với mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững, đồng thời duy trì vị thế dẫn đầu thị trường về tỷ lệ vốn, thanh khoản và các tỷ lệ an toàn...” (trích Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2022 của Techcombank).

UB QLRR đã tích cực chỉ đạo, giám sát công tác QTRR toàn hàng trên cơ sở giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN, giám sát việc thực thi, tuân thủ Chính sách QTRR, Khẩu vị rủi ro cũng như các ngưỡng, giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Cụ thể:

Về quản trị danh mục tín dụng và rủi ro tín dụng:

- (i) Trong bối cảnh diễn biến khó lường của dịch COVID-19, đặc biệt là sự xuất hiện của các làn sóng dịch và biến chủng mới, UB QLRR đã liên tục yêu cầu các đơn vị có liên quan theo sát diễn biến của dịch, đánh giá tác động tới chất lượng danh mục tín dụng của Techcombank và danh mục khách hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của NHNN. Từ đó, cung cấp các thông tin có ý nghĩa cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh, đồng hành, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi đại dịch và giảm thiểu các tác động của COVID-19 đến Techcombank;

- (ii) Chỉ đạo việc hoàn thiện định hướng tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng, đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ, chuyển đổi số và phát triển các quy trình tự động hóa trên cơ sở thận trọng, QTRR hiệu quả.

- Về QTRR hoạt động:** Công tác QTRR hoạt động luôn được UB QLRR chú trọng và dành thời gian để thảo luận về QTRR hoạt động trong các cuộc họp định kỳ, chỉ đạo và nhấn mạnh đến khả năng thực thi và hiện thực hóa khung QTRR hoạt động trên thực tế, đảm bảo tính chủ động, nhanh chóng, quyết liệt và hướng tới hiệu quả không chỉ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào công tác QTRR hoạt động mà còn là định hướng chung cho toàn thể cán bộ nhân viên Techcombank. Ngoài ra, UB QLRR cũng chỉ đạo việc phát triển, hoàn thiện đánh giá các yếu tố định tính trong QTRR hoạt động, đặc biệt là việc quản lý rủi ro đối với các vấn đề tổn thất phi tài chính (bao gồm cả uy tín, danh tiếng v.v.), cũng như việc đào tạo, truyền thông về các xu hướng/hình thức rủi ro hoạt động mới nổi, nhằm theo kịp với các biến động của thị trường và tình hình thực tế tại Ngân hàng.

- Về QTRR thanh khoản và rủi ro thị trường:** (i) UB QLRR thông qua báo cáo về Kiểm tra sức căng thanh khoản (stress test) định kỳ, yêu cầu các đơn vị rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm từ những kết quả stress test đã thực hiện để hoàn thiện phương pháp, kịch bản nhằm triển khai hiệu quả hơn trong giai đoạn mới. Đồng thời, chỉ đạo việc tiếp tục cải tiến khung kiểm tra sức chịu đựng cho ngân hàng, không chỉ tuân thủ quy định của NHNN, yêu cầu quản trị nội bộ mà còn tiệm cận



với các tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo Techcombank luôn chủ động ứng phó với các tình huống có thể xảy ra và duy trì hoạt động kinh doanh liên tục;

- (ii) Chỉ đạo hoàn thiện, phát triển khung QTRR thị trường, đảm bảo quản lý tổng thể mức độ rủi ro thị trường tiềm ẩn từ các hoạt động/ giao dịch phát sinh trong và ngoài bảng cân đối của Ngân hàng, bên cạnh việc nhanh chóng hoàn thành dự án/sáng kiến chiến lược liên quan để không ngừng nâng cao năng lực QTRR thị trường, rủi ro thanh khoản của Techcombank.

- Về các loại rủi ro trọng yếu khác:** UB QLRR giám sát việc thực thi thông qua việc giám sát định kỳ các chỉ số Khẩu vị rủi ro, Hạn mức rủi ro cho các loại rủi ro trọng yếu và ngưỡng, giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng

Bên cạnh đó, UB QLRR đã thực hiện vai trò giám sát, đánh giá tiến độ khắc phục, xử lý các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các ghi nhận, kiến nghị của Thanh tra NHNN nhằm nâng cao tính tuân thủ các quy định của pháp luật, NHNN và tính hiệu quả của công tác QTRR tại Techcombank. with the regulations of the law, the SBV and the effectiveness of risk management at Techcombank.

Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro (UB QLRR)

Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT

Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro

- Ông Nguyễn Đăng Quang - Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất
- Ông Nguyễn Thiệu Quang - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Cảnh Sơn - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Đỗ Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Lee Boon Huat – Thành viên HĐQT
- Ông Saurabh Narayan Agarwal – Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Nhân Nghĩa – Thành viên HĐQT độc lập

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2021

Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Nhằm thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài, UBNS đã chủ động nghiên cứu, tham mưu tư vấn và đề xuất cho HĐQT về kế hoạch hành động nhân sự năm 2021-2022 nhất quán với lộ trình thực hiện chiến lược chung của ngân hàng 2021-2025, đồng thời cũng hướng tới thực hiện hành công chiến lược “Nhân sự xuất sắc”.

Về kế hoạch hành động nhân sự 2021-2022

UBNS đã tổ chức một (01) phiên họp để trao đổi về kế hoạch hành động nhân sự năm 2021-2022.

Kế hoạch hành động nhân sự tập trung vào thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài; trong đó với các hành động trọng tâm bao gồm tăng cường hoạt động tuyển dụng nhóm ứng viên dữ liệu, công nghệ, và lực lượng bán; xây dựng lộ trình học tập theo từng vai trò công việc đồng thời tập trung triển khai các chương trình phát triển lãnh đạo tổng thể; tái thiết kế lại các phân khúc nhân tài & quy trình quản lý hiệu suất; rà soát và làm mới lại các chương trình lương thưởng & đãi ngộ...

Bên cạnh đó, hai sáng kiến chiến lược về nhân sự cũng đã được triển khai bao gồm sáng kiến HRS1 – triển khai hệ thống quản lý nguồn nhân lực nhằm số hóa các quy trình nhân sự và HRS2 – Định vị giá trị nhân viên (Employee Value Proposition) được xây dựng theo phân khúc nhân tài nhằm đạt được hiệu quả cao trong việc thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài.

Về chính sách lương thưởng cho lực lượng bán hàng

Nhằm tưởng thưởng cán bộ nhân viên một cách xứng đáng với kết quả đạt được, UBNS đã tổ chức một (01) phiên họp nhằm tư vấn mô hình lương thưởng tổng thể chi trả cho lực lượng bán trên cơ sở tham khảo thị trường nhằm đảm bảo mặt bằng lương thưởng đạt mức cạnh tranh so với thị trường đồng thời thiết kế phù hợp với chiến lược, mô hình hình hoạt động của Techcombank.

Với mục tiêu chi trả theo hiệu suất, CBNV sẽ được tạo động lực, liên tục nâng cao năng lực nhằm gặt hái những kết quả vượt trội cho bản thân CBNV và Ngân hàng.

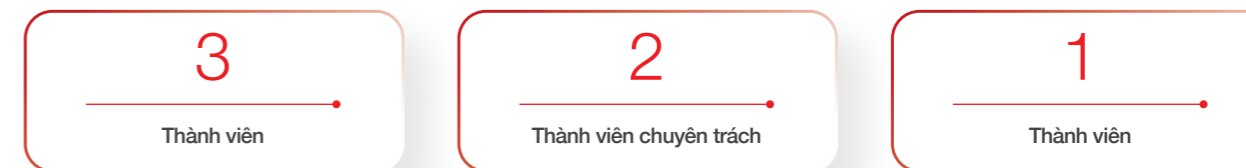
Chủ tịch Ủy ban Nhân sự (UBNS)

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa (thành viên HĐQT độc lập)

Thành viên Ủy ban Nhân sự

- Ông. Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT (Phó Chủ tịch NORCO)
- Ông Jens Lottner – Tổng Giám đốc
- Bà Nikki Đặng Mỹ Quyên - Giám đốc Khối QTNNL

BAN KIỂM SOÁT



Ông Hoàng Huy Trung
Trưởng Ban Kiểm soát kiêm thành viên chuyên trách

Kinh nghiệm

Ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại NHNN, Techcombank. Từ tháng 12/2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách Techcombank.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tại Học Viện Tài chính.



Bà Bùi Thị Hồng Mai
Thành viên chuyên trách

Kinh nghiệm

Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính - kế toán. Từ tháng 04/2010 đến 04/2019 bà là thành viên Ban kiểm soát Techcombank. Từ 13/04/2019 đến nay, bà là thành viên chuyên trách BKS Techcombank.

Bằng cấp

Bà tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Trường Đại học Tài Chính - Kế toán



Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes
Thành viên

Kinh nghiệm

Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính-ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4/2012 đến nay, Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên BKS Techcombank.

Bằng cấp

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng và Tiếp thị tại Đại học Klagenfurt, Cộng hòa Áo.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của BKS

Nhiệm vụ, quyền hạn của BKS

- Giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp luật và Điều lệ ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành Ngân hàng;
- Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ đối với hệ thống ngân hàng và các công ty con, bao gồm xem xét hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ngân hàng;
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát (nếu có) theo đề nghị của NHNN và/hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông lớn theo quy định pháp luật, Điều lệ ngân hàng.
- Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Nguyên tắc hoạt động, phối hợp giữa BKS với Ban Lãnh đạo ngân hàng

- BKS hoạt động theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động ngân hàng nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý dứt điểm các tổn tại trong hoạt động, góp phần nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện các quy định, quy trình, sản phẩm, quản trị rủi ro trong kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.
- HĐQT, Ban Lãnh đạo ngân hàng ghi nhận và chủ động tổ chức, chỉ đạo khắc phục các tổn tại theo kiến nghị của BKS và Kiểm toán nội bộ (KTNB); đồng thời tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ.

BKS Techcombank nhiệm kỳ 2019 – 2024, gồm 03 thành viên; trong đó có 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên kiêm nhiệm. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của các thành viên BKS trong năm 2021 như sau:

Hoạt động của BKS trong năm 2021

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm	13/04/2019	4	100%	-
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	13/04/2019	4	100%	-
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên chuyên trách	13/04/2019	3	75%	Thành viên BKS công tác nước ngoài, không thể kết nối mạng nội bộ

STT	Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung chính
1	01/2021/NQBKS	23/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý 1 năm 2021, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT; tình hình khắc phục các tổn tại theo kết luận và kiến nghị của BKS và KTNB. • Xem xét và thông qua nội dung báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ và Dự thảo quy chế hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ.
2	02/2021/NQBKS	22/6/2021	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý 2 năm 2021, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT. • Giao KTNB tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo các quy định, quy trình hoạt động của KTNB. • Phân công/ủy quyền Trưởng BKS quyết định điều chỉnh thời gian triển khai các cuộc kiểm toán trong kế hoạch kiểm toán 2021, phù hợp với diễn biến của dịch bệnh COVID-19.
3	03/2021/NQBKS	21/9/2021	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý 3 năm 2021, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT; Kiến nghị của BKS với HĐQT và Tổng Giám đốc; Tình hình khắc phục các tổn tại theo kết luận và kiến nghị của BKS và KTNB. • Điều chỉnh kế hoạch KTNB năm 2021: Giao/ủy quyền cho Trưởng BKS quyết định điều chỉnh kế hoạch kiểm toán năm 2021 để phù hợp với tình hình thực tế kiểm soát COVID-19 và yêu cầu thực tế phát sinh từ nay đến cuối năm 2021.
4	04/2021/NQBKS	07/12/2021	<ul style="list-style-type: none"> • Xem xét và thông qua báo cáo về kết quả hoạt động của KTNB Quý 4 năm 2021, các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, kết quả giám sát hoạt động cấp tín dụng, phi tín dụng với khách hàng thuộc diện phê duyệt của HĐQT; kiến nghị của BKS với HĐQT và Tổng Giám đốc; tình hình khắc phục các tổn tại theo kết luận và kiến nghị của BKS và KTNB. • Xem xét và thông qua kết quả đánh giá hoạt động của KTNB năm 2021 và kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022. BKS giao/ủy quyền cho Trưởng BKS xem xét, quyết định nội dung và phê duyệt ban hành, gửi báo cáo NHNN theo quy định. • Thông qua việc giao/ủy quyền cho Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS phân công, chỉ định: Đại diện BKS chỉ đạo KTNB thực hiện rà soát các hợp đồng/giao dịch và quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động rà soát các hợp đồng/giao dịch thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ.

BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Techcombank quy tụ các lãnh đạo có kinh nghiệm dày dặn và năng lực vượt trội để dẫn dắt việc thực thi hiệu quả các mục tiêu chiến lược trên hành trình chuyển đổi mạnh mẽ của ngân hàng trong giai đoạn 2021-2025



Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Lottner được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Techcombank vào ngày 18 tháng 8 năm 2020. Trước khi gia nhập Techcombank, Tiến sĩ Lottner là Phó Chủ tịch điều hành Cấp cao tại Ngân hàng Thương mại Siam (Thái Lan) trong 5 năm. Trong nhiệm kỳ tại Siam, ông đảm nhận các vị trí điều hành chủ chốt như Giám đốc Chiến lược, Giám đốc Chuyển đổi và Giám đốc Dữ liệu - thiết kế và điều phối chương trình chuyển đổi kỹ thuật số của ngân hàng hướng tới khách hàng là trọng tâm. Cương vị gần nhất mà ông nắm giữ tại Ngân hàng Thương mại Siam là Giám đốc Tài chính.

Tiến sĩ Lottner bắt đầu sự nghiệp với Công ty McKinsey & Company vào năm 1992 tại Đức, nơi ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Hợp danh (Partner) năm 2000. Ông chuyển đến làm việc tại Malaysia vào năm 2001 và Singapore vào năm 2005, nơi ông là Giám đốc Hợp danh Cấp cao (Senior Partner) dẫn dắt hoạt động dịch vụ tài chính của McKinsey tại khu vực ASEAN cho đến năm 2012. Ông đồng thời lãnh đạo Hiệp hội Quản lý Rủi ro Châu Á-Thái Bình Dương và là thành viên của Ủy ban Quản lý Châu Á-Thái Bình Dương. Từ năm 2012 đến năm 2015, Tiến sĩ Lottner là Giám đốc Hợp danh cấp cao và Giám đốc Điều hành của Tập đoàn Boston Consulting Group tại Singapore, lãnh đạo các hoạt động dịch vụ tài chính trên toàn bộ khu vực ASEAN.

Tiến sĩ Lottner có bằng Tiến sĩ Kinh tế tại Đại học Công nghệ Dresden, Đức, và có bằng Kinh tế của Đại học Bonn, Đức.



Ông Phùng Quang Hưng
Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (từ ngày 11/01/2022)

Ông Phùng Quang Hưng có nhiều năm kinh nghiệm lãnh đạo trong ngành tài chính-ngân hàng, ông từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Vận Hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam và Đối tác kinh doanh tại Ngân hàng National Australia London. Ông Phùng Quang Hưng gia nhập Techcombank từ tháng 9/2010 ở vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ, sau đó được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính và Dịch vụ Khách hàng (CSA), Giám đốc Điều hành và Phó Tổng Giám đốc thường trực.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sĩ Kinh tế quốc tế của Đại học Bang Washington State (Hoa Kỳ) và bằng Cử nhân ngành CNTT tại Đại học Bách Khoa, Việt Nam.



Ông Siva R. Krishnan
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Ông Siva có hơn 25 năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng khu vực và quốc tế cũng như các công ty giải pháp công nghệ thanh toán. Kinh nghiệm của ông đa dạng và trải dài trong các lĩnh vực gồm chiến lược kinh doanh, chuyển đổi, quản trị rủi ro, khoa học dữ liệu và phát triển sản phẩm. Trước khi gia nhập Techcombank, ông là Phó Chủ tịch Điều hành (mảng Quản trị rủi ro Ngân hàng bán lẻ & doanh nghiệp) kiêm Giám đốc Phân tích rủi ro tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Siam, Thái Lan. Trước đó, ông Siva là Phó Tổng Giám đốc và Phó Giám đốc điều hành (Quản lý rủi ro & Cơ sở hạ tầng kinh doanh, Bán lẻ & SME) của Scotia Bank và đóng vai trò chủ chốt trong việc sát nhập và tích hợp các ngân hàng liên kết như Thanachart Bank, Siam City Bank. Ông Siva được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 10/01/2021.

Ông Siva tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Thương mại tại Đại học Madras, Ấn Độ. Ông còn là Thành viên của Hiệp hội Kế toán quản trị & chi phí, Ấn Độ và thành viên liên kết của Học viện Ngân hàng Ấn độ. Ngoài ra, ông còn có chứng chỉ tài chính của Học viện Chartered Financial Analysts CFA, Ấn Độ.

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Phan Thanh Sơn
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch Toàn cầu

Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc & Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu kể từ tháng 08/2019. Trước đó, ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2011. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển thị trường trái phiếu trong nước. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong, giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kinh tế tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.



Ông Phạm Quang Thắng
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng

Ông Phạm Quang Thắng đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ lãnh đạo tại Techcombank như Kế toán trưởng Ngân hàng; Giám đốc Trung tâm Quản lý nguồn vốn; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán-tài chính, Kế hoạch và chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng và Giám đốc Khối Tuân thủ và Pháp chế. Hiện tại, ông Phạm Quang Thắng giữ cương vị Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng từ ngày 02/04/2020.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kế toán Quốc tế tại Đại học Công nghệ Swinburne, Úc.



Bà Phan Thị Thanh Bình
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc & Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu kể từ tháng 08/2019. Trước đó, ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính từ tháng 1/2011. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong thị trường tài chính và đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển thị trường trái phiếu trong nước. Ông từng là Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Tiên Phong, giữ nhiều chức vụ về Quản lý Thị trường Toàn cầu tại các ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd. Hongkong.

Ông tốt nghiệp bằng Thạc sỹ Kinh tế tại Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam.



Ông Darren Buckley
Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ (từ ngày 8/8/2021)

Ông Darren Buckley đã có gần 35 năm kinh nghiệm làm việc tại lĩnh vực tài chính toàn cầu, trong đó 29 năm làm việc tại tập đoàn Citi, nơi ông đã đảm nhận các vị trí lãnh đạo cao cấp tại New York, Singapore, Tokyo, Bangkok và Thượng Hải. Trước khi gia nhập Techcombank, ông Buckley đảm nhận chức vụ Giám đốc Kinh doanh Quốc gia thuộc tập đoàn Citi tại Trung Quốc. Ông Buckley đã chuyển đổi hoạt động kinh doanh Bán lẻ của Citi Trung Quốc, thông qua mô hình kinh doanh kỹ thuật số lấy khách hàng làm trọng tâm, để trở thành mảng nghiệp vụ Quản lý tài sản, Thẻ và Cho vay phát triển nhanh nhất trong mạng lưới toàn cầu của Citi với các đối tác quan trọng được ký kết như Ant Financial, ba công ty lớn của Teco và NBA Trung Quốc.

Ông Buckley, tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính, Kinh doanh và Kinh tế tại Vương quốc Anh, đồng thời là Giáo sư danh dự của hai trường đại học Trung Quốc, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Thương mại Thái Lan, Chủ tịch Hiệp hội Ngân hàng Quốc tế Thái Lan, Giám đốc Hiệp hội Ngân hàng quốc tế Nhật Bản, và Giám đốc Nippon Keizaidantai Rengoukai.

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Vishal Shah

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (đến ngày 10/01/2022)

Ông Vishal Shah được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp từ tháng 8/2018. Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các tổ chức hàng đầu với kỹ năng chuyên môn trong các lĩnh vực ngân hàng thương mại, ngân hàng bán lẻ và dịch vụ tư vấn tài chính. Ông đã từng nắm giữ các vị trí quản lý chủ chốt tại Standard Chartered Bank (Singapore, Ấn Độ, và các Tiểu Vương quốc Ả rập). Ông cũng đã từng nắm giữ các vị trí tư vấn tại Ernst & Young và KPMG.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Thương mại tại Đại học Thương mại và Kinh tế HR, Mumbai (Ấn Độ). Ông đã có chứng chỉ kế toán ACA và đã tốt nghiệp Viện kiểm toán chi phí và công trình (ICWA).



Ông Nguyễn Xuân Minh

Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư

Ông được bổ nhiệm giữ cương vị Giám đốc khối Ngân hàng đầu tư – Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương từ tháng 10/2013. Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và quản lý quỹ. Ông từng là Tổng Giám đốc của Vietnam Asset Management Ltd. và Phó Chủ tịch cao cấp của Franklin Templeton Investments tại Singapore.

Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính ứng dụng và đầu tư (Úc) và Thạc sỹ Kỹ thuật dầu khí (Liên bang Nga) và có chứng chỉ CFA.



Ông Trịnh Bằng

Giám đốc Tài chính Tập đoàn (đến ngày 10/01/2022) kiêm Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng (đến ngày 10/01/2022)

Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 01/2018, và kiêm Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng từ tháng 2/2021. Ông có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng toàn cầu với vai trò lãnh đạo cấp cao tại các tập đoàn lớn, đặc biệt trong đó bao gồm 18 năm tại Morgan Stanley (New York, Singapore) và gần đây nhất là làm Cố vấn cao cấp và Giám đốc điều hành toàn Việt Nam và Philippines. Ngày 01/02/2021, ông Trịnh Bằng được bổ nhiệm kiêm nhiệm vai trò Giám đốc Khối Chiến lược & Phát triển Ngân hàng.

Ông Trịnh Bằng tốt nghiệp Cử nhân ngành Kỹ sư hệ thống, Đại học Virginia, Hoa Kỳ.



Bà Đặng Nikki Mỹ Quyên

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Bà Nikki đã có 29 năm kinh nghiệm làm việc trong môi trường quốc tế và chuyên môn sâu rộng trong lĩnh vực ngân hàng, bất động sản, quản trị nguồn nhân lực. Bà cũng đã đảm nhiệm rất nhiều vị trí cấp cao tại các tổ chức lớn như Giám đốc Vận hành tại Ngân hàng America, Giám đốc Nhân sự tại Sàn giao dịch Tín dụng Quốc gia, Chuyên gia nghiên cứu và tuyển dụng tại Tổng Công ty Bảo hiểm tiền gửi Liên bang (FDIC), Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Nhân sự tại Ngân hàng California. Gần đây nhất, bà giữ vị trí Phó Chủ tịch điều hành kiêm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực tại Ngân hàng Hanmi, Hoa Kỳ.

Bà Nikki tốt nghiệp Cử nhân Quản trị Kinh doanh tại Đại học bang California, Fullerton, Hoa Kỳ.

BAN LÃNH ĐẠO



Bà Thái Minh Diễm Tú
Giám đốc Khối Tiếp thị

Bà Thái Minh Diễm Tú có hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty đa quốc gia hàng đầu trong lĩnh vực ngành hàng Tiêu dùng nhanh tại Việt Nam. Trước khi gia nhập Techcombank, bà Thái Minh Diễm Tú đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc tại FrieslandCampina với cương vị là Giám đốc Việt Nam, ngành hàng Dinh dưỡng Chuyên biệt, và trực thuộc Ban Lãnh đạo Tập đoàn Toàn cầu. Trước đó, bà Tú đã có 8 năm làm việc tại Unilever, với vai trò cao nhất là Giám đốc Khối Kinh doanh Unilever Việt Nam của nhiều ngành hàng thuộc tập đoàn.

Bà Thái Minh Diễm Tú có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (MBA) tại Đại học California Irvine (UCI), tốt nghiệp chuyên ngành Quản lý Kinh doanh tại Đại học Ngoại ngữ và Công nghệ Thông tin TPHCM.



Ông Nguyễn Anh Tuấn
Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Tuấn có hơn 24 năm kinh nghiệm về Công nghệ Thông tin và Quản lý. Ông Tuấn đã đảm nhận nhiều vị trí điều hành cấp cao tại Citibank N.A. Trước đó, ông là Giám đốc Công nghệ Thông tin của Bộ phận Bảo hiểm của Công ty Traverlers Insurance, Giám đốc Công nghệ Thông tin tại Finastra, Las Vegas Sands, Wolters Kluwer và General Electric.

Ông Tuấn là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh và Khoa học Máy tính, Cử nhân Khoa học Máy tính, đều tại Đại học Virginia Commonwealth, Hoa Kỳ. Ông đã hoàn thành chứng chỉ Thạc sĩ nâng cao tại Đại học George Washington, Hoa Kỳ. Ông đồng thời là một chuyên gia Quản lý Dự án (PMP) được chứng nhận từ PMI.



Ông Chu Hồng Ngọc
Giám đốc Khối Vận hành

Ông Ngọc đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, quản lý dự án. Ông từng lãnh đạo, quản lý và đảm bảo ngân hàng có các biện pháp kiểm soát hoạt động, thủ tục hành chính và báo cáo phù hợp nhằm phát triển tổ chức một cách hiệu quả và đảm bảo chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động. Ông từng đảm nhiệm các vị trí Kỹ sư giám sát kỹ thuật tại Văn phòng đại diện của Công ty Oconnor's Singapore, Giám đốc dự án và quyền Giám đốc Kỹ thuật ở Công ty Millicom, Giám đốc dự án tại VP Bank thuộc Văn phòng HĐQT. Trước khi gia nhập Techcombank, ông giữ vai trò Giám đốc Vận hành tại VPBank.

Ông tốt nghiệp bằng danh dự chuyên ngành Kỹ thuật Viễn thông tại Đại học South Australia, Úc.



Ông Santhosh Mahendiran
Giám đốc Khối Dữ liệu & Phân tích

Ông Santhosh gia nhập Techcombank với kinh nghiệm lãnh đạo sâu sắc chuyên sâu trong lĩnh vực Công nghệ, Quản trị và Phân tích Dữ liệu. Trước khi gia nhập Techcombank, ông làm việc tại Ngân hàng Standard Chartered, Singapore, ở vị trí Giám đốc Điều hành và Giám đốc Toàn cầu, nền tảng công nghệ số. Ông Santhosh cũng giữ nhiều vai trò vị trí lãnh đạo cao cấp ở Citibank Singapore. Ông đã đảm nhận vị trí Phó chủ tịch, chịu trách nhiệm thực hiện và triển khai kho dữ liệu tại 15 quốc gia. Ông cũng từng dẫn dắt nhóm phát triển tiên phong về hệ thống onboarding khách hàng bằng màn hình cảm ứng đầu tiên trên thế giới cho Citibank, Nhật Bản

Ông Santhosh có hai bằng Thạc sĩ về Ứng dụng máy tính và Kỹ thuật phần mềm tại Đại học Madurai Kamaraj, Ấn Độ.

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Alexandre Macaire
Giám đốc Tài chính Tập đoàn (từ ngày 11/01/2022)

Ông Alexandre Macaire tốt nghiệp ngành Thẩm định rủi ro tài chính từ Trường Quốc gia Thống kê và Quản lý kinh tế tại Pháp. Ngoài ra, ông cũng hoàn thành các chương trình về Toán học, Vật lý và Chính trị học tại Đại học Ecole Polytechnique và Viện Nghiên cứu chính trị.

Trước khi gia nhập Techcombank, ông Alexandre Macaire đảm nhiệm nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại HSBC trong 15 năm, phụ trách các mảng Ngân hàng Đầu tư, Quản lý vốn và Tài chính. Gần đây nhất, ông giữ vai trò Giám đốc Tài chính của Khối Quản lý tài sản và Tài chính cá nhân khu vực Châu Á-Thái Bình Dương - một trong những khối kinh doanh quan trọng nhất của HSBC. Ông chịu trách nhiệm phát triển năng lực phân phối trên toàn khu vực, mở rộng các sản phẩm và các kênh mới, góp phần đưa HSBC hướng tới mục tiêu vị trí số 1 tại Châu Á-Thái Bình Dương về Quản lý Tài sản.



Ông Kyle Timothy Justin
Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi

Ông Timothy đã có 18 năm kinh nghiệm là lãnh đạo chuyển đổi cấp cao tại các tổ chức dịch vụ tài chính hàng đầu, tập trung tại thị trường Châu Á. Trước khi gia nhập Techcombank, Ông đảm nhiệm chức vụ Giám đốc khu vực chuyên phụ trách mảng Hành trình khách hàng ở Prudential Châu Á. Ông Timothy cũng đã từng giữ nhiều vai trò lãnh đạo kỹ thuật và chiến lược cao cấp trước đó, như Giám đốc Điều hành, Giám đốc Vận hành xuất sắc và Hỗ trợ Phân tích Kinh doanh của Ngân hàng DBS; Giám đốc mảng Tái cấu trúc, nhóm Ngân hàng Tiêu dùng của Ngân hàng Standard Chartered.

Ông Timothy tốt nghiệp Thạc sỹ về Khoa Học, Vận hành tinh gọn từ Trường Kinh doanh Cardiff, Anh Quốc. Ông đã hoàn thành các khóa học về Trí tuệ nhân tạo, Chuyển đổi và đổi mới kỹ thuật số từ các tổ chức uy tín như MIT Sloan và INSEAD.



Ông Pranav Seth
Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi số

Ông Pranav Seth được bổ nhiệm vai trò vị trí Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi số kể từ ngày 13/01/2021. Ông Pranav đã có hơn 18 năm kinh nghiệm trong vai trò nhà lãnh đạo tài chính và chuyển đổi doanh nghiệp, với thành tích đã được chứng minh qua việc xây dựng doanh nghiệp, thực hiện chuyển đổi tổ chức và kinh doanh trên quy mô lớn. Gần đây nhất, ông Pranav làm việc tại Ngân hàng OCBC Singapore với vị trí Phó Chủ tịch cấp cao kiêm Giám đốc Kỹ thuật số và Đổi mới, chịu trách nhiệm cho các thách thức đổi mới của OCBC, “FRANK by OCBC”, lãnh đạo nhóm đổi mới của OCBC, “The Open Vault” thúc đẩy công nghệ Fintech và hệ sinh thái các đối tác, dẫn dắt đơn vị Kinh doanh Kỹ thuật số và Chuyển đổi của Ngân hàng tiêu dùng OCBC. Ông đóng vai trò quan trọng trong ban lãnh đạo ngân hàng tiêu dùng và là thành viên chính của Hội đồng chuyển đổi kỹ thuật số của OCBC. Trước khi gia nhập Ngân hàng OCBC, ông Pranav đảm nhiệm vị trí Giám đốc Phát triển Kinh doanh nơi ông giúp các khách hàng là các tổ chức dịch vụ tài chính và ngân hàng trong xây dựng và triển khai chiến lược, chuyển đổi kinh doanh trên quy mô lớn.

Ông Pranav tốt nghiệp Thạc sỹ về chuyên ngành Tài Chính và Chiến Lược từ Trường Quản lý UCLA Anderson (Los Angeles), có bằng Kỹ sư tại Đại học Delhi và hoàn thành chương trình Đào Tạo Cấp Cao về Chiến Lược và Tổ Chức tại trường Kinh Doanh Stanford, Hoa Kỳ.

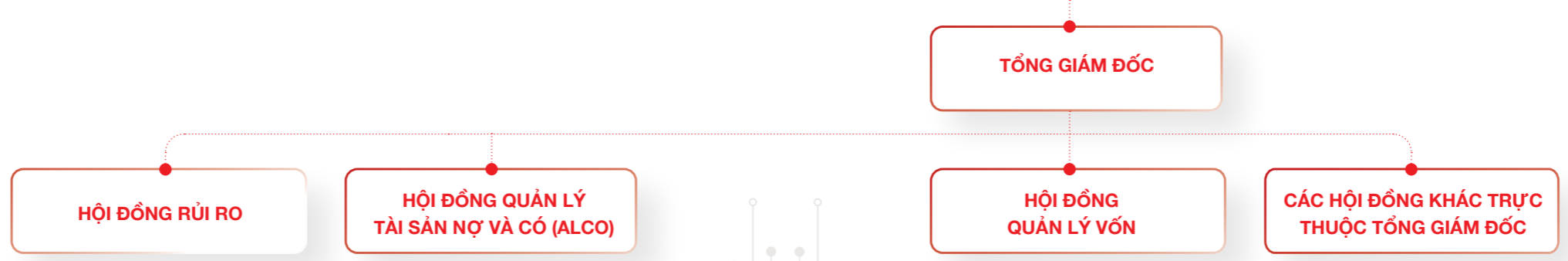
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

Mô hình Quản trị - Điều hành mục tiêu của Techcombank đến năm 2023



ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO	ỦY BAN XỬ LÝ RỦI RO	ỦY BAN NHÂN SỰ	ỦY BAN KIỂM TOÁN	ỦY BAN LƯƠNG THƯỜNG	ỦY BAN CHIẾN LƯỢC
<p>Ủy ban Quản lý rủi ro có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đề xuất, tham mưu cho HĐQT trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; giám sát công tác QTRR toàn hệ thống thông qua chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của ngân hàng. Phân tích, đánh giá và báo cáo HĐQT về (i) mức độ rủi ro, hiệu quả quản lý rủi ro và cảnh báo về các nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động của ngân hàng, đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro trong ngắn hạn & dài hạn và (ii) tính phù hợp và hiệu quả của các chính sách, quy định về QTRR của ngân hàng, đề xuất yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động. Tham mưu cho HĐQT trong các quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng. 	<p>Ủy ban Xử lý rủi ro có chức năng hỗ trợ HĐQT trong các vấn đề liên quan tới việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, các biện pháp, phương án sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng.</p>	<p>Ủy ban Nhân sự có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT về (i) quy mô và cơ cấu HĐQT, Người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng; (ii) các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành theo quy định pháp luật và Điều lệ TCB Techcombank; (iii) các quy định nội bộ liên quan đến vấn đề nhân sự của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT và (iv) tiêu chuẩn, điều kiện cho các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT; Tham mưu cho HĐQT trong việc xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục tuyển dụng, điều động, bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ TCB Techcombank. 	<p>Ủy ban Kiểm toán có chức năng tham mưu HĐQT và định hướng, giám sát Tổng Giám đốc/Ban Lãnh đạo trong các vấn đề liên quan tới lập và kiểm soát báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và các chính sách về kế toán, kiểm toán độc lập.</p>	<p>Ủy ban Lương thưởng có chức năng tham mưu HĐQT về các vấn đề liên quan đến chính sách lương thưởng, thù lao, đãi ngộ cho thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý cao cấp khác, đánh giá tính hiệu quả của hệ thống thù lao, lương thưởng và các chương trình đãi ngộ cho cán bộ nhân viên.</p>	<p>Ủy ban Chiến lược có chức năng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng, giám sát việc triển khai thực thi chiến lược, định hướng phát triển của Techcombank, các vấn đề liên quan đến Chương trình Chuyển đổi của Ngân hàng, Tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt mục tiêu kinh doanh, ngân sách thường niên và các hoạt động đầu tư lớn của Techcombank

Hiện tại Techcombank đang tiếp tục triển khai các công việc cần thiết để đưa Mô hình trên vào ứng dụng thực tiễn trong hoạt động Quản trị - Điều hành của Ngân hàng.



- Ủy ban thuộc cấp quản trị do HĐQT thành lập để đáp ứng yêu cầu quy định pháp lý
- Ủy ban thuộc cấp quản trị do HĐQT thành lập

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát & Người Điều hành

Số lượng và tỷ lệ sở hữu cổ phiếu Techcombank của các cổ đông là người nội bộ tại ngày 31/12/2021

STT	Họ & Tên	Chức vụ tại Techcombank	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Hội đồng Quản trị				
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	39.309.579	1,1196%
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	9.403.176	0,2678%
3	Ông Nguyễn Thiếu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	30.256.431	0,8618%
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	17.954.979	0,5114%
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	1.487.542	0,0424%
6	Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,0000%
7	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
8	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	0	0,0000%
9	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	259.963	0,0074%
Ban Kiểm soát				
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	57.504	0,0016%
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách	48	0,000001%
3	Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên	0	0,0000%
Người điều hành⁽¹⁾				
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	439.000	0,0125%
2	Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.427.867	0,0407%
3	Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc	1.284.572	0,0366%
4	Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	2.349.240	0,0669%
5	Ông Kalyanaraman Sivaramakrishnan	Phó Tổng Giám đốc	0	0,0000%
6	Ông Nguyễn Tuấn Minh	Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách Quản trị công ty và Thư ký Công ty	139.228	0,0040%
7	Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn	6.000.000	0,1709%
8	Bà Thái Hà Linh	Người được Ủy quyền Công bố thông tin	1.007.104	0,0287%
9	Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế Toán trưởng	28.245	0,0008%

Thông tin về giao dịch cổ phiếu TCB của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2021, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người nội bộ như sau:

Trong năm 2021, số lượt và khối lượng giao dịch cổ phiếu TCB của cổ đông là người liên quan của người nội bộ như sau:

	Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch		Số lượt	Khối lượng cổ phiếu giao dịch
Mua	7	1.144.944	Mua	5	23.006.315
Bán	2	185.704	Bán	5	317.500
Tổng	9	1.330.648	Tổng	10	23.323.815

Thông tin chi tiết về từng giao dịch được công bố đầy đủ trên trang website của Techcombank: www.techcombank.com.vn/investors/financial-information

Lương thưởng, thù lao, các lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 - 2024

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất	
3	Ông Nguyễn Thiếu Quang	Phó Chủ tịch HĐQT	
4	Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch HĐQT	
5	Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 – Phần thuyết minh số 38 "Giao dịch với các bên liên quan"
6	Ông Lee Boon Huat	Thành viên HĐQT	
7	Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên HĐQT	
8	Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ - ĐIỀU HÀNH

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát & Người Điều hành

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của BKS nhiệm kỳ 2019-2024

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng BKS kiêm thành viên chuyên trách	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 – Phần thuyết minh số 38 "Giao dịch với các bên liên quan"
2	Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên BKS chuyên trách	
3	Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên BKS	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí của Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương/thưởng/thù lao và các khoản lợi ích
1	Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc	Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 – Phần thuyết minh số 38 "Giao dịch với các bên liên quan"

Hợp đồng hoặc các giao dịch với cổ đông là người nội bộ

Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 – Phần thuyết minh số 38 "Giao dịch với các bên liên quan"

Báo cáo về việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2021, Techcombank giữ vững việc tuân thủ thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về quản trị công ty của các cơ quan quản lý nhà nước, trong đó có thể kể đến:

- **Nghị định 71/2017/NĐ-CP** về Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng,
- **Thông tư 95/2017/TT-BTC** về Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP,
- **Thông tư số 13/2018/TT-NHNN** về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và các quy định liên quan khác.
- **Thông tư 22/2019/TT-NHNN** quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài
- **Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất** ban hành tháng 8/2019 bởi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC
- **Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14,**
- **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14**
- **Thông tư số 96/2020/TT-BTC** về Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- **Nghị định số 155/2020/NĐ-CP** hướng dẫn Luật Chứng khoán sửa đổi

HĐQT tiếp tục kiện toàn mô hình hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của các Hội đồng, Ủy ban nhằm giúp HĐQT tăng cường hiệu quả hoạt động, kịp thời đưa ra quyết định trong quá trình quản trị hoạt động của Ngân hàng, một số hoạt động kiện toàn Ủy ban quan trọng đã được thực hiện như sau:

- Techcombank đã thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro theo các quy định pháp luật hiện hành (Điều 43 của Luật TCTD; Điều 25 của Thông tư 40/2011/TT-NHNN; Điều 9 của Thông tư 13/2018/TT-NHNN)

- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro số **0003/2021/QC ngày 1/3/2021**, đáp ứng các quy định cụ thể của Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Techcombank đã thành lập Ủy ban Nhân sự theo các quy định pháp luật hiện hành (Điều 43 của Luật TCTD; Điều 25 của Thông tư 40/2011/TT-NHNN; Điều 9 của Thông tư 13/2018/TT-NHNN; Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Hướng dẫn quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng).
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban Nhân sự số **0013/2021/QC ngày 06/7/2021**, đáp ứng các quy định cụ thể của Thông tư 13/2018/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Trong cơ cấu Quản trị - Điều hành của ngân hàng Techcombank, các Ủy ban và Hội đồng ở cả cấp Quản trị và cấp Điều hành tiếp tục thực hiện tốt vai trò trách nhiệm được quy định, giúp HĐQT cũng như Tổng Giám đốc trong việc giám sát, điều hành ngân hàng hoạt động hàng ngày và tham mưu những vấn đề quan trọng và dài hạn của tổ chức. Cơ chế hoạt động của các Ủy ban và Hội đồng ngày càng phù hợp hơn với nội tại và sự chuyển đổi của ngân hàng Techcombank, điều này đã giúp các cấp lãnh đạo ngân hàng tăng cường tính hiệu quả trong cơ chế ra quyết định và thận trọng xem xét, rà soát các yếu tố rủi ro trong quá trình hoạt động và kinh doanh.

Năm 2021, Techcombank đã ban hành Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung số **0007/2021/QC ngày 05/5/2021**, theo đó quy định cụ thể các vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng, góp phần giúp tăng cường sự tuân thủ của ngân hàng với các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Techcombank; đồng thời đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Techcombank công khai, minh bạch, hiệu quả, tuân thủ quy định của NHNN và hướng tới thông lệ, chuẩn mực quốc tế.

VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

2021 là một năm đầy thách thức khi các quốc gia trên toàn cầu phải liên tiếp chống chọi với những nguy cơ đến từ đại dịch COVID-19, và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Điều khiến Techcombank khác biệt và mang tới một sức mạnh to lớn hơn bao giờ hết cho chúng tôi chính là sự gắn kết với các giá trị cốt lõi và tầm nhìn, sứ mệnh của của Ngân hàng, với mục đích "Chuyển đổi ngành tài chính, nâng tầm giá trị sống". Văn hóa Doanh nghiệp của Techcombank được xác định bởi năm giá trị cốt lõi, là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Ngân hàng. Năm giá trị này là:

- Khách hàng là trọng tâm
- Đối mới và sáng tạo
- Làm việc hiệu quả
- Hợp tác vì mục tiêu chung
- Phát triển bản thân



Các giá trị này là nền móng của mọi hoạt động thường nhật tại Ngân hàng: hoàn thiện công việc, đưa ra quyết định kinh doanh, tương tác với đồng nghiệp và phục vụ khách hàng.

Nuôi dưỡng các giá trị cốt lõi mỗi ngày cho phép chúng tôi giữ vững lời hứa thương hiệu, triển khai chiến lược và hiện thực hóa tầm nhìn và sứ mệnh dài hạn của Ngân hàng. Và quan trọng hơn cả, các giá trị này sẽ giúp Techcombank củng cố các mối quan hệ với đối tác và tạo dựng niềm tin trong cộng đồng.

Trong thời kỳ đại dịch toàn cầu chưa từng có tiền lệ này, Techcombank không những là một ngân hàng kiên cường và thích ứng nhanh, tập trung bảo đảm công ăn việc làm, chăm sóc và bảo vệ cho tất cả nhân viên, mà còn ra sức chung tay giúp đỡ cộng đồng địa phương.

Ngay từ đầu đại dịch, Ngân hàng đã tạo điều kiện cho nhân viên làm việc tại nhà khi cần thiết, cũng như cung cấp các khoá đào tạo và học tập trực tuyến cho tất cả cán bộ nhân viên.

VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Top

6%

Công ty có chỉ số cao nhất về Hiệu quả Nhân viên

Top

12%

Công ty có chỉ số cao nhất về Mức độ Gắn kết và Thúc đẩy

ở Đông Nam Á

Văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ được hỗ trợ bởi chỉ số gắn kết nhân viên cao - Khảo sát mức độ gắn kết nhân viên năm 2021

Chúng tôi thường xuyên lắng nghe các Techcomer - điều gì thúc đẩy họ cũng như điều gì cản trở họ đạt được hiệu quả trong công việc - đây là điều quan trọng giúp thực hiện chiến lược của Ngân hàng.

Trong năm 2021, 97% nhân viên của Ngân hàng đã dành thời gian phản hồi trong Khảo sát mức độ gắn kết của nhân viên (EES).

Kết quả khảo sát EES cao và đáng khích lệ đã đưa chúng tôi vào top 6% công ty có chỉ số cao nhất về Hiệu quả Nhân viên và top 12% công ty có chỉ số cao nhất về Mức độ Gắn kết và Thúc đẩy ở Đông Nam Á trong năm 2021. Xem thêm trong phần Nhân Tài trang 142.

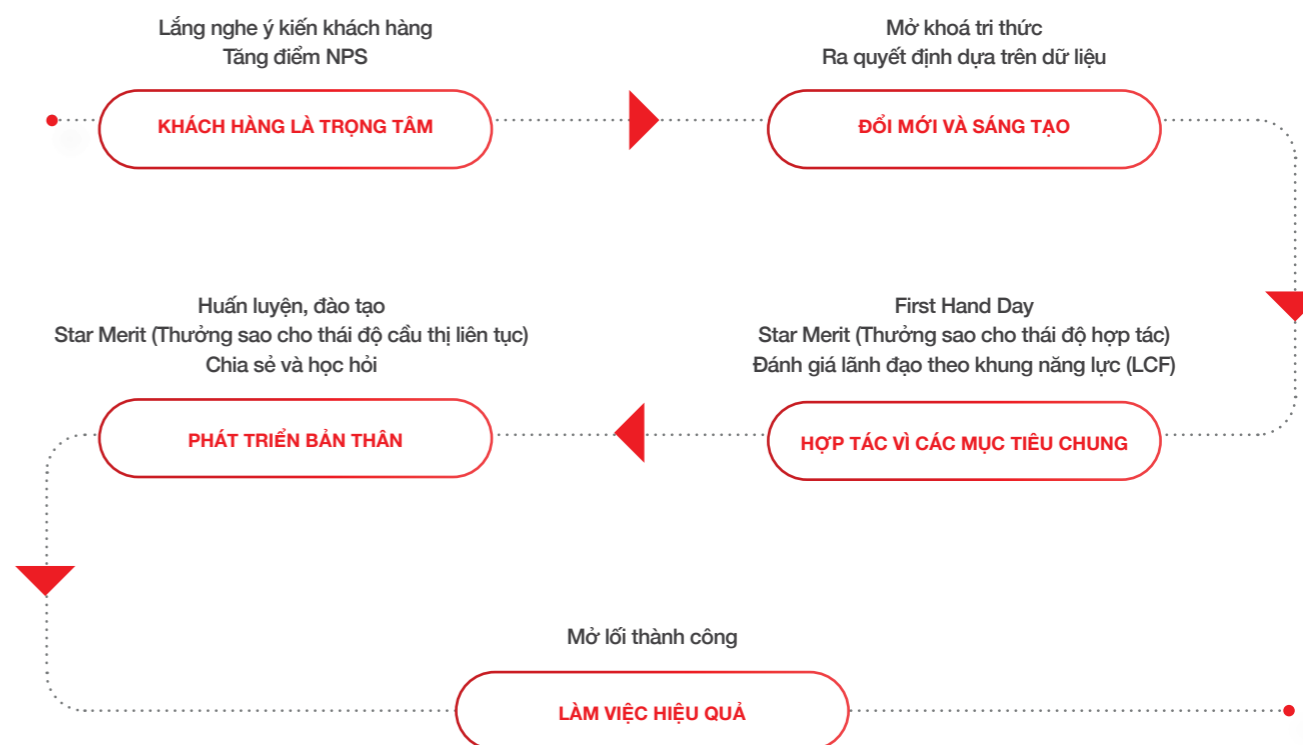
Tiếp tục đưa giá trị cốt lõi vào mọi hoạt động chính của ngân hàng - Chương trình Hành trình Văn hóa

Chương trình Hành trình Văn hóa của Ngân hàng được thành lập từ năm 2013 và được duy trì đến hiện nay đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ.

Chương trình được tạo dựng để khuyến khích và khen thưởng thái độ ứng xử và hành động đúng mực của các cá nhân và tập thể phù hợp với các giá trị của Ngân hàng. Hoạt động này cũng giúp tăng cường tính liên kết, gắn bó và cộng tác giữa các đơn vị kinh doanh, phòng ban, Hội sở chính, cùng nhân sự của Mạng lưới phân phối bán lẻ.



Tổng quan Hành trình Văn hoá 2021



VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

Chương trình Hành trình Văn hóa được thiết kế để dung hoà năm giá trị cốt lõi thông qua các hoạt động hàng ngày, ví dụ:

Hơn **400**

Kaizen mới

Kaizen (Hoạt động cải tiến liên tục): Khuyến khích tư duy đổi mới và sáng tạo liên tục, tập trung vào việc sử dụng dữ liệu hiệu quả.

400 hoạt động cải tiến liên tục mới đã được đệ trình ở cấp bộ phận, tập trung vào việc sử dụng dữ liệu hiệu quả hơn trong công việc. Trong đó 28 Kaizen đã được công nhận ở cấp ngân hàng.

12.300

buổi huấn luyện

Huấn luyện: Giúp nhân viên tiến bộ và phát triển

97% người được khảo sát cảm thấy rất hài lòng với các buổi huấn luyện nhận được từ huấn luyện viên.

72.800

nhận xét và phản hồi của khách hàng

Lắng nghe ý kiến khách hàng: Thu thập phản hồi của khách hàng thông qua các cuộc gọi điện và/hoặc cuộc gặp trực tiếp với khách hàng.

Nhận xét và phản hồi của khách hàng đã được thu thập bởi các Giám đốc chi nhánh và Giám đốc bộ phận kinh doanh thông qua các cuộc điện thoại ghi nhận ý kiến đóng góp của khách hàng.

Phần lớn các phản hồi của khách hàng đã được ghi nhận, trả lời và giải quyết. Đặc biệt, thời gian chờ đợi tại các chi nhánh là một trong những ý kiến đóng góp chính được nêu ra và thời gian chờ đã được giảm xuống 10% trong năm 2021.

466

buổi đối thoại trực tiếp do các Trưởng bộ phận thực hiện

First Hand Day (Đối thoại trực tiếp): Khuyến khích sự hợp tác giữa các đơn vị có tiếp xúc với khách hàng và các Văn phòng Hội sở. Các quản lý Hội sở đến thăm và thảo luận trực tiếp với đội ngũ nhân viên dịch vụ khách hàng để hiểu rõ các tình huống, vấn đề và đưa ra các giải pháp để giải quyết các tồn tại, khó khăn và vướng mắc đã được nhận diện.

Các buổi đối thoại trực tiếp được tổ chức trực tiếp tại các đơn vị để hiểu rõ hơn về các thách thức và cung cấp hướng dẫn hoặc giải quyết các vấn đề một cách trực tiếp. Trong các buổi gặp mặt này, có tổng cộng 630 vấn đề đã được nêu ra, 55% trong số đó đã được giải quyết trong năm 2021.

Văn hóa Doanh nghiệp là một trụ cột quan trọng trong Định vị Giá trị Nhân viên mới của Techcombank

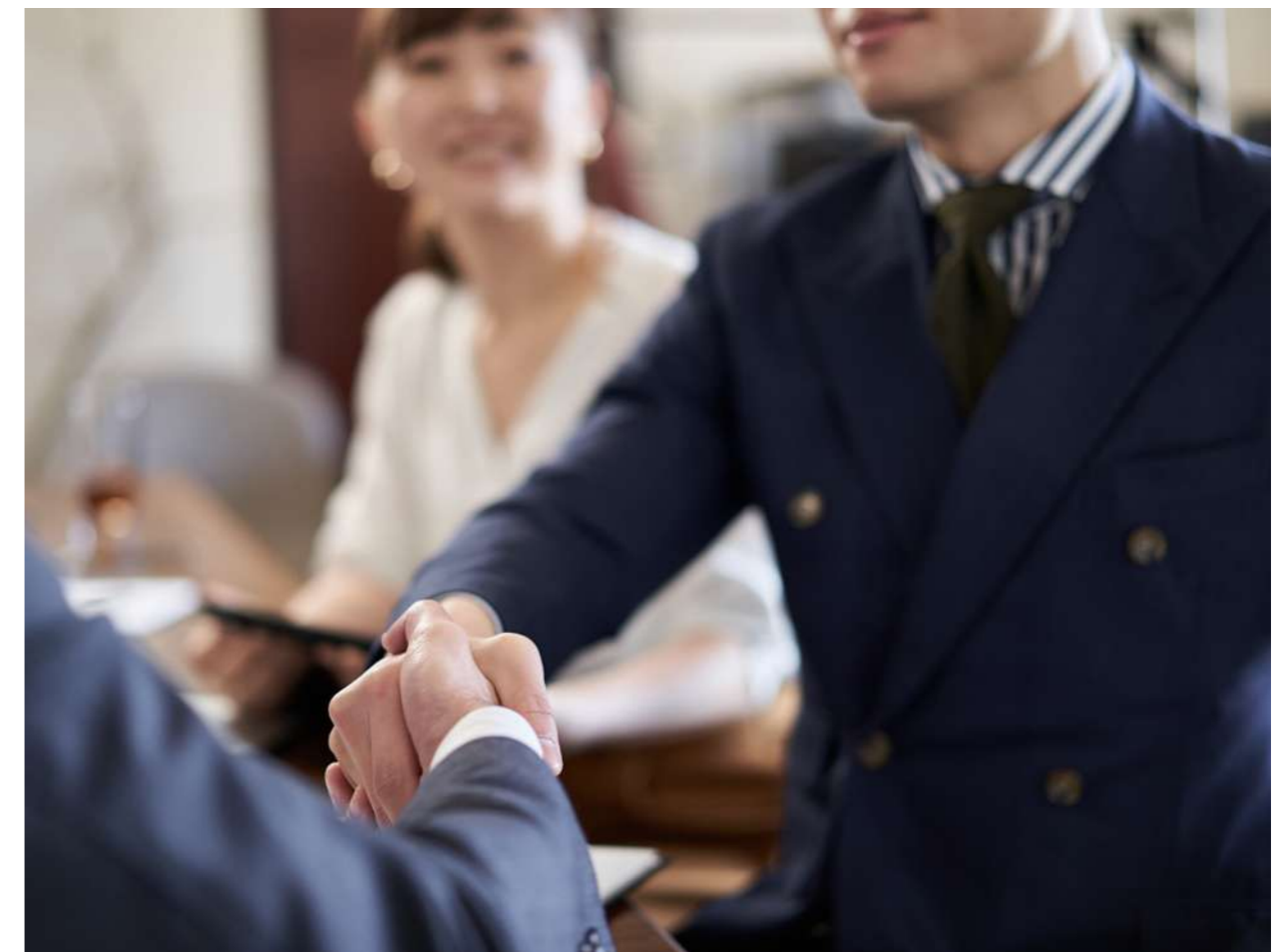
Theo chiến lược mới của chúng tôi, trong năm 2021, Techcombank đã tập trung vào việc xây dựng **Định vị Giá trị Nhân viên (EVP)** mới với mục tiêu:

- Thu hút những nhân tài phù hợp nhất, là những cá nhân chia sẻ ADN và giá trị của Techcombank
- Phát triển và giữ chân những nhân tài có thành tích cao để hoàn thiện tầm nhìn của Techcombank.
- Thu hút nhân tài bằng cách khen thưởng các cam kết và đóng góp của mỗi cá nhân cho các giá trị đặc biệt mang lại.

Văn hóa Doanh nghiệp luôn là nền tảng cho công tác phát triển Định vị Giá trị Nhân viên với tên gọi “Bản Lĩnh Vượt Trội”.

Bộ Định vị Giá trị Nhân viên mới được thiết kế xoay quanh bốn trụ cột chính là **Văn hóa & Môi trường làm việc, Hiệu suất công việc, Ghi nhận và Tưởng thưởng, Đào tạo và Phát triển.**

Mỗi trụ cột đều thể hiện mối tương quan chặt chẽ với văn hóa doanh nghiệp nhằm phản ánh bản ngã của Techcombank, nơi đề cao Nhân tài như một yếu tố then chốt cho sự phát triển và thành công lâu dài của Ngân hàng.



05

CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TECH

- Dữ liệu
- Số hoá
- Nhân tài



DỮ LIỆU (DnA)

Dữ liệu là kim chỉ nam cần thiết giúp khách hàng có những lựa chọn sáng suốt và giúp ngân hàng tạo ra các giải pháp phù hợp với nhu cầu của từng cá nhân. Để đạt được điều này, trong năm 2021 Techcombank đã tập trung vào:



1

xây dựng bể dữ liệu hỗn hợp trên điện toán đám mây cung cấp bởi Amazon Web Services (AWS)



2

sử dụng dữ liệu và phân tích để phát triển các mô hình xu hướng tiên tiến nhằm dự đoán hành vi của khách hàng, tăng số lượng phễu khách hàng tiềm năng



3

cải tiến quản trị dữ liệu để thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn mới, cũng như xác định kiến trúc và công nghệ mục tiêu



Bể dữ liệu doanh nghiệp

Một nền tảng dữ liệu vững chắc sẽ hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh. Chính vì thế, Techcombank đã thiết lập một bể dữ liệu hỗn hợp trên nền tảng đám mây với AWS, tổng hợp toàn bộ thông tin và dữ liệu của Ngân hàng. Những kết quả đầu tiên đã được chuyển giao trong vòng 5 tháng sau khi bắt đầu xây dựng hệ thống. Tới cuối năm 2021, hơn 60% hệ thống dữ liệu kinh doanh trọng yếu đã được tích hợp trong bể dữ liệu, giúp Techcombank cải thiện các giải pháp tín dụng và năng lực số một cách đáng kể cả về tốc độ và độ chuẩn xác. Cụ thể, chúng tôi đã nâng cao trải nghiệm khách hàng bằng cách lập trình sẵn các mẫu đơn đăng ký, cũng như giảm thiểu thời gian phê duyệt hồ sơ mở thẻ tín dụng và vay mua nhà từ vài ngày xuống còn vài phút. Dư nợ thẻ tín dụng tăng 27% nhưng mức độ rủi ro không đổi đối với các khoản vay mới.

Dữ liệu và phân tích

Dữ liệu và phân tích đã giúp chúng tôi cải thiện mô hình xu hướng nhằm dự đoán hành vi của khách hàng tốt hơn, nhờ đó tăng khả năng tìm kiếm khách hàng và tăng tỷ lệ chuyển đổi khách hàng tiềm năng thành khách hàng mới. Dựa trên các phân tích, các sản phẩm dịch vụ sẽ được thiết kế phù hợp với từng khách hàng. Bên cạnh đó, việc áp dụng học máy giúp tăng khả năng sử dụng lượng lớn dữ liệu trong quá trình ra quyết định. Các giải pháp được áp dụng cho các sản phẩm Bancassurance cho thấy hiệu quả cao gấp mười lần. Dù mới chỉ ở giai đoạn đầu, Ngân hàng có thể xác định 400 tỷ đồng doanh thu gia tăng đến từ chính các sáng kiến dựa trên phân tích dữ liệu.

Quản trị dữ liệu

Chúng tôi nâng cao tiêu chuẩn dữ liệu và quản trị dữ liệu bằng chiến lược được hậu thuẫn bởi công tác kinh doanh. Chiến lược này bao gồm:

- áp dụng các tiêu chuẩn về chất lượng, bảo mật và lưu trữ dữ liệu
- giám sát các phần tử dữ liệu trọng yếu (CDEs) để đảm bảo tính công khai của các thay đổi trong hồ sơ doanh nghiệp - hơn 50 CDEs được giám sát
- tăng cường tính minh bạch của các tài nguyên dữ liệu và nguồn gốc dữ liệu
- xây dựng bảng thuật ngữ kinh doanh – đã tạo danh mục hơn 2.000 phần tử dữ liệu

Trọng tâm của khối Dữ liệu và Phân tích (DnA) năm 2022

Trong năm 2022, khối DnA sẽ tiếp tục nâng cấp dữ liệu về khách hàng và quy trình đưa ra quyết định của khách hàng, giúp Ngân hàng có được cái nhìn chân thật nhất về khách hàng, qua đó nâng cao trải nghiệm sử dụng dịch vụ của khách hàng. Chúng tôi sẽ đưa các hệ thống dữ liệu nội bộ quan trọng, và tích hợp các nguồn dữ liệu từ bên ngoài vào bể dữ liệu. Trọng tâm của chúng tôi sẽ nằm ở các mảng quản lý quan hệ với khách hàng (CRM), tiếp thị số, gắn kết khách hàng và các dự án tài chính quan trọng.

Tích hợp hơn
60%

Hệ thống dữ liệu kinh doanh trọng yếu

Tạo danh mục hơn
2.000

Phần tử dữ liệu

400
Tỷ đồng

Doanh thu gia tăng từ các sáng kiến dựa trên dữ liệu

>50%

Hệ thống trọng yếu đã đưa lên hệ thống đám mây

SỐ HOÁ

Văn phòng chuyển đổi số (DO)

Ứng dụng Techcombank Mobile mới – Bùng nổ tăng trưởng khách hàng số

Techcombank tin rằng thiết bị di động sẽ trở thành công cụ chủ yếu cho hầu hết các giao dịch tài chính của bất kỳ cá nhân nào, do đó, chúng tôi tạo ra nền tảng di động mới nhằm mục đích làm cho các giao dịch đó trở nên đơn giản, trực quan và cá nhân hóa.

Trong năm 2021, Techcombank đã trải qua một cuộc cách mạng lớn trong hành trình số hoá. Bằng việc hợp tác với Backbase, nhà cung cấp nền tảng kỹ thuật số hàng đầu thế giới, chúng tôi chính thức cho ra mắt ứng dụng ngân hàng số mới - Techcombank Mobile - với công nghệ tiên tiến, tăng cường bảo mật và có giao diện thân thiện với người dùng.

Ngân hàng đã đổi mới nhằm tạo ra nhiều tính năng hấp dẫn và cải tiến các sản phẩm có trong ứng dụng, giúp khách hàng dễ dàng quản lý tài khoản, thẻ và danh mục đầu tư trên cùng một ứng dụng; giao dịch an toàn; và đăng ký sử dụng các sản phẩm và dịch vụ mới một cách liền mạch, khiến việc sử dụng dịch vụ ngân hàng hàng ngày trở nên dễ dàng và nhanh chóng. Ứng dụng cũng có các đề xuất và các tư vấn tài chính được cá nhân hóa, giúp tối ưu hóa các khoản đầu tư và chủ động cung cấp các dịch vụ. Chúng tôi hy vọng Techcombank Mobile sẽ trở thành ứng dụng ngân hàng số tốt nhất và được đề xuất nhiều nhất tại Việt Nam. Chúng tôi đang dùng ứng dụng để nâng cao mức độ tương tác với khách hàng.

Tổng số người dùng và giao dịch số đã tăng lên đáng kể kể từ khi ứng dụng ra mắt thị trường. Khách hàng mới được tự động đồng bộ trên ứng dụng Techcombank Mobile, trong khi khách hàng hiện hữu đang được chuyển đổi dần dần sang nền tảng mới này. Trong vòng hai tháng kể từ khi Techcombank Mobile ra mắt, 1,5 triệu khách hàng đã đăng ký sử dụng thành công.

Giao dịch số dẫn đầu

Ngân hàng đã triển khai giải pháp tích hợp thanh toán toàn diện bao gồm quản lý hóa đơn, trả góp, thanh toán bằng mã QR, thanh toán ngang hàng giữa các cá nhân (P2P) và giữa cá nhân với người bán (P2M), đăng ký thanh toán hóa đơn tự động, giao dịch đa dạng hoá ngoại tệ và nhiều dịch vụ khác. Chúng tôi là ngân hàng đầu tiên trên thị trường cung cấp công cụ quản lý tài chính cá nhân tùy chỉnh, sử dụng dữ liệu lớn (Big Data). Khách hàng hiện có thể dự đoán chi tiêu trong tương lai, hoạch định tài chính và quản lý danh mục tài sản một cách thuận tiện.

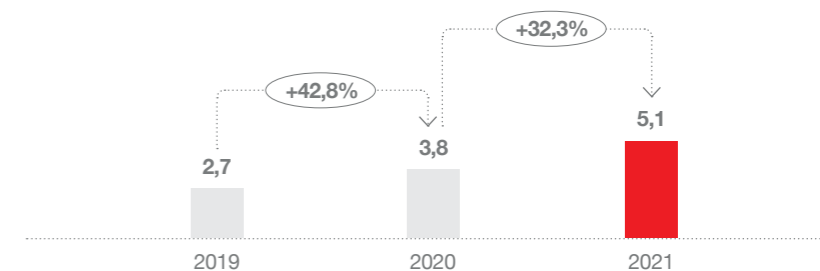
- Trong năm 2021, chúng tôi có gần 652 triệu giao dịch số, tăng 70,0% so với năm 2020, và chiếm 83,4% tổng số giao dịch của khách hàng cá nhân, tăng so với mức 77,5% của năm 2020
- Tổng giá trị giao dịch e-banking đạt 9.079 tỷ đồng, tăng 80,5% so với năm 2020. Trước đó, giá trị giao dịch này đã tăng 84,2% trong năm 2020.
- Số lượng giao dịch e-banking trung bình hàng tháng trên mỗi khách hàng cũng tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước

Trong năm 2021, chúng tôi có

Số lượng khách hàng

Ebanking cá nhân

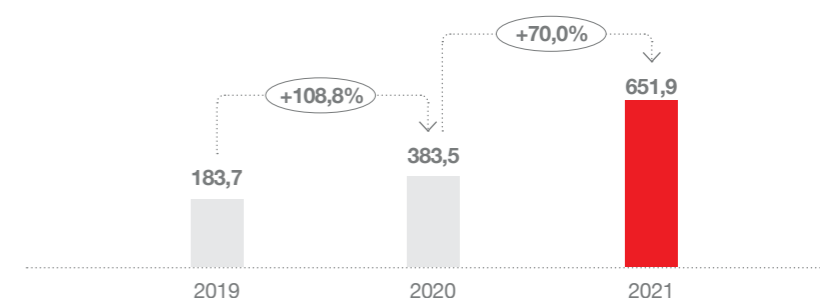
(Triệu)



Số lượng giao dịch Ebanking

của khách hàng cá nhân

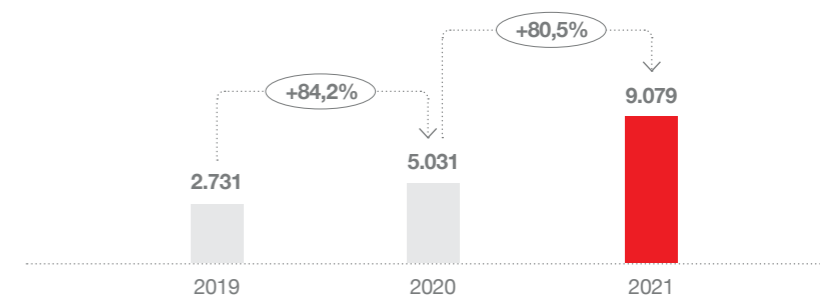
(Triệu)



Giá trị giao dịch Ebanking

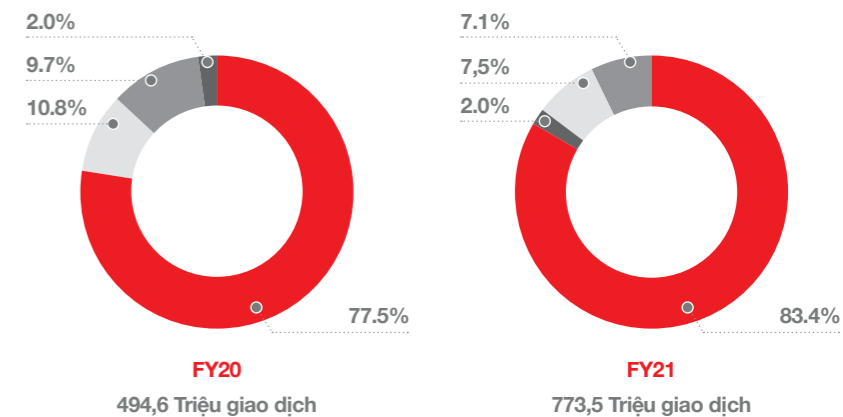
của khách hàng cá nhân

(Nghìn tỷ đồng)



Số lượng giao dịch qua các kênh

- Ebanking
- Chi nhánh
- POS
- ATM





napas 247

Chúng tôi dẫn đầu hoạt động thanh toán nội địa trên thị trường qua hệ thống NAPAS với 156 triệu giao dịch Napas247 sau khi tăng hơn gấp đôi con số giao dịch trong năm 2020. Các giao dịch này chiếm 21,1% tổng số lượng giao dịch qua NAPAS trên thị trường Việt Nam.

Thử nghiệm nền tảng ngân hàng số doanh nghiệp

Techcombank đã thử nghiệm một nền tảng số cho các SME. Chúng tôi mong muốn giúp các doanh nghiệp này trở thành những nhà quản lý tài chính tốt hơn, bằng cách tái thiết và đơn giản hóa hoạt động giao dịch thường nhật. Nền tảng này mang tới tính di động, đơn giản và bảo mật:



Linh động,
mọi lúc mọi nơi



Đơn giản



Bảo mật

Khách hàng tiết kiệm thời gian vì không cần đến chi nhánh để giao dịch, thay vào đó người dùng có thể truy cập và quản lý tài chính trên máy tính hoặc thiết bị di động mọi lúc, mọi nơi. Các cập nhật và cơ hội được thông báo theo thời gian thực để khách hàng không bao giờ bỏ sót cơ hội.

- **Bảng điều khiển:** cung cấp cái nhìn chuyên sâu 360° của tất cả các hoạt động tài chính cốt lõi
- **Thanh toán liền mạch:** chuyển tiền nhanh chóng và dễ dàng mà không cần chọn đường dẫn thanh toán; hóa đơn điện nước và thanh toán thuế luôn có sẵn
- **Quét và thanh toán bằng mã QR** để thanh toán nhanh chóng, chỉ một lần chạm, an toàn và không tiếp xúc

Kiến trúc và thiết kế mới của chúng tôi tối ưu hóa hiệu suất cho mọi giao dịch, sử dụng xác thực sinh trắc học và cơ chế bảo mật đa yếu tố (UAF (FIDO)) để đảm bảo an toàn và yên tâm cho khách hàng. Các bản cập nhật thường xuyên được thông báo để hỗ trợ cho mọi mặt của hoạt động kinh doanh của khách hàng.

Thúc đẩy tăng trưởng CASA trong bối cảnh đại dịch

Dịch COVID-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề trên toàn thế giới, thay đổi cuộc sống hàng ngày và định hình lại hành vi của khách hàng cá nhân. Khi Chính phủ yêu cầu giãn cách nghiêm ngặt, chúng tôi vẫn tiếp tục thu hút khách hàng mới mở tài khoản thanh toán (CASA) thông qua các hành trình khách hàng 100% số hóa sử dụng giải pháp định danh điện tử eKYC, giúp khách hàng không cần tới chi nhánh để giao dịch.

Chúng tôi hợp tác với One Mount Group (1MG) - một

trong những hệ sinh thái công nghệ lớn nhất Việt Nam – nhằm tập trung thu hút khách hàng mới từ ứng dụng VinID và hệ sinh thái của 1MG. Ngoài ra, chúng tôi cũng đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị với các đối tác khác, các kênh xã hội và báo chí để tăng trưởng số lượng CASA mở mới.

CASA từ các khách hàng mới thông qua kênh số đã đạt hơn 462.000 tài khoản, chiếm 39,0% tổng số tài khoản mới vào năm 2021.

SỐ HOÁ

Văn phòng chuyển đổi số (DO)

68.000

Thẻ tín dụng
mở mới

đóng góp 29% vào tổng số
thẻ Ngân hàng đã phát hành

Mở thẻ tín dụng trực tuyến

Luôn luôn đi tiên phong trong hoạt động đổi mới ngành tài chính, chúng tôi là ngân hàng đầu tiên triển khai hành trình đăng ký và mở thẻ tín dụng trực tuyến giúp khách hàng có thể kích hoạt và sử dụng ngay sau khi đăng ký. Hành trình mở thẻ với trải nghiệm nhanh gọn, liền mạch và sử dụng ngay này đã chứng minh tính hiệu quả của cách tiếp cận lấy khách hàng làm trọng tâm của Techcombank.

Để có được hiệu ứng "lần đầu tiên" đáng kinh ngạc này, Ngân hàng đã tận dụng dữ liệu lớn và trí thông minh nhân tạo (AI) trong quy trình thẩm định tín dụng. Hệ thống Smart Credit của Techcombank – hệ thống thẩm định tín dụng cá nhân - được kết nối với nhiều nguồn dữ liệu nội bộ và với các đối tác bên ngoài để đưa ra các đánh giá thẩm định khách hàng chính xác hơn. Từ khả năng xử lý chỉ đạt khoảng 18.000 hồ sơ đăng ký tín dụng mỗi ngày, chúng tôi đã cán đích mới 80.000 hồ sơ một cách ngoạn mục sau khi áp dụng hệ thống mới.

Kết quả là, mặc dù thị trường thẻ tín dụng đang chứng kiến sự cạnh tranh khốc liệt, Techcombank đã phát hành mới khoảng 68.000 thẻ tín dụng trong 12 tháng qua kênh số, đóng góp 29,0% vào tổng số thẻ tín dụng Ngân hàng đã phát hành.

Tiết kiệm và đầu tư số

Khi đại dịch bùng phát gây trở ngại cho nhiều người trong hoạt động giao dịch ngân hàng tại chi nhánh và phòng giao dịch, tiết kiệm trực tuyến trở thành một lựa chọn thay thế tối ưu. Khách hàng thường thích quản lý tiền tiết kiệm và đầu tư tại cùng một chỗ, vì vậy chúng tôi đã tích hợp TCBS với ứng dụng Techcombank Mobile, để khách hàng có thể thực hiện cả hai chức năng một cách trơn tru, liền mạch.

Chúng tôi không ngừng hỗ trợ khách hàng xác định các cơ hội và tối đa hóa tài sản thông qua các tư vấn tiết kiệm và đầu tư, để khách hàng có thể đạt được các mục tiêu tài chính một cách dễ dàng.

- 295.765 khách hàng gửi tiền có kỳ hạn trực tuyến (chiếm 74,4% tổng số khách hàng gửi tiết kiệm)
- 70.938 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến tại cuối năm 2021 - con số này đã tăng từ 48,2% lên 51,3% tổng số dư tiền gửi có kỳ hạn của Ngân hàng trong một năm.

Khách hàng số
↑ 32,3%
trong năm 2021

76%
khách hàng gửi tiền
trực tuyến online

Giao dịch số
↑ 70,0%
đạt 652 triệu

Các trọng tâm của khối DO trong năm 2022

Trong năm 2022, chúng tôi sẽ nỗ lực hết mình để duy trì vị trí vững chắc của Techcombank trong lĩnh vực ngân hàng số bán lẻ. Chúng tôi sẽ tăng năng suất và giảm chi phí hoạt động bằng cách:

- Cung cấp một nền tảng số nhanh gọn, liền mạch và an toàn để tiếp cận khách hàng mới và đáp ứng các nhu cầu giao dịch hàng ngày của các khách hàng hiện hữu
- Tạo ra trải nghiệm thanh toán tích hợp và toàn diện hơn
- Cải tiến các công cụ quản lý tài chính cá nhân
- Mang lại trải nghiệm đầu tư tích hợp
- Nâng cao trải nghiệm giao dịch tài chính và tự phục vụ.

~71.000

Tỷ đồng

tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến
cuối 2021

SỐ HOÁ

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi hoạt động của Tech (IT)

Trong năm 2021, Techcombank tiếp tục điều chỉnh hệ thống CNTT nhằm hỗ trợ khách hàng và hoạt động của Ngân hàng trong thời gian dịch COVID-19 bùng phát. Chúng tôi đã đầu tư mạnh mẽ để cải thiện trải nghiệm số của khách hàng, đồng thời đảm bảo tính bảo mật và khả năng phục hồi dịch vụ trên toàn hệ thống hạ tầng công nghệ. Chúng tôi cũng đã thực hiện các bước để tự động hóa công việc của khối hỗ trợ và hiện đại hóa nơi làm việc - bao gồm chuyển đổi phương thức làm việc theo hướng linh hoạt (agile) hơn và hiệu quả được tạo ra thông qua ứng dụng các giải pháp quản lý năng suất và phối hợp trực tuyến.

Cơ sở hạ tầng

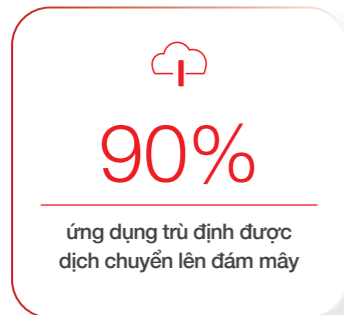
Tháng 9 2021, Techcombank công bố khoản khoản đầu tư 5 năm vào công nghệ điện toán đám mây. Hạ tầng đám mây được thiết kế nhằm:

1. Hỗ trợ chiến lược của Ngân hàng trong việc vận hành một nền tảng cơ sở hạ tầng tinh gọn để gia tăng tỷ suất sinh lợi của tài sản; mở rộng quy mô nhanh chóng để phục vụ khách hàng một cách đáng tin cậy; nhanh chóng đưa các sản phẩm dịch vụ có tính đột phá ra thị trường; đồng thời tận dụng các tính năng và sức mạnh do công nghệ điện toán đám mây cung cấp (bao gồm các tính năng đảm bảo kinh doanh liên tục và phục hồi sau thảm họa (BC/DR) như sao lưu, đồng bộ và dự phòng dữ liệu).
2. Xây dựng năng lực để quản lý, giám sát và hỗ trợ việc sử dụng các tài sản đám mây cho các sáng kiến chiến lược và sáng kiến kinh doanh (BAU) khác.

Tại thời điểm cuối năm 2021, Ngân hàng đã dịch chuyển thành công 90% ứng dụng trụ định lên đám mây mà không tạo ra thời gian chết và không ghi nhận sự cố nào sau khi đưa vào hoạt động. (Theo một nghiên cứu của Gartner, chi phí trung bình cho thời gian ngừng hoạt động của CNTT là 5.600 USD mỗi phút. Chúng tôi duy trì 99,96% thời gian hoạt động nhất quán cho các dịch vụ CNTT trong suốt năm 2021, tăng từ 99,94% từ năm 2020).

Hơn 1.000 nhân sự thuộc khối Công nghệ và khối Dữ liệu đã được bồi dưỡng kỹ năng thông qua các lớp đào tạo Amazon Web Services (AWS) và hơn 60 chứng chỉ AWS đã được cấp cho CBNV của Ngân hàng.

Khối Công nghệ đã bắt đầu khai thác lợi ích của chương trình chuyển đổi đám mây để tiết kiệm chi phí hoạt động, duy trì khả năng cạnh tranh với các sản phẩm dịch vụ mới, đồng thời mang lại trải nghiệm tích cực cho khách hàng và CBNV.



Phát triển CNTT

Chuyển đổi nơi làm việc - Triển khai Office 365

Đại dịch COVID-19 đã tạo ra một thời kỳ bất ổn và bấp bênh. Dường như chỉ trong một đêm, nhiều tổ chức đã buộc phải cấp tốc thay đổi chế độ làm việc của nhân viên từ trực tiếp sang làm việc từ xa và gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo các chức năng quan trọng của doanh nghiệp có thể tiếp tục vận hành không bị gián đoạn. Để

hỗ trợ chế độ làm việc kết hợp mới này, chúng tôi đã triển khai ứng dụng MS Office 365 - ứng dụng sử dụng các dịch vụ đám mây để mở rộng quy mô, quản lý và đo lường trải nghiệm của CBNV trong nhiều môi trường làm việc khác nhau; đồng thời đảm bảo CBNV có thể làm việc hiệu quả ngay từ ngày đầu gia nhập Ngân hàng.



Các lợi ích chính bao gồm:

- Hỗ trợ nhân viên làm việc mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị có kết nối internet mà vẫn duy trì tính bảo mật
- Tạo ra trải nghiệm làm việc liền mạch bằng cách đồng bộ hóa các công cụ liên lạc khác nhau trên một nền tảng đám mây duy nhất để người dùng có thể trò chuyện, gặp gỡ và chia sẻ tài liệu qua Teams (với dung lượng lưu trữ cá nhân lên đến 1TB)
- Tăng cường sự gắn kết thường xuyên của CBNV nhờ khả năng truy cập email, các tệp và chương trình Office phổ biến – như Word, PowerPoint, Excel... từ bất kỳ vị trí và thiết bị nào, với các bản cập nhật theo thời gian thực. Tất cả CBNV đều có thể sử dụng Outlook trên điện thoại di động cá nhân.

Khảo sát trải nghiệm người dùng năm 2021 của Techcombank cho thấy:

- gần 4,1 trên 5 nhân viên sử dụng MS Office 365
- 3,9 trên 5 người đã sử dụng MS Office 365 hài lòng với ứng dụng.

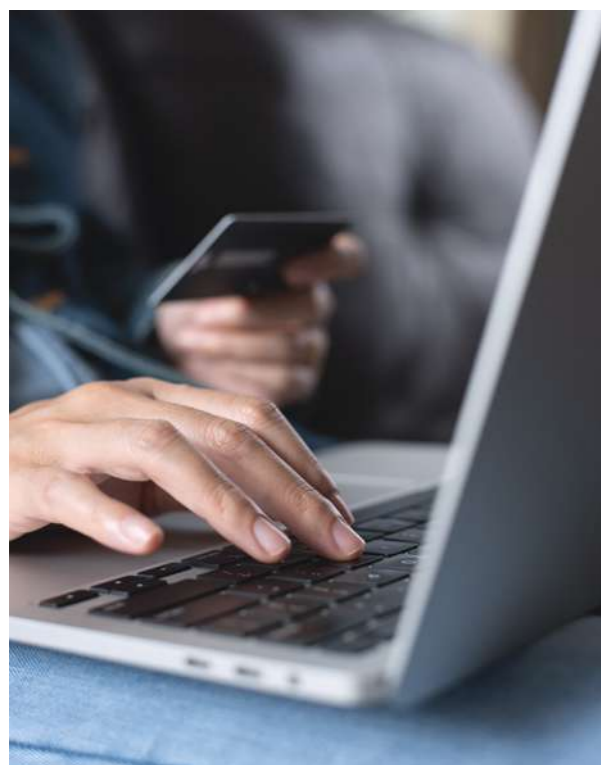
Khối Công nghệ sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các bộ phận khác để xác định và hiện thực hóa các chiến lược của Ngân hàng, từ đó trang bị và hỗ trợ toàn thể CBNV những công cụ cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường số và trong tương lai.

SỐ HOÁ

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi hoạt động của Tech

Chuyển đổi nơi làm việc - Thúc đẩy sáng kiến DevSecOps

Nhiều tổ chức đang chịu áp lực ngày càng tăng trong việc tạo ra các tính năng mang giá trị toàn diện hơn và các giải pháp mới nhằm cải thiện hiệu suất và độ tin cậy. Khối Công nghệ tin rằng DevSecOps (Phát triển - Bảo mật - Vận hành) là một phần không thể thiếu trong phương pháp làm việc agile bởi sáng kiến này giúp tăng khả năng phản ứng nhanh với các yêu cầu kinh doanh và giảm sự xung đột giữa các nhóm khác nhau khi tham gia vào việc tạo ra giá trị. Trong năm 2021, chúng tôi đã triển khai một sáng kiến chiến lược về DevSecOps nhằm tạo ra mối liên kết chặt chẽ hơn giữa phát triển, bảo mật, vận hành và các bên liên quan khác trong Ngân hàng. Chúng tôi hướng tới mục tiêu thúc đẩy các quy trình lặp có thời gian ngắn hơn, khả năng kiểm soát tốt hơn bằng cách áp dụng thông lệ tiên tiến nhất, tự động hóa và ứng dụng các công cụ mới.



Các lợi ích chính bao gồm:

- Đẩy nhanh quá trình tạo ra giá trị từ khâu phát triển đến khâu vận hành, qua đó tăng tốc độ đưa sản phẩm dịch vụ mới ra thị trường
- Tăng độ ổn định và độ tin cậy của hệ thống
- Cho phép thử nghiệm và đổi mới nhanh chóng (ví dụ: phát triển dựa trên giả thuyết và thử nghiệm A/B)
- Cải thiện khả năng đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi luôn thay đổi của khách hàng thông qua việc cho ra mắt các ứng dụng và dịch vụ thiết yếu một cách thường xuyên hơn
- Nâng cao sự hài lòng và giảm tình trạng quá tải trong công việc

Tiếp tục xây dựng năng lực – thông qua thành lập Trung tâm công nghệ miền Nam và triển khai chương trình quản trị viên tập sự

Ngân hàng đang đối mặt với cuộc cạnh tranh chưa từng có trong việc thu hút nhân tài công nghệ từ các tổ chức tài chính truyền thống cũng như các công ty công nghệ trong nước và quốc tế, các công ty tư vấn và các kỳ lân khởi nghiệp. Để mở rộng năng lực và khả năng công nghệ của Techcombank cho kế hoạch kinh doanh đầy tham vọng dựa trên công nghệ, chúng tôi cần khai thác nguồn nhân tài tại TP Hồ Chí Minh, nơi nổi tiếng với nguồn lao động CNTT chất lượng cao. Trung tâm Công nghệ miền Nam sẽ xây dựng năng lực triển khai ở quy mô lớn để đẩy nhanh việc thực hiện các sáng kiến chiến lược của Ngân hàng. Chúng tôi tin rằng đây sẽ là một mô hình tối ưu cho hoạt động phát triển phần mềm, phát triển hệ thống, kiểm thử và hỗ trợ; giúp Ngân hàng tiết giảm chi phí triển khai nhưng vẫn duy trì chất lượng dịch vụ cao. Tại ngày 31/12, chúng tôi đã có một đội ngũ ngày càng mở rộng gồm hơn 30 thành viên.

Bảo mật

Chúng tôi tiếp tục tăng cường công tác an ninh mạng bao gồm bảo mật đám mây, quản lý danh danh và truy cập, phân tích dữ liệu và các chỉ số, cũng như đánh giá bảo mật từ bên thứ ba. Một điểm tích cực là, so với năm 2020, tổng số vụ vi phạm an ninh và tấn công mạng đã giảm đáng kể tương ứng 40,3% và 59,0%. Đối với các vi phạm hệ thống, bộ phận bảo mật của chúng tôi đã phát hiện kịp thời các hành vi này, đảm bảo không làm gián đoạn hoạt động kinh Doanh và vận hành của Ngân hàng.

Chúng tôi hiện có chứng chỉ ISO/IEC 27000: 2013 về Quản lý an toàn thông tin cho Dịch vụ Ngân hàng lõi và Ngân hàng trực tuyến (có giá trị từ 29/10/2021 đến 28/10/2024) và chứng chỉ PCI DSS (Tiêu chuẩn Bảo mật Dữ liệu Ngành Thẻ Thanh toán) phiên bản 3.2.1 ở Cấp độ 1 (mức tuân thủ cao nhất).

Một phần quan trọng trong chiến lược an ninh của chúng tôi là đảm bảo CBNV trong toàn Ngân hàng luôn nhận thức được các vấn đề an ninh mạng và kịp thời báo cáo về các sự cố. Đầu năm 2022, chúng tôi đã chính thức giới thiệu Chương trình Khen thưởng An ninh Techcombank tới toàn thể nhân viên ngân hàng. Chương trình có tính khuyến khích này mang tới các phần thưởng bằng tiền cho những nhân viên phát hiện và báo cáo kịp thời các rủi ro an ninh. Giá trị khen thưởng dựa trên mức độ nghiêm trọng tiềm ẩn của mỗi sự cố.

Thành công của Khối CNTT Techcombank được ghi nhận qua các giải thưởng:

- Giải nhất (30 đội tham gia) cuộc thi Diễn tập phòng thủ không gian mạng – DF Cyber Defense do Trung tâm An ninh mạng Quốc gia tổ chức (tháng 12/2020)
- Giải 3 (40 đội tham gia) cuộc thi An toàn thông tin của Cục CNTT chào mừng kỷ niệm 70 năm ngành ngân hàng (tháng 2/2021).

- Tính đến ngày 31/12/2021, chúng tôi đã xây dựng được một đội ngũ ngày càng mở rộng gồm hơn 30 thành viên.
- Trung tâm Công nghệ miền Nam đang hỗ trợ triển khai bốn sáng kiến chiến lược và kinh doanh (BAU), bao gồm sáng kiến Triển khai chiến lược chuyển đổi lên điện toán đám mây, sáng kiến Xây dựng bể dữ liệu (Data lake), sáng kiến Xây dựng năng lực công nghệ, và sáng kiến Tự động hóa quy trình xuất hóa đơn.
- Chúng tôi kỳ vọng sẽ tuyển thêm 300 nhân sự mới trong năm 2022.

Techcombank sẽ luôn cần những nhà lãnh đạo và chuyên gia có chất lượng. Chúng tôi tin rằng một chương trình quản trị viên tập sự sẽ giúp đáp ứng yêu cầu nâng cao tinh thần làm việc cũng như nhu cầu về lớp nhân sự kế cận. Chương trình quản trị viên tập sự của Techcombank (mang tên TCB Future Gen in Tech and Data - Thế hệ tương lai TCB trong lĩnh vực Công nghệ và Dữ liệu) hướng tới mục tiêu thu hút những sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường đại học hàng đầu ở Việt Nam và nước ngoài, hoặc những người mới bắt đầu lập nghiệp muốn tham gia vào ngành dịch vụ tài chính và sẵn sàng khai phá tiềm năng cá nhân. Các quản trị viên tập sự sẽ từng bước phát triển các năng lực chuyên môn và năng lực lãnh đạo và kỹ năng thông qua một chương trình đào tạo liên tục và tăng cường, với cả hình thức đào tạo trên lớp và đào tạo thông qua công việc.

- Chúng tôi đã nhận được khoảng 650 hồ sơ của sinh viên các trường đại học hàng đầu, bao gồm Đại học Bách Khoa Hà Nội, Đại học Kỹ thuật và Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học FPT, RMIT, Đại học Melbourne, Đại học Twente và Đại học Exeter.
- Chúng tôi có một quy trình tuyển chọn nghiêm ngặt, với sự tham gia của Giám đốc khối CNTT (CIO) và các quản lý cấp cao của khối trong các buổi phỏng vấn, đánh giá cuối cùng.
- Chương trình tăng cường kéo dài 18 tháng với ba giai đoạn luân chuyển công tác chính thông qua các dự án CNTT quan trọng và các nhiệm vụ ở cả vai trò nhân viên và vai trò lãnh đạo.
- Chúng tôi đã tuyển dụng được 07 quản trị viên tập sự đầu tiên trong Chương trình.

SỐ HOÁ

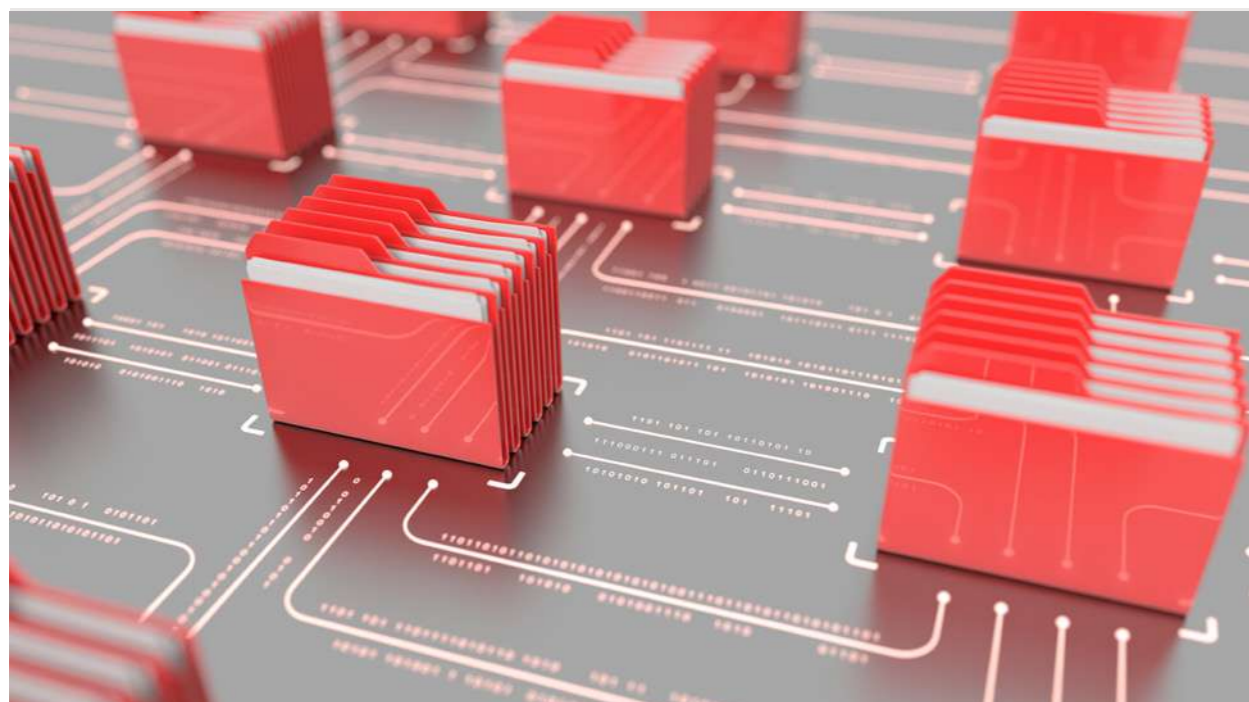
Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong mọi hoạt động của Tech

Các thành tựu và sáng kiến khác trong năm 2021

Quản trị rủi ro

Khối CNTT luôn nỗ lực để cải thiện các công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng:

- Là một phần của phương pháp tiếp cận toàn diện, tất cả các rủi ro/vấn đề, bao gồm cả việc thực hiện dự án và rủi ro hoạt động CNTT đều được báo cáo trên Jira. Chủ sở hữu là các cán bộ cấp cao (N-1 trong hệ thống Techcombank) có toàn bộ trách nhiệm giải trình. Các rủi ro/vấn đề được quản lý tập trung và liên kết với các công tác khắc phục.
- Chúng tôi đã xây dựng một bảng điều khiển trực quan để nhóm lãnh đạo và các nhóm dự án có thể dễ dàng nắm bắt trạng thái của các rủi ro và nhiệm vụ mọi lúc, mọi nơi.
- Chúng tôi đã thiết lập thông báo thời gian thực về các tình huống rủi ro bằng cách tự động gửi báo động/cảnh báo và theo dõi thời hạn giải quyết rủi ro. Người dùng có thể cập nhật trạng thái của các hành động khắc phục ngay lập tức kèm theo bằng chứng về việc khắc phục.
- Chúng tôi có các buổi đánh giá rủi ro công nghệ hàng tháng với ban lãnh đạo cấp cao của khối Công nghệ
- Khối Công nghệ cũng đã tăng cường khả năng tự xác định rủi ro. Rủi ro ghi nhận bởi các bên khác đã giảm thiểu.



Quản lý thay đổi

Chúng tôi đã củng cố cơ chế Hội đồng phê duyệt thiết kế (DAB) để đảm bảo các giải pháp thiết kế công nghệ đều tuân thủ những tiêu chuẩn, hướng dẫn về kiến trúc cũng như dựa trên những thực tiễn tốt nhất về kiến trúc giải pháp và kiến trúc tích hợp; đồng thời các quy trình được nhất quán và đồng bộ trên quy mô toàn cảnh kiến trúc doanh nghiệp mục tiêu của Ngân hàng. Tới thời điểm hiện tại:

- Tất cả thiết kế của các dự án và công việc cần trên 80 giờ làm việc, từ phân tích chi tiết đến triển khai, phải được Hội đồng DAB phê duyệt sau khi các tài liệu đã được các kiến trúc sư doanh nghiệp rà soát cẩn thận
- Các thiết kế tổng thể và thiết kế chi tiết cần được phê duyệt theo kế hoạch của dự án.

Có 112 phiên xét duyệt (DAB) đã được tiến hành trong năm 2021. Tỷ lệ các dự án được Hội đồng DAB phê duyệt thiết kế ngay từ lần đầu tiên (bao gồm cả các phê duyệt có điều kiện) đạt 75%.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng đồng thời cải tiến cơ chế Hội đồng Chấp thuận Thay đổi (CAB). Hiện tại, chúng tôi đang:

- Thiết lập và xây dựng bảng điều khiển trực quan về những thay đổi của các đơn vị và bộ phận kinh doanh cũng như các sự cố và tỷ lệ thành công. Tất cả được đồng bộ với các kế hoạch triển khai cho các sáng kiến chiến lược vận hành như thường lệ, các dự án CNTT và các hoạt động cải tiến hệ thống CNTT khác, cùng với bảng điều khiển rủi ro dự án và bảng điều khiển rủi ro hoạt động của CNTT, qua đó, cung cấp một cái nhìn toàn diện về rủi ro và tác động của các rủi ro này lên các dịch vụ và hệ thống hiện tại
- Ghi nhận kết quả thực hiện thực tế; xác định nguyên nhân gốc rễ và đề xuất giải pháp cho từng vấn đề/sự cố do các thay đổi gây ra
- Lưu trữ các bài học kinh nghiệm, tạo ra một nền tảng kiến thức CNTT toàn diện về các thay đổi.

Các trọng tâm của khối IT trong năm 2022

Trọng tâm chung của Khối Công nghệ là giúp Ngân hàng xây dựng hệ thống CNTT đơn giản hơn, hiệu quả hơn, được quản lý tốt hơn. Chúng tôi muốn điều chỉnh và nâng cấp, phát triển một cách chiến lược và chuẩn bị cho tương lai. Các công việc cụ thể chúng tôi sẽ triển khai:

- Tiếp tục hoàn thiện quá trình chuyển đổi lên đám mây, hiện đại hóa nơi làm việc (với MS Office 365) và xây dựng năng lực thông qua việc thành lập Trung tâm Công nghệ miền Nam và triển khai chương trình Thế hệ tương lai TCB trong lĩnh vực Công nghệ và Dữ liệu
- Hoàn thành các dự án sau:
 - Hiện đại hóa các dịch vụ quản lý thẻ, quản lý quy trình kinh doanh và ngân hàng lõi
 - Hiện đại hóa mạng diện rộng sử dụng công nghệ mạng diện rộng điều khiển bằng phần mềm (SDWAN).
 - Hiện đại hóa hệ thống dịch vụ doanh nghiệp (EBS)
- Định hình lại mô hình hoạt động CNTT hiện tại thông qua chuyển đổi đám mây và hiện đại hóa CNTT (Áp dụng đám mây, ngân hàng lõi, thẻ và quy trình kinh doanh khác)

NHÂN TÀI (HR)

Điểm nhấn 2021

Tất cả thành tựu bước đầu kể trên trong việc chuyển đổi số hóa, dữ liệu đạt được và có được duy trì, tăng tốc hay không là phụ thuộc vào việc thu hút và giữ chân nhân tài. Chính vì lí do đó nhân tài có thể nói là trụ cột quan trọng nhất trong ba trụ cột của chiến lược 5 năm tại Techcombank. Năm 2021 vừa qua, chúng tôi đã đạt được những bước tiến đáng ngưỡng mộ trong việc thu hút, phát triển và giữ chân đội ngũ cán bộ - nhân viên trình độ cao.

Định vị giá trị cán bộ nhân viên

Techcombank đã xuất sắc xây dựng và thực thi Định vị Giá trị khách hàng (CVP). Nhằm mục tiêu thu hút những nhân tài giỏi nhất trên thị trường, Định vị Giá trị Cán bộ nhân viên (EVP) của Techcombank được triển khai với mục tiêu khơi dậy “Bản lĩnh Vượt trội” của mỗi CBNV trong hành trình xây dựng và phát triển sự nghiệp tại Techcombank. Thông qua EVP hấp dẫn dành cho mỗi Techcomers, tổ chức cam kết sẽ mang đến cho toàn bộ CBNV những trải nghiệm tốt nhất thông qua các offering thuộc 4 trụ cột EVP là Văn hóa và Môi trường làm việc, Hiệu suất công việc, Ghi nhận và Tưởng thưởng, Đào tạo và Phát triển.

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về phân khúc, Techcombank sẽ tiếp tục tạo ra những offering, giá trị tốt nhất dành cho lực lượng lao động, những con người luôn gắn bó và tận tâm với tổ chức, theo đó sẽ giúp Techcombank tiếp tục giữ vị thế là “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”.

Ra mắt HRConnect

Nền tảng HRConnect số hoá quy trình nhân sự của tất cả các cán bộ - nhân viên, có giao diện dễ sử dụng, hiện đại và trực quan, cũng như đồng nhất quá trình quản lý dữ liệu nhân sự. Chúng tôi đang ngày càng “Lắng nghe, thấu hiểu và Hành động” tốt hơn, củng cố vai trò chiến lược của thông tin nhân sự trong việc thúc đẩy kết quả kinh doanh. Nền tảng HRConnect bao gồm ba phân hệ như sau:

- HR lõi (core HR) – đã đi vào hoạt động năm 2021
- Hệ thống quản lý đào tạo (LMS) – đã đi vào hoạt động năm 2021
- Bảng lương – sẽ ra mắt năm 2022.

Chúng tôi chỉ mất 8 tháng để cho ra đời hệ thống LMS và Core HR, cùng với phần mềm hoạch định doanh nghiệp SAP, nhằm mục đích nâng tầm trải nghiệm của cán bộ - nhân viên. Khoảng 6.000 nhân viên đã tham dự các khoá đào tạo trực tuyến – bao gồm 1.000 nhân viên cấp quản lý – với mức độ hài lòng lên đến 90%. Trong thời gian một tháng từ lúc triển khai hệ thống này, chúng tôi đã thực hiện một khảo sát nhanh từ ngày 18 đến 26/11/2021 nhằm tìm hiểu mức độ hài lòng của nhân viên với HRConnect. Tỷ lệ này đạt mức 78%.

Bộ khung “Kiến trúc công việc” (Job Architecture)

Techcombank đang triển khai áp dụng Khung Kiến trúc công việc với lộ trình nghề nghiệp rõ ràng và minh bạch, các cấp độ công việc được chuẩn hóa với yêu cầu về năng lực và kỹ năng cụ thể để hỗ trợ CBNV hiểu rõ lộ trình phát triển sự nghiệp tại Techcombank. Đây là bước

đầu tiên trong hành trình chuyển đổi Nhân sự, với trọng tâm chuẩn hóa các chính sách, quy định và tiến tới hệ thống hóa các quy trình, tối ưu hóa các hoạt động nhân sự hướng tới trải nghiệm tuyệt vời dành cho mỗi CBNV.

Lương thưởng và đãi ngộ

Nhằm duy trì tỷ lệ kỳ vọng trong tuyển dụng và giữ chân nhân tài, Techcombank tiếp tục đưa ra các chế độ lương thưởng cạnh tranh. Với mục tiêu này, chúng tôi tập trung nỗ lực cải thiện các gói lương thưởng cho

nhóm lực lượng bán (Sales, frontline), thực hiện so sánh với thị trường tham chiếu để điều chỉnh phù hợp cơ cấu chi trả theo nhóm họ công việc, đồng thời cải thiện các chương trình thưởng dài hạn cho CBNV

Lộ trình đào tạo tùy theo vị trí công tác

Chúng tôi tự hào đã hoàn tất thiết kế lộ trình học tập cho 104 vị trí, lấy khung năng lực làm và phương pháp đánh giá năng lực làm cơ sở xây dựng – thông qua hai sáng kiến chiến lược (HRB5 và WBS1), gồm:

- **Nhóm vị trí IT:** Lập trình viên (Frontend, Backend), Kiến trúc sư giải pháp, Kiểm thử, các vị trí kỹ sư, chuyên viên phân tích nghiệp vụ, An ninh thông tin, Kỹ sư Điện toán đám mây
- **Nhóm vị trí Dữ liệu:** Kỹ sư dữ liệu, Kiến trúc sư Dữ liệu, Phân tích Dữ liệu kinh doanh (BI), Chuyên viên Phân tích dữ liệu, Kỹ sư Khoa học dữ liệu
- **Đội ngũ tư vấn và phát triển kinh doanh** (Frontline) tại các Khối Bán lẻ, Khối Ngân hàng Doanh nghiệp (BB), Khối Ngân hàng Bán buôn (WB)

NHÂN TÀI (HR)

Chương trình đào tạo phát triển năng lực lãnh đạo

Techcombank đã thiết kế các Chương trình Phát triển Năng lực Lãnh đạo dựa trên 5 cấp độ năng lực lãnh đạo – Làm chủ bản thân; Dẫn dắt người khác, Dẫn dắt quản lý, Dẫn dắt đơn vị và Dẫn dắt tổ chức

Chương trình “Thay đổi Tư Duy” (Changing Mindset) được phát triển dựa trên mô hình Franklin Convey – “Bảy thói quen hiệu quả” nhằm phát triển năng lực lãnh đạo ở cấp độ Làm chủ bản thân; Dẫn dắt người khác, Dẫn dắt quản lý. Chương trình "Techcom Managers" được thiết kế để phát triển cấp độ Dẫn dắt người khác.

Trong năm 2022, chúng tôi sẽ tiếp tục triển khai các chương trình:

- "TechcomLeader" dành cho cấp độ Dẫn dắt quản lý
- "Future Leaders Program" dành cho cấp độ Dẫn dắt đơn vị
- "TechcomHero" dành cho cấp độ Dẫn dắt tổ chức

Hoạt động tuyển dụng

Chúng tôi tiếp tục duy trì trọng tâm tuyển dụng cho các nhóm vị trí IT, Dữ liệu và Đội ngũ tư vấn và phát triển kinh doanh (Frontline)

IT và dữ liệu

- Tổ chức các hội thảo nghề nghiệp với sự tham gia của các lãnh đạo trong ngành, giới thiệu các cơ hội nghề nghiệp hấp dẫn tại Techcombank, đặc biệt là trong lĩnh vực IT, dữ liệu và quản lý dự án
- Chương trình tuyển dụng nhân tài trẻ bao gồm:
 - Tuyển dụng tại trường đại học
 - Cuộc thi Hackathon
 - Chương trình thực tập mảng dữ liệu
 - Chương trình Quản trị viên tập sự - Techcombank Future Gen

Đội ngũ tư vấn và phát triển kinh doanh (Frontline)

Chương trình tuyển dụng nhân tài trẻ bao gồm:

- Ký Biên bản ghi nhớ với các trường đại học lớn, cụ thể là các khoa tài chính-ngân hàng, nhằm thu hút các sinh viên tiềm năng
- Triển khai chương trình đào tạo PRM và SRBO, nhằm tuyển dụng các tân cử nhân xuất sắc từ những trường đại học hàng đầu Việt Nam cho các vị trí sales, frontline của ngân hàng của Ngân hàng

Kết quả Gắn kết nhân viên (EES), 2021: Rất đáng khích lệ

Khảo sát EES được thực hiện 2 năm một lần, và kết quả năm 2021 của Techcombank đã có sự cải thiện rõ rệt, đưa chúng tôi vào top 6% công ty có chỉ số cao nhất về Hiệu quả Nhân viên và top 12% về Mức độ Gắn kết và Thúc đẩy trong khu vực Đông Nam Á.

Kết quả cộng hưởng này là minh chứng mạnh mẽ cho định hướng đúng đắn mà chúng tôi đang theo đuổi, cho nền tảng văn hóa vững chắc mà chúng tôi đang xây dựng, và cho những cá nhân giàu năng lực và có khả năng tương tác cao - những con người cùng chung chí hướng và đang làm những điều đúng đắn hàng ngày cho khách hàng của Techcombank.

95%

Người “hiểu rõ về các giá trị cốt lõi của Techcombank”

94%

cho biết “giá trị cốt lõi của Techcombank gắn chặt với giá trị cá nhân của họ”

93%

Người “cảm thấy tự hào khi được làm việc cho Techcombank”

91%

Người sẽ “giới thiệu Techcombank là một nơi tốt để làm việc”

91%

người được khảo sát cảm thấy rằng công việc họ đang làm “mang tới cơ hội trải nghiệm công việc đầy thử thách và thú vị” và “công việc này tận dụng tốt các kỹ năng và khả năng của bản thân”

Ở chiều ngược lại Lãnh đạo ngân hàng cũng nhận thấy chỉ có 78% số người tham gia khảo sát hài lòng với lương thưởng. Đây là sẽ là một lĩnh vực mà Ngân hàng sẽ tập trung tìm hiểu, cải thiện nhằm nâng cao hơn nữa mức độ hài lòng, gắn kết của nhân viên

NHÂN TÀI (HR)

Kết quả Gắn kết nhân viên (EES), 2021: Rất đáng khích lệ



Các trọng tâm của khối HR trong năm 2022

Trong năm 2022, chúng tôi tiếp tục thúc đẩy tinh thần văn hóa tổ chức mạnh mẽ trong toàn hệ thống. Điều này sẽ giúp hỗ trợ, tiếp thêm sức mạnh cho hành trình chuyển đổi Nhân sự thông qua công nghệ, tuyển dụng và đào tạo để giữ chân những tài năng tốt nhất và giỏi nhất trên thị trường, cho mục tiêu hiện tại và tương lai của tổ chức.

Tự động hoá các quy trình

1

Chuyển hệ thống trả lương thủ công sang hệ thống hoàn toàn tự động thông qua phân hệ (module) bảng lương, đảm bảo dữ liệu có tính tập trung cao, thể hiện thông tin chính xác và nhanh nhạy

2

Phân hệ quản lý hiệu quả công việc nhằm theo dõi và quản trị trọn chu kỳ đánh giá hiệu quả công việc gồm xây dựng mục tiêu, đánh giá kết quả KRA/KPI/OKR, phản hồi và coaching liên tục

3

Phân hệ đãi ngộ nhằm xây dựng hệ thống lương thưởng đãi ngộ theo hiệu quả công việc

Giúp cán bộ - nhân viên nâng cao năng lực

- Triển khai các chương trình đào tạo dựa trên lộ trình đã được đề ra năm 2021
- Mở rộng lộ trình học tập cho các vị trí khác
- Đẩy mạnh chương trình đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo trong toàn hàng
- Xây dựng các phân khúc cán bộ nhân viên tiềm năng và triển khai các chương trình đào tạo phù hợp

Xây dựng và hoàn thiện phương pháp tiếp cận

- Xây dựng đội ngũ kế cận để xác định nhóm lãnh đạo tương lai và xây dựng năng lực lãnh đạo nội tại
- Thực hiện nghiên cứu sâu hơn, tham chiếu và triển khai áp dụng những thông lệ tốt nhất trên thị trường để xây dựng chiến lược lương thưởng, đãi ngộ hấp dẫn

Hơn

12.500

nhân viên trong toàn hệ thống cuối năm 2021

836.456

số giờ đào tạo trực tuyến

Top

6%

công ty có chỉ số cao nhất về Hiệu quả Nhân viên trong khu vực Asean, theo khảo sát của Korn Ferry

93%

nhân viên cảm thấy "tự hào khi làm việc tại Techcombank"

06

THÀNH CÔNG NỔ TIẾP CỦA TECH

- Thông tin chung
- Báo cáo của Ban Lãnh đạo
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



THÔNG TIN CHUNG

Ngân hàng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 3 năm 2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2021. Thời gian hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác; đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Nguyễn Thiều Quang	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Anh Ngọc	Phó Chủ tịch (từ ngày 24 tháng 4 năm 2021)
Ông Lee Boon Huat	Thành viên
Ông Saurabh Narayan Agarwal	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Huy Trung	Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Thành viên chuyên trách
Bà Bùi Thị Hồng Mai	Thành viên chuyên trách
Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes	Thành viên

Ban Lãnh đạo

Các thành viên Ban Lãnh đạo của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Jens Lottner	Tổng Giám đốc
Ông Phùng Quang Hưng	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (từ ngày 11 tháng 1 năm 2022)
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản trị Ngân hàng
Ông Phan Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng Giao dịch toàn cầu kiêm Giám đốc Chuyển đổi
Ông Kalyanaraman Sivaramakrishnan	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 1 năm 2021) kiêm Giám đốc Khối Quản trị rủi ro
Ông Alexandre Charles Emmanuel Macaire	Giám đốc Tài chính Tập đoàn (từ ngày 11 tháng 1 năm 2022)
Ông Trịnh Bằng	Giám đốc Tài chính Tập đoàn (đến ngày 10 tháng 1 năm 2022) kiêm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng (đến ngày 21 tháng 1 năm 2022)
Bà Phan Thị Thanh Bình	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn
Ông Darren Neale Buckley	Giám đốc Khối Ngân hàng Bán lẻ (từ ngày 8 tháng 8 năm 2021)
Ông Vishal Shah	Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp (đến ngày 10 tháng 1 năm 2022)
Bà Đặng Mỹ Quyên	Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc Khối Công nghệ
Ông Chu Hồng Ngọc	Giám đốc Khối Vận hành
Bà Thái Minh Diễm Tú	Giám đốc Khối Tiếp thị
Ông Santhosh Mahendiran	Giám đốc Khối Dữ liệu và Phân tích
Ông Kyle Timothy Justin	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi
Ông Pranav Seth	Giám đốc Văn phòng Chuyển đổi Ngân hàng số (từ ngày 13 tháng 1 năm 2021)

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Hồ Hùng Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Jens Lottner được ủy quyền ký kết các giấy tờ và tài liệu liên quan đến hoạt động điều hành Ngân hàng, trong đó có báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định số 0058/2020/UQ-CT HĐQT ngày 6 tháng 2 năm 2020.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của ban lãnh đạo đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Ngân hàng cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Lãnh đạo Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Công bố của Ban Lãnh đạo

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Lãnh đạo:

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60899747/22649348-HN

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con, được lập ngày 21 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 84, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Ngân hàng

Ban Lãnh đạo Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

B02/TCTD-HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng	5	3.578.643	3.663.615
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	4.908.529	10.253.324
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	70.515.258	28.994.954
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác	7.1	39.450.727	21.112.630
Cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	7.2	31.064.531	7.882.324
Chứng khoán kinh doanh	8	5.070.812	8.347.576
Chứng khoán kinh doanh		5.074.479	8.357.447
Dự phòng chứng khoán kinh doanh		(3.667)	(9.871)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	19	293.768	-
Cho vay khách hàng		343.605.581	275.310.367
Cho vay khách hàng	9	347.341.244	277.524.615
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(3.735.663)	(2.214.248)
Hoạt động mua nợ	11	133.418	-
Mua nợ		136.108	1.682
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(2.690)	(1.682)
Chứng khoán đầu tư	12	97.586.088	84.447.241
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.1	98.092.062	84.632.952
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	12.2	200.000	200.000
Dự phòng chứng khoán đầu tư	12.3	(705.974)	(385.711)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	12.813	11.806
Đầu tư dài hạn khác		13.962	12.466
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn		(1.149)	(660)
Tài sản cố định	14	7.224.481	4.613.423
Tài sản cố định hữu hình	14.1	3.628.732	1.470.942
Nguyên giá tài sản cố định		4.824.092	2.416.349
Khấu hao tài sản cố định		(1.195.360)	(945.407)

	Thuyết minh	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tài sản cố định vô hình	14.2	3.595.749	3.142.481
Nguyên giá tài sản cố định		4.541.141	3.923.203
Hao mòn tài sản cố định		(945.392)	(780.722)
Bất động sản đầu tư	15	1.088.924	1.124.724
Nguyên giá bất động sản đầu tư		1.435.699	1.435.699
Khấu hao bất động sản đầu tư		(346.775)	(310.975)
Tài sản có khác	16	34.710.635	22.835.903
Các khoản phải thu		28.117.180	16.572.411
Các khoản lãi, phí phải thu		5.807.801	5.184.822
Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		17.460	-
Tài sản có khác		1.448.617	1.268.562
Các khoản dự phòng cho các tài sản có nội bảng khác		(680.423)	(189.892)
TỔNG TÀI SẢN		568.728.950	439.602.933
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ		842	-
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	17	112.458.691	47.484.812
Tiền gửi các tổ chức tài chính, các TCTD khác	17.1	45.606.142	21.232.089
Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	17.2	66.852.549	26.252.723
Tiền gửi của khách hàng	18	314.752.525	277.458.651
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	19	-	266.926
Phát hành giấy tờ có giá	20	33.679.824	27.899.640
Các khoản nợ khác	21	14.795.596	11.878.118
Các khoản lãi, phí phải trả		3.121.881	3.252.009
Các khoản phải trả và công nợ khác		11.673.715	8.626.109
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		475.687.478	364.988.147
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		35.585.622	35.525.569
Vốn điều lệ		35.109.148	35.049.062
Thặng dư vốn cổ phần		476.474	476.507
Các quỹ		9.155.896	6.789.643
Lợi nhuận chưa phân phối		47.453.056	31.815.808
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		846.898	483.766
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	23	93.041.472	74.614.786
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		568.728.950	439.602.933

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

B02/TCTD-HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết khác		
Bảo lãnh vay vốn	56.682	34.868
Cam kết giao dịch hối đoái	279.342.444	185.950.560
- Cam kết mua ngoại tệ giao ngay	1.147.456	1.605.493
- Cam kết bán ngoại tệ giao ngay	3.155.974	3.004.364
- Cam kết mua - giao dịch hoán đổi tiền tệ	137.419.741	90.498.304
- Cam kết bán - giao dịch hoán đổi tiền tệ	137.619.273	90.842.399
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C)	47.054.297	30.880.187
Bảo lãnh khác	30.068.017	21.121.837
Các cam kết khác	358.478.746	302.318.864
- Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng ngoại tệ	43.139.850	59.869.362
- Cam kết hoán đổi tiền tệ chéo bằng VND	43.642.094	60.198.065
- Cam kết hoán đổi lãi suất bằng ngoại tệ	12.424.688	9.994.922
- Cam kết hoán đổi lãi suất bằng VND	781.540	-
- Cam kết kỳ hạn giấy tờ có giá	13.359.572	15.802.168
- Hạn mức tín dụng chưa sử dụng	244.944.122	155.200.484
- Cam kết khác	186.880	1.253.863
	715.000.186	540.306.316

Người lập

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt



Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

B03/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	35.503.251	29.001.912
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(8.804.638)	(10.250.703)
Thu nhập lãi thuần		26.698.613	18.751.209
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		8.239.494	6.048.443
Chi phí hoạt động dịch vụ		(1.857.254)	(1.523.503)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	26	6.382.240	4.524.940
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	231.416	745
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	152.305	321.397
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	1.804.408	1.496.997
Thu nhập từ hoạt động khác		4.343.731	5.460.013
Chi phí hoạt động khác		(2.540.485)	(3.180.804)
Lãi thuần từ hoạt động khác	30	1.803.246	2.279.209
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	4.063	4.191
Tổng thu nhập hoạt động		37.076.291	27.378.688
Chi phí hoạt động	32	(11.173.395)	(8.967.357)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		25.902.896	18.411.331
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	33	(2.664.603)	(2.611.035)
Tổng lợi nhuận trước thuế		23.238.293	15.800.296
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.1	(4.840.371)	(3.217.829)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		17.460	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(4.822.911)	(3.217.829)
Lợi nhuận sau thuế		18.415.382	12.582.467
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(363.132)	(257.476)
Lợi nhuận thuần của cổ đông của Ngân hàng		18.052.250	12.324.991
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	34	5.137	3.515
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	34	(*)	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

Người lập

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt



Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

B04/TCTD-HN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Thuyết minh	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		35.224.259	28.933.307
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(9.042.851)	(10.155.492)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		5.958.416	4.476.471
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ và chứng khoán)		2.502.188	1.897.196
Thu nhập khác		816.228	1.190.483
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	1.121.235	1.259.653
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(8.687.948)	(7.088.434)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	22.1	(4.829.911)	(2.881.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		23.061.616	17.631.283
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác		(23.454.273)	1.401.381
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(10.804.075)	(16.005.291)
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(293.768)	-
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(69.816.629)	(46.722.588)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	10	(626.647)	(3.363.570)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(15.607.626)	(6.261.043)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác		64.973.879	(13.781.823)
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		37.294.716	46.161.890
Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		5.780.184	10.596.719
Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(266.926)	(167.082)
Tăng khác về công nợ hoạt động		2.598.519	422.272
Chi từ các quỹ	23.1	(10.749)	(615)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		12.828.221	(10.088.467)

	Thuyết minh	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(939.995)	(665.860)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		57.506	6.837
Tiền chi thanh lý tài sản cố định		-	(559)
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(1.497)	-
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		4.043	4.191
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(879.943)	(655.391)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn cổ phần từ phát hành cổ phiếu		60.053	47.602
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	(157.713)
Tiền thu được từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát		-	651
Cổ tức trả cho cổ đông không kiểm soát		-	(65.086)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		60.053	(174.546)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		12.008.331	(10.918.404)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		35.595.899	46.514.303
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	35	47.604.230	35.595.899

Người lập

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022

Người phê duyệt

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B05/TCTD-HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Thông tin chung

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0038/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp ngày 6 tháng 3 năm 2018 (cấp đổi lại cho Giấy phép hoạt động số 0040/NH-GP cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993) và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 12 năm 2021. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày 6 tháng 8 năm 1993.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác; đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 35.109.147.980.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 35.049.062.300.000 đồng).

Mạng lưới hoạt động

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm linh bảy (307) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Mạng lưới hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương	72/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4/11/2020	Các hoạt động chứng khoán	88,94843%
2	Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0102786255 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008, thay đổi lần thứ 23 ngày 19/10/2021	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100% B02/TCTD-HN
3	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương	57/GP-UBCK cấp ngày 30/1/2019 và giấy phép điều chỉnh số 33/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5/6/2019	Quản lý Quỹ	88,99956%

Thành lập và hoạt động

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.506 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 11.802 người).

2. Kỳ kế toán năm và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Ngân hàng là đồng Việt Nam (“VND”) và được làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Lãnh đạo Ngân hàng cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

3.3 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Ngân hàng thoái vốn đầu tư vào công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát, Ngân hàng chỉ hợp nhất kết quả kinh doanh từ đầu năm đến thời điểm thoái vốn mà không hợp nhất toàn bộ tài sản thuần của công ty con. Ngoài ra, trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Ngân hàng điều chỉnh ảnh hưởng gián tiếp của các giao dịch bán công ty con đến các luồng tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty con và Ngân hàng, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.4 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Lãnh đạo phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, ngoại trừ:

Thông tư số 03/2021/TT-NHNN (“Thông tư 03”) và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN (“Thông tư 14”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 (“Thông tư 01”) của Thống đốc NHNN quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch COVID-19

NHNN ban hành Thông tư 03 ngày 2 tháng 4 năm 2021 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông tư 14 ngày 7 tháng 9 năm 2021 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 7 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 với các thay đổi chính bao gồm:

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện của các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ;
- Bổ sung quy định về việc trích lập dự phòng cụ thể và dự phòng bổ sung đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư này.

Thông tư số 11/2021/TT-NHNN quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”)

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2021, NHNN ban hành Thông tư 11 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 thay thế cho Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 1 năm 2013 và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 3 năm 2014 với các thay đổi chính bao gồm:

- Sửa đổi quy định về thời điểm, trình tự phân loại, trích lập dự phòng rủi ro, theo đó, ít nhất mỗi tháng một lần, trong vòng bảy (7) ngày đầu tiên của tháng, TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cần thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro đến thời điểm cuối ngày cuối cùng của tháng trước liền kề, đồng thời căn cứ kết quả điều chỉnh nhóm nợ của khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“CIC”) cung cấp để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ và dự phòng tương ứng;
- Sửa đổi một số quy định về cách xác định giá trị tài sản bảo đảm để tính khấu trừ khi trích lập dự phòng rủi ro;
- Bổ sung các khoản không phải trích lập dự phòng chung, bao gồm các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác trong nước phát hành và các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Ngân hàng áp dụng phi hồi tố các thay đổi của Thông tư 11.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

4.3 Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác

Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 11. Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro tín dụng cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) tại TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.6.

4.4 Chứng khoán kinh doanh

4.4.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

4.4.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập dựa trên quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính (“Thông tư 48”) được mô tả trong Thuyết minh 4.7.3.

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tuân thủ theo Thông tư 11 được mô tả tại Thuyết minh 4.6.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.4.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.5 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc tại ngày kết thúc năm tài chính trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành

Ngân hàng áp dụng phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 Thông tư 11 trong việc phân loại nợ đối với các tài sản có sau: các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (gọi chung là “các khoản nợ”).

Theo Thông tư 11, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ ngoại trừ các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn; các khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu; chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước; các khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 11.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (tiếp theo)

Việc phân loại nợ và tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn (a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý (a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn (a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%

Nhóm nợ	Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ (a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn (a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài do khách hàng vi phạm thỏa thuận với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là TCTD đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 13 tháng 3 năm 2020, Ngân hàng đã áp dụng Thông tư 01 do NHNN ban hành quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch COVID-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.6 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết; cho vay khách hàng; ủy thác cấp tín dụng; mua, bán nợ theo quy định; mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán; mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành (tiếp theo)

nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch COVID-19 và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19 thì Ngân hàng được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này và vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, Ngân hàng áp dụng Thông tư 03 do NHNN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01 đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	Giữ nguyên nhóm nợ như đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại nợ theo chính sách phân loại nợ của Ngân hàng tại thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.
Từ 10/6/2020 đến trước 1/8/2021		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành. Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

Thông tư 03 yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) phân loại nợ giữ nguyên như trước khi thực hiện cơ cấu, miễn giảm lãi; (2) phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động

của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

Dự phòng bổ sung	Thời hạn
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến 31/12/2023

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

4.7 Chứng khoán đầu tư

4.7.1 Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Ngân hàng ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc và phân loại chứng khoán đầu tư thành các loại phù hợp tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được mà Ngân hàng có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

4.7.2 Ghi nhận

Ngân hàng ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.7.3 Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì mức trích dự phòng được xác định cho từng khoản đầu tư chứng khoán theo trình bày tại Thuyết minh 4.9.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được xác định như trình bày tại Thuyết minh 4.9.

Đối với các chứng khoán vốn còn lại, giá chứng khoán được xác định mức trích dự phòng như trình bày trong Thuyết minh 4.9.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

4.7.3 Đo lường (tiếp theo)

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm thì dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được xác định như trình bày tại Thuyết minh 4.9.

Đối với các chứng khoán vốn còn lại, giá chứng khoán được xác định mức trích dự phòng như trình bày trong Thuyết minh 4.9.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá chứng khoán. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Khoản tiền lãi dồn tích trước khi Ngân hàng mua chứng khoán nợ sẽ được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được.

Chứng khoán nợ được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 48. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư”.

Đối với trái phiếu Chính phủ, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là bình quân các mức giá được nhà tạo lập thị trường, là các ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán được Bộ Tài chính công bố và lựa chọn, cam kết chào giá chắc chắn trong phiên chào giá. Trường hợp không có mức giá chào cam kết chắc chắn nêu trên, giá trái phiếu thực tế trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Đối với trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

Các khoản chứng khoán nợ chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán đầu tư của doanh nghiệp chưa niêm yết) được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá được xác định theo giá trị thị trường của chứng khoán. Trong trường hợp không có giá trị thị trường của chứng khoán hoặc giá thị trường không thể xác định một cách đáng tin cậy, các chứng khoán này sẽ được ghi nhận theo giá trị sổ sách kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán (bao gồm cả chứng khoán do TCTD khác phát hành) hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết, dự phòng rủi ro tín dụng được xác định theo Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Dự phòng chứng khoán đầu tư được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán đầu tư là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

4.7.4 Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4.9 Các khoản đầu tư dài hạn

4.9.1 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

4.9.2 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư niêm yết hoặc đăng ký trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính theo quy định tại Thông tư 48.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn khác được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này bị thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư 48. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.10 Tài sản cố định hữu hình

4.10.1 Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

- Chi phí thuê tài sản cũng được ghi nhận là nguyên giá tài sản cố định hữu hình trong trường hợp thời gian thuê tài sản chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản và hợp đồng thuê tài sản thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:
 - Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
 - Số tiền trả trước cho bên cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng giá trị hợp đồng cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán số tiền còn lại trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn hoạt động cho thuê.

4.10.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50 năm
máy móc thiết bị	3 - 10 năm
phương tiện vận tải	6 - 10 năm
tài sản cố định khác	4 - 10 năm

4.11 Tài sản cố định vô hình

4.11.1 Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Hao mòn phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 8 năm.

4.11.2 Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá toàn bộ các khoản chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Hao mòn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian được sử dụng đất của Ngân hàng.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được phản ánh theo nguyên giá và không được trích khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng với chi phí bao gồm đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

4.11.3 Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

4.12 Bất động sản đầu tư

4.12.1 Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

4.12.2 Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

nhà cửa	10 - 40 năm
---------	-------------

4.13 Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.14 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, trong thời gian tiếp theo, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận trên khoản mục “Chi phí hoạt động” của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.15 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm mua. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm.

4.16 Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng đề cập tại Thuyết minh 4.3, 4.4, 4.5, 4.7, 4.9 và 4.14 được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

4.17 Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

4.18 Vốn cổ phần

4.18.1 Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi nhận khi các quyền và nghĩa vụ của các cổ đông và Ngân hàng liên quan tới vốn điều lệ được xác lập. Vốn điều lệ được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

4.18.2 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch (tăng hoặc giảm) do giá phát hành cổ phiếu cao hoặc thấp hơn mệnh giá (kể cả trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ), cũng như các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc bán cổ phiếu quỹ.

4.18.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.18.4 Các quỹ dự trữ và quỹ khác

Các quỹ dự trữ và quỹ khác của Ngân hàng:

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây trước khi phân phối lợi nhuận theo Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp tổn thất tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Các quỹ dự trữ và quỹ khác của công ty con:

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 3 năm 2002, Công ty được yêu cầu thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ thương:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.



4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.19 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.19.1 Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích đối với các khoản nợ được phân loại là nợ đủ tiêu chuẩn không phải trích lập dự phòng rủi ro cụ thể. Đối với các khoản nợ còn lại (bao gồm nợ được cơ cấu lại được giữ nguyên nhóm nợ đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 03), lãi của các khoản nợ này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

4.19.2 Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19.3 Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Thay vào đó, chỉ có thay đổi về số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi Ngân hàng sẽ được cập nhật và trình bày.

4.19.4 Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí mua bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN (“Thông tư 09”) quy định về hoạt động mua, bán nợ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo hướng dẫn tại Thông tư 09, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm của Ngân hàng.
 - Trường hợp giá bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí khác của Ngân hàng trong năm.
- Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

4.19.5 Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

4.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được kết chuyển hết vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.21 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.22 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

4.23 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay hoặc thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết khác có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

4.24 Các công cụ tài chính phái sinh

4.24.1 Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng.

4.24.2 Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.24.3 Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Ngân hàng thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.25 Cấn trừ/(bù trừ)

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4.26 Lợi ích của nhân viên

4.26.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.26.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.26.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, Ngân hàng được giảm mức đóng Bảo hiểm thất nghiệp 1% nói trên xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.27 Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, Ngân hàng phân loại các công cụ tài chính như sau:

4.27.1 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Ngân hàng xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hoặc
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hoặc
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

4.27.2 Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

4.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN, các TCTD có chứng khoán trao đổi công khai và đang phát hành chứng khoán trên thị trường chứng khoán phải lập và trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng được lập dựa trên bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

5. Tiền mặt, vàng

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	3.220.911	3.408.588
Tiền mặt bằng ngoại tệ	352.297	249.944
Vàng	5.435	5.083
	3.578.643	3.663.615

6. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi thanh toán tại NHNN		
- Bằng VND	4.551.663	10.231.475
- Bằng ngoại tệ	356.866	21.849
	4.908.529	10.253.324

6. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tiếp theo)

Tiền gửi tại NHNN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8,00%	8,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6,00%	6,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn dưới 12 tháng	3,00%	3,00%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1,00%	1,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi bằng VND		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,50%	0,50%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng ngoại tệ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,05%

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác

7.1 Tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	8.127.786	7.027.090
- Bằng VND	224.066	719.343
- Bằng ngoại tệ	7.903.720	6.307.747
Tiền gửi có kỳ hạn	31.322.941	14.085.540
- Bằng VND	23.748.166	8.477.100
- Bằng ngoại tệ	7.574.775	5.608.440
	39.450.727	21.112.630

Lãi suất năm của các khoản tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	0,00%	0,00%
- Bằng ngoại tệ	0,00%	0,00%
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	0,00% - 5,25%	0,12% - 6,00%
- Bằng ngoại tệ	0,01% - 0,20%	0,05% - 0,52%

7.2 Cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Bằng VND	30.604.703	7.399.254
Bằng ngoại tệ	459.828	483.070
	31.064.531	7.882.324

Lãi suất năm của các khoản cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Bằng VND	0,80% - 3,45%	0,20% - 4,23%
Bằng ngoại tệ	1,15% - 1,46%	1,25% - 1,75%

7. Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác (tiếp theo)

7.3 Chất lượng dư nợ tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn) và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	62.387.472	21.967.864

8. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Chứng khoán nợ	5.074.479	8.357.447
Trái phiếu Chính phủ	2.841.047	4.035.936
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	2.233.432	4.321.511
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	-	128.615
Dự phòng chứng khoán kinh doanh	(3.667)	(9.871)
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.667)	(9.871)
	5.070.812	8.347.576

Biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	-	9.871	9.871
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	-	1.896	1.896
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(8.100)	(8.100)
Tại ngày 31/12/2021	-	3.667	3.667

Biến động dự phòng chứng khoán kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	8.184	3.223	11.407
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	(8.184)	7.353	(831)
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(705)	(705)
Tại ngày 31/12/2021	-	9.871	9.871

Tình trạng niêm yết của chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Chứng khoán nợ		
- Đã niêm yết	2.841.047	4.164.551
- Chưa niêm yết	2.233.432	4.192.896
	5.074.479	8.357.447

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	340.602.400	275.594.164
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	6.696.171	1.815.974
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	41.257	113.310
Các khoản trả thay khách hàng	1.416	-
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	-	1.167
	347.341.244	277.524.615

Lãi suất năm của các khoản cho vay khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Cho vay bằng VND	0,00% - 12,00%	0,00% - 11,29%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,50% - 5,92%	1,50% - 7,41%

9. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

9.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	342.902.534	98,72	274.423.557	98,88
Nợ cần chú ý	2.144.836	0,62	1.805.866	0,65
Nợ dưới tiêu chuẩn	678.516	0,19	416.892	0,15
Nợ nghi ngờ	860.243	0,25	533.944	0,19
Nợ có khả năng mất vốn	755.115	0,22	344.356	0,13
	347.341.244	100,00	277.524.615	100,00

9.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ ngắn hạn	114.637.983	33,00	92.424.839	33,30
Nợ trung hạn	93.573.522	26,94	85.255.104	30,72
Nợ dài hạn	139.129.739	40,06	99.844.672	35,98
	347.341.244	100,00	277.524.615	100,00

9.3 Phân tích dư nợ theo ngành nghề kinh doanh

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	185.684.143	53,44	166.385.169	59,97
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	911.643	0,26	240.565	0,09
Khai khoáng	1.720.167	0,50	1.242.940	0,45
Công nghiệp chế biến, chế tạo	28.719.033	8,27	19.732.665	7,11
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	4.590.745	1,32	3.100.097	1,12
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	69.892	0,02	43.775	0,02
Xây dựng	13.055.747	3,76	9.135.831	3,29
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô-tô, ô-tô, xe máy và xe có động cơ khác	34.711.867	9,99	29.247.061	10,54
Vận tải kho bãi	2.372.041	0,68	2.700.900	0,97
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	180.356	0,05	194.360	0,07
Thông tin và truyền thông	680.877	0,20	685.428	0,25
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.264.161	0,36	7.794.676	2,81
Hoạt động kinh doanh bất động sản	95.912.748	27,61	91.360.789	32,92
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	350.679	0,10	256.158	0,09
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	293.411	0,08	322.874	0,12
Giáo dục và đào tạo	181.274	0,05	186.103	0,07
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	250.411	0,07	39.231	0,01
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	21.075	0,01	1.056	0,00
Hoạt động dịch vụ khác	398.016	0,11	100.660	0,04
Cho vay cá nhân	161.657.101	46,56	111.139.446	40,03
	347.341.244	100,00	277.524.615	100,00

9. Cho vay khách hàng (tiếp theo)

9.4 Phân tích dư nợ theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	185.684.143	53,44	166.385.169	59,97
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	4.464.934	1,29	5.761.372	2,08
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	73.641.621	21,18	66.976.430	24,15
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	403.611	0,12	427.229	0,15
Công ty cổ phần khác	104.858.571	30,19	91.324.824	32,91
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	347.689	0,10	275.967	0,10
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.949.719	0,56	1.345.667	0,48
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	14.475	0,00	7.818	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	3.523	0,00	265.862	0,10
Cho vay cá nhân	161.657.101	46,56	111.139.446	40,03
	347.341.244	100,00	277.524.615	100,00

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Dự phòng chung	2.599.397	1.879.473
Dự phòng cụ thể	1.136.266	334.775
	3.735.663	2.214.248

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	1.879.473	334.775	2.214.248
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	719.924	1.428.138	2.148.062
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(626.647)	(626.647)
Tại ngày 31/12/2021	2.599.397	1.136.266	3.735.663

Biến động dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2020	1.651.666	1.265.078	2.916.744
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	227.807	2.433.267	2.661.074
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(3.363.570)	(3.363.570)
Tại ngày 31/12/2020	1.879.473	334.775	2.214.248

11. Hoạt động mua nợ

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Mua nợ bằng VND	136.108	1.682
Dự phòng rủi ro mua nợ	(2.690)	(1.682)
	133.418	-

Chi tiết giá trị của các khoản nợ đã mua như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Nợ gốc đã mua	134.426	-
Lãi của khoản nợ đã mua	1.682	1.682
	136.108	1.682

Biến động dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm như sau:

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Số dư đầu năm	1.682	1.682
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 33)	1.008	-
Số dư cuối năm	2.690	1.682

Phân tích chất lượng của hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	134.426	98,76	-	0,00
Nợ có khả năng mất vốn	1.682	1,24	1.682	100,00
	136.108	100,00	1.682	100,00

12. Chứng khoán đầu tư

Phân tích chất lượng của hoạt động mua nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	98.092.062	84.632.952
- Chứng khoán nợ	97.435.523	84.177.005
- Chứng khoán vốn	656.539	455.947
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	200.000	200.000
- Chứng khoán nợ	200.000	200.000
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(705.974)	(385.711)
- Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(514.601)	(384.211)
- Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(191.373)	(1.500)
	97.586.088	84.447.241

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Chứng khoán nợ	97.435.523	84.177.005
Trái phiếu Chính phủ	14.437.924	17.367.757
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	20.388.806	20.280.594
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán</i>	<i>4.583.639</i>	<i>9.568.061</i>
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	62.608.793	46.528.654
Chứng khoán vốn	656.539	455.947
Chứng khoán vốn do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	651.028	450.436
Chứng chỉ Quỹ	5.511	5.511
	98.092.062	84.632.952
Dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(514.601)	(384.211)
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(456.507)	(372.066)
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(36.519)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(21.575)	(12.145)
	97.577.461	84.248.741

12.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Chứng khoán nợ	200.000	200.000
Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	200.000	200.000
Dự phòng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(191.373)	(1.500)
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	(1.500)
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(191.373)	-
	8.627	198.500

12.3 Dự phòng chứng khoán đầu tư

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Dự phòng rủi ro trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	684.399	373.566
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	21.575	12.145
	705.974	385.711

Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2021	373.566	-	12.145	385.711
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	82.941	227.892	11.730	322.563
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-	(2.300)	(2.300)
Tại ngày 31/12/2021	456.507	227.892	21.575	705.974

Biến động dự phòng chứng khoán đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Dự phòng giảm giá triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Tại ngày 1/1/2020	303.935	-	2.183	306.118
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	69.631	-	10.496	80.127
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-	(534)	(534)
Tại ngày 31/12/2020	373.566	-	12.145	385.711

12.4 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	76.749.546	99,74	47.495.542	100,00
Nợ có khả năng mất vốn	200.000	0,26	-	0,00
	76.949.546	100,00	47.495.542	100,00

13. Góp vốn, đầu tư dài hạn

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Đầu tư dài hạn khác – giá gốc	13.962	12.466
Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	(1.149)	(660)
	12.813	11.806

13.1 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2021		31/12/2020	
	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc triệu đồng
Công ty Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	10,93	1.040	10,93	1.040
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	0,42	1.000	0,42	1.000
Công ty Cổ phần Thông tin Tín dụng Việt Nam	6,64	7.962	6,64	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	0,00	3.300	0,00	1.804
Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động sản Việt Nam	11,00	660	11,00	660
		13.962		12.466

13.1 Dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Số dư đầu năm	660	660
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	489	-
Số dư cuối năm	1.149	660

14. Tài sản cố định

14.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2021	261.028	1.886.204	267.759	1.358	2.416.349
Mua trong năm	221.394	441.594	34.558	184	697.730
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.438.664	411.378	18.667	-	1.868.709
Thanh lý	(5.652)	(143.800)	(10.895)	(111)	(160.458)
Biến động khác	-	1.762	-	-	1.762
Tại ngày 31/12/2021	1.915.434	2.597.138	310.089	1.431	4.824.092
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2021	36.436	803.902	104.078	991	945.407
Khấu hao trong năm	79.510	298.431	29.283	37	407.261
Thanh lý	(2.798)	(143.773)	(10.704)	(33)	(157.308)
Tại ngày 31/12/2021	113.148	958.560	122.657	995	1.195.360
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2021	224.592	1.082.302	163.681	367	1.470.942
Tại ngày 31/12/2021	1.802.286	1.638.578	187.432	436	3.628.732

14. Tài sản cố định (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Tại ngày 1/1/2020	232.696	1.316.879	210.219	1.674	1.761.468
Mua trong năm	1.471	440.079	24.709	-	466.259
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	40.183	361.226	55.772	-	457.181
Thanh lý	(13.322)	(231.980)	(22.941)	(316)	(268.559)
Tại ngày 31/12/2020	261.028	1.886.204	267.759	1.358	2.416.349
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 1/1/2020	33.147	831.559	102.003	1.275	967.984
Khấu hao trong năm	4.814	204.088	23.321	32	232.255
Thanh lý	(1.525)	(231.745)	(21.246)	(316)	(254.832)
Tại ngày 31/12/2020	36.436	803.902	104.078	991	945.407
Giá trị còn lại					
Tại ngày 1/1/2020	199.549	485.320	108.216	399	793.484
Tại ngày 31/12/2020	224.592	1.082.302	163.681	367	1.470.942

14.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	382.466	474.904

14.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 1/1/2021	2.622.454	1.296.198	4.551	3.923.203
Mua trong năm	958	241.042	265	242.265
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	372.409	7.106	379.515
Thanh lý	(885)	(160)	-	(1.045)
Biến động khác	-	(2.797)	-	(2.797)
Tại ngày 31/12/2021	2.622.527	1.906.692	11.922	4.541.141
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 1/1/2021	476	778.003	2.243	780.722
Hao mòn trong năm	14	165.013	61	165.088
Thanh lý	(258)	(160)	-	(418)
Tại ngày 31/12/2021	232	942.856	2.304	945.392
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1/1/2021	2.621.978	518.195	2.308	3.142.481
Tại ngày 31/12/2021	2.622.295	963.836	9.618	3.595.749

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 1/1/2020	2.064.499	1.016.803	4.846	3.086.148
Mua trong năm	-	214.908	-	214.908
Chuyển từ tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	557.955	75.341	-	633.296
Thanh lý	-	(9.546)	(295)	(9.841)
Biến động khác	-	(1.308)	-	(1.308)
Tại ngày 31/12/2020	2.622.454	1.296.198	4.551	3.923.203
Hao mòn lũy kế				
Tại ngày 1/1/2020	447	668.932	2.476	671.855
Hao mòn trong năm	29	118.617	62	118.708
Thanh lý	-	(9.546)	(295)	(9.841)
Tại ngày 31/12/2020	476	778.003	2.243	780.722
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1/1/2020	2.064.052	347.871	2.370	2.414.293
Tại ngày 31/12/2020	2.621.978	518.195	2.308	3.142.481

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	492.485	396.941

15. Bất động sản đầu tư

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2021	1.435.699
Tại ngày 31/12/2021	1.435.699
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2021	310.975
Khấu hao trong năm	35.800
Tại ngày 31/12/2021	346.775
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2021	1.124.724
Tại ngày 31/12/2021	1.088.924

15. Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Nhà cửa triệu đồng
Nguyên giá	
Tại ngày 1/1/2020	1.435.699
Tại ngày 31/12/2020	1.435.699
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1/1/2020	275.175
Khấu hao trong năm	35.800
Tại ngày 31/12/2020	310.975
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1/1/2020	1.160.524
Tại ngày 31/12/2020	1.124.724

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm Tòa nhà Techcombank với nguyên giá là 1.435.699 triệu đồng và khấu hao lũy kế tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 346.775 triệu đồng.

16. Tài sản có khác

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Các khoản phải thu	28.117.180	16.572.411
Các khoản phải thu nội bộ	79.016	65.888
Các khoản phải thu bên ngoài	28.038.164	16.506.523
- Đặt cọc thuê văn phòng (i)	898.432	115.162
- Đặt cọc mua trụ sở văn phòng	-	377.397
- Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	20.006	20.006
- Tạm ứng hợp đồng	428.541	250.120
- Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	50.747	92.078
- Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang (ii)	2.061.761	2.891.060
- Phải thu từ hợp đồng bán nợ	449.939	449.939
- Phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) (iii)	23.915.577	12.061.855
- Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	213.161	248.906
Các khoản lãi, phí phải thu	5.807.801	5.184.822

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	17.460	-
Tài sản Có khác	1.448.617	1.268.562
- Vật liệu	22.107	19.415
- Chi phí trả trước	1.424.814	1.246.616
- Tài sản có khác	1.696	2.531
Dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác (iv)	(680.423)	(189.892)
	34.710.635	22.835.903

- (i) Đây là các khoản đặt cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thuê văn phòng làm trụ sở, chi nhánh.
- (ii) Đây là các khoản tạm ứng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng trụ sở văn phòng làm việc của Ngân hàng.
- (iii) Các khoản phải thu từ dịch vụ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) bao gồm thư tín dụng nhập khẩu trả chậm và thư tín dụng nhập hàng trả chậm nội địa là các khoản phải thu khách hàng của Ngân hàng từ dịch vụ thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm theo thư tín dụng do Ngân hàng phát hành. Theo đó, Ngân hàng tài trợ thanh toán cho người thụ hưởng trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm và hưởng phí dịch vụ thanh toán trước.
- (iv) Dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn, phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay), và phải thu từ hợp đồng bán nợ như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Dự phòng khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ	449.939	24.439
- Dự phòng cụ thể	449.939	24.439
Dự phòng khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	179.367	89.334
- Dự phòng chung	179.367	89.334
Dự phòng cho các tài sản Có khác	51.117	76.119
	680.423	189.892

16. Tài sản có khác (tiếp theo)

Biến động dự phòng cho các tài sản Có khác như sau:

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Số dư đầu năm	189.892	228.908
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng cho khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ trong năm (Thuyết minh 33)	425.500	(76.240)
<i>Dự phòng chung</i>	-	(4.255)
<i>Dự phòng cụ thể</i>	425.500	(71.985)
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay) trong năm (Thuyết minh 33)	90.033	26.201
<i>Dự phòng chung</i>	90.033	26.272
<i>Dự phòng cụ thể</i>	-	(71)
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng cho các tài sản Có khác trong năm (Thuyết minh 32)	(25.002)	11.023
Số dư cuối năm	680.423	189.892

Phân tích chất lượng khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Nợ có khả năng mất vốn	449.939	449.939

17. Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác

17.1 Tiền gửi của các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	518.192	882.329
- <i>Bảng VND</i>	375.303	881.447
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	142.889	882
Tiền gửi có kỳ hạn	45.087.950	20.349.760
- <i>Bảng VND</i>	35.788.000	18.111.000
- <i>Bảng ngoại tệ</i>	9.299.950	2.238.760
	45.606.142	21.232.089

Lãi suất năm

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,80% - 3,00%	0,10% - 0,80%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,19% - 0,40%	0,12% - 0,18%

17.2 Vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Bảng VND	12.004.051	1.261.569
Bảng ngoại tệ	54.848.498	24.991.154
	66.852.549	26.252.723

Lãi suất năm của các khoản vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Bảng VND	1,50% - 8,00%	0,18% - 6,00%
Bảng ngoại tệ	0,70% - 4,38%	0,06% - 3,99%

18. Tiền gửi của khách hàng

18.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	147.861.145	122.972.489
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	140.018.181	116.113.684
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	7.842.964	6.858.805
Tiền gửi có kỳ hạn	155.894.254	149.420.224
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	151.837.741	144.128.288
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.056.513	5.291.936
Tiền gửi ký quỹ	10.997.126	5.065.938
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	10.940.538	4.987.448
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	56.588	78.490
	314.752.525	277.458.651

Lãi suất năm của các khoản vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00% - 0,20%	0,00% - 0,30%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,10%	0,00% - 0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20% - 7,10%	0,20% - 7,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 0,60%	0,00% - 0,60%

18. Tiền gửi của khách hàng (tiếp theo)

18.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2021 triệu đồng	%	31/12/2020 triệu đồng	%
Tiền gửi của các tổ chức kinh tế	94.673.691	30,08	81.818.931	29,49
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	3.986.470	1,27	4.718.936	1,70
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	36.478.425	11,59	32.255.924	11,63
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước	92.415	0,03	65.328	0,02
Công ty cổ phần khác	46.191.977	14,68	37.882.889	13,65
Doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh	147.299	0,05	194.889	0,07
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.779.856	1,52	4.249.447	1,53
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	11.933	0,00	7.141	0,00
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	1.937.124	0,61	1.903.013	0,69
Khác	1.048.192	0,33	541.364	0,20
Tiền gửi của cá nhân	220.078.834	69,92	195.639.720	70,51
	314.752.525	100,00	277.458.651	100,00

19. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác

Đơn vị: triệu đồng

	31/12/2021		31/12/2020	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán thuần của tài sản/(công nợ)	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán thuần của tài sản/(công nợ)
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	117.920.007	(28.828)	79.566.587	(18.160)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	138.102.399	197.924	91.058.259	(344.094)
Giao dịch hoán đổi lãi suất	43.642.094	124.672	59.736.465	95.328
	299.664.500	293.768	230.361.311	(266.926)

Tổng giá trị của hợp đồng là giá trị được quy đổi theo tỷ giá hợp đồng.

Tổng giá trị ghi sổ kế toán là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

20. Phát hành giấy tờ có giá

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2021	31/12/2020
Từ 12 tháng đến 5 năm (i)	32.979.824	27.199.640
Trên 5 năm (ii)	700.000	700.000
	33.679.824	27.899.640

(i) Bao gồm các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 3,50% đến 8,45% (2020: 3,80% đến 8,50%).

(ii) Bao gồm các trái phiếu chịu lãi suất năm là 7,80% (2020: 7,80%).

21. Các khoản nợ khác

	31/12/2021	31/12/2020
Các khoản lãi, phí phải trả	3.121.881	3.252.009
Các khoản phải trả và công nợ khác	11.673.715	8.626.109
Các khoản phải trả nội bộ	12.937	9.322
Các khoản phải trả bên ngoài	11.660.778	8.616.787
- Chuyển tiền phải trả	1.910.257	2.872.105
- Phải trả nhân viên	2.263.619	1.308.369
- Các khoản thuế phải nộp (Thuyết minh 22)	1.373.333	1.287.627
- Doanh thu chưa thực hiện	633.051	665.248
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.481	9.862
- Tiền thu từ việc bán tài sản đảm bảo chờ xử lý	44.386	90.238
- Chi phí trích trước	873.783	1.010.921
- Tiền đã giải ngân chờ thanh toán	1.108	8.169
- Tiền và các khoản tiền gửi giữ hộ khách hàng chờ thanh toán	32.370	128.294
- Thu chi hộ giữa các TCTD	1.538.616	700.510
- Các khoản chờ thanh toán khác	79.323	160.689
- Phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.361.816	-
- Các khoản phải trả khác	527.635	374.755
	14.795.596	11.878.118

22. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

Đơn vị: triệu đồng

	Phát sinh trong năm			
	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	27.407	272.709	(257.680)	42.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	1.179.555	4.840.371	(4.829.911)	1.190.015
Các loại thuế khác	80.665	1.505.917	(1.445.700)	140.882
Thuế phải trả	1.287.627	6.618.997	(6.533.291)	1.373.333

22.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 được ước tính như sau:

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	23.238.293	15.800.296
Trừ:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(4.063)	(4.191)
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(730.790)	(404.152)
Cộng:		
- Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	117.305	13.809
- Chi phí không được khấu trừ	1.207.065	720.888
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.827.810	16.126.650
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	4.765.562	3.225.330
- Điều chỉnh tăng/(giảm) chi phí thuế TNDN của các năm trước vào năm nay	74.426	(7.501)
- Thuế TNDN điều chỉnh cho các năm trước	383	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	4.840.371	3.217.829

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thuế TNDN phải trả đầu năm	1.179.555	848.194
- Thuế TNDN thực nộp trong năm	(4.829.911)	(2.881.901)
- Điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp trong năm	-	(4.567)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	1.190.015	1.179.555

22.2 Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng hiện tại là 20% (2020: 20%)

23. Vốn và quỹ

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2021	35.049.062	476.507	1.872.102	4.917.067	474	6.789.643	31.815.808	483.766	74.614.786
Tăng vốn trong năm	60.086	(33)	-	-	-	-	-	-	60.053
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	18.052.250	363.132	18.415.382
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	792.334	1.584.668	-	2.377.002	(2.377.002)	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	-	(38.000)	-	(38.000)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(10.749)	-	(10.749)	-	-	(10.749)
Số dư tại ngày 31/12/2021	35.109.148	476.474	2.664.436	6.490.986	474	9.155.896	47.453.056	846.898	93.041.472

Đơn vị: triệu đồng

B05/TCTD-HN

23. Vốn và quỹ (tiếp theo)

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng cộng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1/1/2020	35.001.400	476.567	1.332.891	3.839.319	474	5.172.684	21.131.391	290.725	62.072.767
Tăng vốn trong năm	47.662	(60)	-	-	-	-	-	651	48.253
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	12.324.991	257.476	12.582.467
Trích lập các quỹ dự trữ trong năm	-	-	539.211	1.078.363	-	1.617.574	(1.617.574)	-	-
Trích lập quỹ phúc lợi trong năm	-	-	-	-	-	-	(23.000)	-	(23.000)
Trả cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(65.086)	(65.086)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	-	(615)	-	(615)	-	-	(615)
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.049.062	476.507	1.872.102	4.917.067	474	6.789.643	31.815.808	483.766	74.614.786

Đơn vị: triệu đồng

23. Vốn và quỹ (tiếp theo)

23.2 Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần của Ngân hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Vốn điều lệ	35.109.148	35.049.062
Thặng dư vốn cổ phần	476.474	476.507
	35.585.622	35.525.569

Số lượng cổ phiếu tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Vốn cổ phần đăng ký phát hành	3.510.914.798	3.504.906.230
Vốn cổ phần đã phát hành	3.510.914.798	3.504.906.230
Cổ phiếu phổ thông	3.510.914.798	3.504.906.230

Biến động số lượng cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2021	2020
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 1/1	3.504.906.230	3.500.139.962
Cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	6.008.568	4.766.268
Cổ phiếu phổ thông tại ngày 31/12	3.510.914.798	3.504.906.230

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc Họp cổ đông của Ngân hàng. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Ngân hàng công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Ngân hàng.

23.3 Cổ tức

Việc chia cổ tức sẽ được quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

24. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	266.751	346.650
Thu nhập lãi cho vay	27.259.759	21.590.084
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	7.068.841	6.252.814
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	360.644	316.749
Thu từ hoạt động mua nợ	7.400	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	539.856	495.615
	35.503.251	29.001.912

25. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.256.038	8.195.501
Trả lãi tiền vay	829.396	599.493
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.635.280	1.419.134
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	83.924	36.575
	8.804.638	10.250.703

26. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.239.494	6.048.443
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	3.739.055	2.914.167
Dịch vụ ngân quỹ	3.055	2.679
Dịch vụ ủy thác và đại lý	662.083	553.472
Dịch vụ tư vấn	221.285	126.673
Dịch vụ hợp tác bảo hiểm	1.558.318	827.321
Dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán	860.488	1.037.650
Dịch vụ môi giới	746.828	210.495
Dịch vụ quản lý Quỹ	428.685	295.194
Dịch vụ khác	19.697	80.792

26. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ (tiếp theo)

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.857.254)	(1.523.503)
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(1.532.395)	(1.336.251)
Dịch vụ ngân quỹ	(71.398)	(68.962)
Dịch vụ môi giới kinh doanh chứng khoán	(166.005)	(38.576)
Dịch vụ tư vấn	(136)	(10.495)
Dịch vụ khác	(87.320)	(69.219)
	6.382.240	4.524.940

27. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.543.299	2.683.578
Lãi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	339.506	1.278.966
Lãi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.203.793	1.404.612
Lỗ từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(1.311.883)	(2.682.833)
Lỗ từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(209.406)	(1.198.056)
Lỗ từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(1.102.477)	(1.484.777)
	231.416	745

28. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	567.239	828.500
Chi phí cho mua bán chứng khoán kinh doanh	(413.038)	(507.934)
Hoàn nhập chi phí dự phòng rủi ro cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 8)	-	8.184
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(1.896)	(7.353)
	152.305	321.397

29. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.639.664	2.563.876
Chi phí cho mua bán chứng khoán đầu tư	(512.693)	(986.752)
Chi phí dự phòng rủi ro cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 12.3)	(310.833)	(69.631)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 12.3)	(11.730)	(10.496)
	1.804.408	1.496.997

30. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác	4.343.731	5.460.013
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác	2.814.928	3.914.316
Thu hồi nợ đã được xử lý bằng nguồn dự phòng rủi ro	1.121.235	1.259.653
Thu nhập khác	407.568	286.044
Chi phí hoạt động khác	(2.540.485)	(3.180.804)
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh khác	(2.081.690)	(2.908.170)
Chi tài trợ công tác xã hội	(316.337)	(75.515)
Chi phí khác	(142.458)	(197.119)
	1.803.246	2.279.209

31. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Thu nhập cổ tức từ các khoản đầu tư dài hạn khác	4.063	4.191

32. Chi phí hoạt động

	Thuyết minh	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
Lương và các chi phí liên quan	36	6.356.228	5.151.106
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại		1.234.037	701.490
Chi phí thuê văn phòng và tài sản		533.743	512.142
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định		608.149	386.763
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí		146.640	120.749
Chi phí dụng cụ và thiết bị		141.227	123.127
Chi phí thông tin liên lạc		90.494	48.181
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản		331.295	272.834
Chi phí điện nước, vệ sinh văn phòng		87.629	87.082
Chi phí bảo hiểm cho các khoản tiền gửi khách hàng		313.727	267.524
Công tác phí		45.542	60.421
Chi phí dự phòng giảm giá góp vốn, đầu tư dài hạn	13.2	489	-
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng các tài sản Có khác	16	(25.002)	11.023
Chi phí dịch vụ tư vấn		370.963	377.392
Chi phí đào tạo huấn luyện nghiệp vụ		47.545	78.014
Chi phí hội nghị		11.108	42.859
Chi phí hoạt động khác		879.581	726.650
		11.173.395	8.967.357

33. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	Thuyết minh	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng
Chi phí dự phòng chung cho vay khách hàng	10	719.924	227.807
Chi phí dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (*)	10	1.428.138	2.433.267
Chi phí dự phòng chung cho hoạt động mua nợ	11	1.008	-
Trích lập/(hoàn nhập) chi phí dự phòng cho khoản phải thu từ hợp đồng bán nợ	16	425.500	(76.240)
Chi phí dự phòng cho khoản phải thu từ UPAS L/C (Thư tín dụng trả chậm có điều khoản trả ngay)	16	90.033	26.201
		2.664.603	2.611.035

(*): Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ngân hàng đã trích 100% số dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo quy định tại Thông tư 03 như trình bày trong Thuyết minh 4.6.

34. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu:

	2021	2020
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (triệu đồng)	18.052.250	12.324.991
Điều chỉnh cho quỹ phúc lợi	(38.000)	(23.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	18.014.250	12.301.991
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (triệu đồng)	18.014.250	12.301.991
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.506.552.413	3.500.335.301
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	3.506.552.413	3.500.335.301
Lãi trên mỗi cổ phiếu (đồng)		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.137	3.515
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(*)	(*)

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố suy giảm.

35. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền mặt, vàng	3.578.643	3.663.615
Tiền gửi tại NHNN	4.908.529	10.253.324
Chứng khoán có thời hạn đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	143.497	771.430
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	38.973.561	20.907.530
	47.604.230	35.595.899

36. Tình hình thu nhập của cán bộ, nhân viên

	2021 triệu đồng	2020 triệu đồng (Phân loại lại)
Số cán bộ, nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	12.506	11.802
I. Bình quân số cán bộ, nhân viên (người)	12.154	11.479
II. Thu nhập của cán bộ, nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	5.300.287	4.166.558
2. Phụ cấp và thu nhập khác	1.055.941	984.548
3. Tổng thu nhập (1+2)	6.356.228	5.151.106
4. Tiền lương bình quân/tháng	36	30
5. Thu nhập bình quân/tháng	44	37

37. Tài sản, giấy tờ có giá (“GTCG”) thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

37.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu cho Ngân hàng

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Của khách hàng	813.520.691	639.964.460
Bất động sản	522.747.005	383.624.900
Động sản	20.954.840	20.685.030
Giấy tờ có giá	123.966.832	125.741.532
Các tài sản đảm bảo khác	145.852.014	109.912.998
Của các tổ chức tín dụng khác	25.544.268	3.488.425
Giấy tờ có giá	25.535.950	2.730.000
Các tài sản đảm bảo khác	8.318	758.425
	839.064.959	643.452.885

37.2 Tài sản, GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu bởi Ngân hàng

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi	1.828.000	1.616.800
	1.828.000	1.616.800

38. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Ngân hàng (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);
- (b) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);
- (c) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Ngân hàng dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với Ngân hàng như quan hệ: bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;
- (d) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Ngân hàng và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- (e) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở đoạn (c) hoặc (d) nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Ngân hàng và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Ngân hàng.

38. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 và trong năm như sau:

Giao dịch trái phiếu

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	2021				
	Quan hệ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)				
Mệnh giá trái phiếu		430.136	10.588.774	(10.633.913)	384.997
Lãi phải thu trái phiếu		5.068	61.235	(63.677)	2.626
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)				
Mệnh giá trái phiếu		240.518	5.626.423	(5.597.363)	269.578
Lãi phải thu trái phiếu		3.676	12.060	(12.703)	3.033
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	(ii)				
Mệnh giá trái phiếu		67.855	3.336.004	(3.122.361)	281.498
Lãi phải thu trái phiếu		683	14.159	(12.527)	2.315

38. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch cho vay khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	2021				
	Quan hệ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)				
Số dư cho vay khách hàng		522.087	513.671	(551.867)	483.891
Lãi phải thu cho vay khách hàng		1.938	46.236	(46.339)	1.835
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		1.130.011	1.517.028	(1,389,664)	1,257,375
Lãi phải thu cho vay khách hàng		675	44,199	(44,173)	701
Công ty TNHH Vonfram Masan	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		-	98,858	-	98,858
Lãi phải thu cho vay khách hàng		-	969	(916)	53
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco	(iii)				
Số dư cho vay khách hàng		-	573,036	(445,939)	127,097
Lãi phải thu cho vay khách hàng		-	5,729	(5,643)	86

38. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn

Đơn vị: triệu đồng

2021

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Công ty Cổ phần One Mount Group	(ii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		2.500	165.000	(127.500)	40.000
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		4	451	(377)	78
Công ty Cổ phần One Mount Distribution	(ii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		1.000	100.000	(1.000)	100.000
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		2	201	(8)	195
Công ty Cổ phần Mobicast	(ii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		-	25.000	(15.000)	10.000
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		-	169	(109)	60
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến	(ii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		-	1.050.000	(100.000)	950.000
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		-	2.034	(1.276)	758
Công ty Cổ phần TC Advisors	(iii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		-	67.328	(36.120)	31.208
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		-	1.127	(304)	823

38. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giao dịch tiền gửi có kỳ hạn (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

2021

Bên liên quan	Quan hệ	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối năm
Công ty TNHH Hợp tác kinh doanh và phát triển ISADO	(iii)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		-	2.000	-	2.000
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		-	46	(43)	3
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		150.000	5.972.860	(6.122.860)	-
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		46	16.121	(16.167)	-
Nhóm các công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(iv)				
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		1.201.225	18.032.893	(15.024.418)	4.209.700
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		1.875	44.677	(44.317)	2.235
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo và các cá nhân liên quan khác					
Số dư tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng		671.842	2.603.691	(2.242.047)	1.033.486
Lãi phải trả tiền gửi khách hàng		17.147	31.530	(35.063)	13.614



38. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Giá trị hợp đồng bảo lãnh, phát hành thư tín dụng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2021	31/12/2020
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)	96.959	26.725
Công ty Cổ phần Mobicast	(ii)	450.175	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)	50.929	72.597

Số dư tiền gửi không kỳ hạn từ khách hàng

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	31/12/2021	31/12/2020
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu	(ii), (iii)	10.688	6.938
Công ty Cổ phần One Mount Group	(ii)	26.841	5.465
Công ty Cổ phần One Mount Real Estate	(ii)	969	1.807
Công ty Cổ phần One Mount Distribution	(ii)	13.479	41.679
Công ty Cổ phần One Mount Consumer	(ii)	17.013	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến	(ii)	78.142	621
Công ty Cổ phần FCE Việt Nam	(iii)	377	1.651
Công ty TNHH Việt Thành – Sài Đồng	(iii)	457	86
Công ty Cổ phần TC Advisors	(iii)	8.487	-
Công ty TNHH Hợp tác kinh doanh và phát triển ISADO	(iii)	2.832	-
Công ty Cổ phần Mobicast	(ii)	133.032	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	1.233.572	6.545
Công ty TNHH Vonfram Masan	(iii)	1.804	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco	(iii)	3.737	-
Nhóm các công ty liên quan đến Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(iv)	68.993	477.994
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Lãnh đạo và các cá nhân liên quan khác		194.580	146.726

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Đơn vị: triệu đồng

Bên liên quan	Quan hệ	2021	2020
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	(i)	188.478	354.731
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	(iii)	22.963	77.695
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials	(iii)	19.011	679

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Lãnh đạo

Đơn vị: triệu đồng

	2021	2020
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Lãnh đạo	318.386	245.456
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	36.435	34.363
Thu nhập của Ban Lãnh đạo	281.951	211.093

- (i) Cổ đông có thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (ii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (iii) Bên liên quan có thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát hoặc cổ đông lớn là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.
- (iv) Nhóm các công ty liên quan của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan có thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát là thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng; hoặc thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của những công ty này là người liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Lãnh đạo hoặc Ban Kiểm soát của Ngân hàng.

39. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

Mức độ tập trung các tài sản, nợ phải trả và các khoản mục ngoại bảng theo khu vực địa lý của các đối tác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Tổng dư nợ cho vay triệu đồng	Tổng tiền gửi triệu đồng	Các cam kết tín dụng triệu đồng	Công cụ tài chính phái sinh (*) triệu đồng	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng
Trong nước	378.405.775	358.299.185	322.067.502	292.732.461	103.366.541
Nước ngoài	-	2.059.482	55.616	6.932.039	-
	378.405.775	360.358.667	322.123.118	299.664.500	103.366.541

(*) Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng

40. Chính sách quản lý rủi ro tài chính

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Ngân hàng có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chi tiết các chính sách và phương pháp mà Ban Lãnh đạo Ngân hàng sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Ngân hàng gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc thiết lập và giám sát khung quản trị rủi ro tài chính của Ngân hàng nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng không ngừng phát triển an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Ngân hàng trong từng thời kỳ và quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý rủi ro (“BRC”) là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng Quản trị phân công thực hiện liên quan đến kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

BRC có nhiệm vụ đề xuất, tham mưu Hội đồng Quản trị trong công tác xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; giám sát công tác quản trị rủi ro toàn hệ thống; phân tích, đưa ra cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa; tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong các quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch có liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng.

41. Rủi ro tín dụng

Ngân hàng chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Ngân hàng đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Ngân hàng cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Ngân hàng chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Ngân hàng gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay của Ngân hàng. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ngoài ra, Ngân hàng còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp; hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh; duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Ngân hàng, không tính đến tài sản đảm bảo hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác – gộp	70.515.258	28.994.954
Chứng khoán kinh doanh – gộp	5.074.479	8.357.447
Cho vay khách hàng – gộp	347.341.244	277.524.615
Mua nợ – gộp	136.108	1.682
Chứng khoán đầu tư – gộp (*)	97.635.523	84.377.005
Tài sản tài chính khác – gộp	30.437.225	18.152.762
	551.139.837	417.408.465

(*) Không bao gồm chứng khoán vốn

41.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá như sau:

	31/12/2021 triệu đồng	31/12/2020 triệu đồng
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác – gộp	70.515.258	28.994.954
Chứng khoán kinh doanh – gộp	5.074.479	8.357.447
Cho vay khách hàng – gộp	338.169.496	274.423.557
Mua nợ – gộp	134.426	-
Chứng khoán đầu tư – gộp	97.112.243	84.377.005
Tài sản tài chính khác – gộp	29.936.060	17.611.956
	540.941.962	413.764.919

Các tài sản tài chính không quá hạn và không bị giảm giá trị của Ngân hàng bao gồm các khoản nợ nhóm 1 (Nợ đủ tiêu chuẩn); các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn.

Ngân hàng đánh giá rằng Ngân hàng hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

41. Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

41.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng – gộp	160.967	26.000	45.656	61.960	294.583
	160.967	26.000	45.656	61.960	294.583

Các khoản cho vay bị quá hạn nhưng chưa bị giảm giá do các khoản cho vay này đã được đảm bảo đầy đủ bởi các tài sản đảm bảo của bên vay.

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn				
	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng – gộp	221.102	26.330	51.420	78.809	377.661
	221.102	26.330	51.420	78.809	377.661

41.3 Các tài sản tài chính đã bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng – gộp	4.733.038	1.983.869	652.516	814.587	693.155	8.877.165
Chứng khoán đầu tư – gộp	323.280	-	-	-	200.000	523.280
Mua nợ – gộp	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	-	-	501.165	501.165
	5.056.318	1.983.869	652.516	814.587	1.396.002	9.903.292

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày dưới đây:

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn					Tổng cộng
	Chưa quá hạn	Dưới 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày	Trên 360 ngày	
Cho vay khách hàng – gộp	-	1.584.764	390.562	482.524	265.547	2.723.397
Mua nợ – gộp	-	-	-	-	1.682	1.682
Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	-	-	540.806	540.806
	-	1.584.764	390.562	482.524	808.035	3.265.885

42. Rủi ro thị trường

42.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có sự chênh lệch về thời hạn định lại lãi suất giữa tài sản có và tài sản nợ. Tất cả các hoạt động tín dụng, huy động, đầu tư của Ngân hàng đều tạo ra rủi ro lãi suất.

Dựa trên cơ sở trạng thái “nhạy cảm với lãi suất” theo từng kỳ thay đổi lãi suất, các chỉ tiêu là tài sản, nguồn vốn và các tài sản ngoại bảng được xếp vào các kỳ hạn của bảng “khe hở lãi suất” của toàn Ngân hàng.

Thời hạn định lại lãi suất đối với các khoản mục có lãi suất cố định là thời gian còn lại cho đến khi đáo hạn của tài sản, đối với lãi suất thả nổi là thời gian còn lại cho đến kỳ định lại lãi suất gần nhất.

- Các giá định và điều kiện sau được áp dụng trong xây dựng bảng “khe hở lãi suất”:
- Tiền mặt và vàng; góp vốn, đầu tư dài hạn, tài sản cố định và các tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại các tổ chức tài chính, các TCTD khác không kỳ hạn được xếp vào khoản mục “Không nhạy cảm lãi suất”;
- Thời gian định lại lãi suất của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất nếu chứng khoán đó có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất nếu chứng khoán đó có lãi suất thả nổi;
- Thời gian định lại lãi suất của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác; các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản/(các khoản nợ) tài chính khác; các khoản cho vay khách hàng; hoạt động mua nợ; các khoản nợ Chính phủ; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời gian định lại lãi suất dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời gian định lại lãi suất dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- Thời gian định lại lãi suất của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá nếu giấy tờ có giá có lãi suất cố định hoặc dựa trên thời gian định lại lãi suất nếu là lãi suất thả nổi.

42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản mục có lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con như sau:

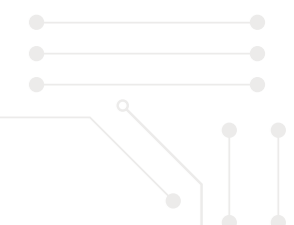
	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng lãi suất	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)
Tại ngày 31/12/2021			
USD	1,50%	(428.685)	(342.948)
VND	3,00%	7.088.430	5.670.744



Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo mô hình “khe hở lãi suất” tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Tài sản	Quá hạn	Không nhạy cảm lãi suất	Đến 1 tháng	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian			Tổng
				Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	
Tiền mặt, vàng	-	3.578.643	-	-	-	-	3.578.643
Tiền gửi tại NHNN	-	4.908.529	-	-	-	-	4.908.529
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	8.086.405	44.811.189	13.752.179	3.388.319	477.166	70.515.258
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	357.554	355.959	452.186	1.417.716
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	-	52.012	297.971
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	(5.585)	(5.250.034)	(8.172.526)	1.051.113	2.816.916	9.853.884
Cho vay khách hàng (*)	4.438.710	-	120.529.304	76.423.837	48.650.980	37.550.120	58.628.338
Mua nợ (*)	1.682	-	-	134.426	-	-	136.108
Chứng khoán đầu tư (*)	200.000	2.392.705	12.247.339	15.708.222	12.215.560	22.470.438	21.140.694
Trong đó:							
Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	923.992	100.000	450.000	200.000	223.410	5.287.256
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	13.962	-	-	-	-	13.962
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	8.313.405	-	-	-	-	8.313.405
Tài sản Có khác (*)	501.165	34.889.893	-	-	-	-	35.391.058
Tổng tài sản	5.141.557	62.177.957	172.337.798	98.203.692	65.661.931	63.766.826	91.040.632
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính phủ	-	842	-	-	-	-	842
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	518.192	51.719.468	40.921.745	14.121.589	5.018.555	156.986
Tiền gửi của khách hàng	-	-	228.564.899	37.777.700	27.940.491	15.820.805	4.590.011
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	2.464.863	9.742.100	10.973.000	4.200.000	6.299.861
Các khoản nợ khác	-	14.795.596	-	-	-	-	14.795.596
Tổng nợ phải trả	-	15.314.630	282.749.230	88.441.545	53.035.080	25.039.360	11.046.858
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	5.141.557	46.863.327	(110.411.432)	9.762.147	12.626.851	38.727.466	79.993.774
							15.467.348
							98.171.038

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng



42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

42.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá hối đoái. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VND. Cấu trúc tài sản – nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau (như USD, EUR, AUD...) là nguyên nhân dẫn đến rủi ro tiền tệ. Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Ngân hàng và các quy định của NHNN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Độ nhạy đối với tỷ giá

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng do các thay đổi có thể xảy ra của tỷ giá. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Ngân hàng là không đáng kể.

	Ảnh hưởng đến		
	Mức tăng tỷ giá	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)
Tại ngày 31/12/2021			
USD	1,00%	(77.920)	(62.336)
EUR	1,00%	59	47
Vàng	3,00%	163	130

Bảng ở trang tiếp theo trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo nhóm tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

B02/TCCTD-HN

42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

42.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Vàng được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Đơn vị: triệu đồng					
Tài sản					
Tiền mặt, vàng	257.251	30.499	5.435	64.547	357.732
Tiền gửi tại NHNN	356.866	-	-	-	356.866
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	14.860.044	534.812	-	543.467	15.938.323
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	11.614.570	(14.997)	-	(1.904)	11.597.669
Cho vay khách hàng – góp (*)	18.425.969	-	-	-	18.425.969
Tài sản Có khác (*)	19.209.032	264.020	-	765.529	20.238.581
Tổng tài sản	64.723.732	814.334	5.435	1.371.639	66.915.140
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	63.262.929	264.027	-	764.381	64.291.337
Tiền gửi của khách hàng	10.851.098	541.153	-	563.814	11.956.065
Các khoản nợ khác	406.632	3.225	-	21.063	430.920
Tổng nợ phải trả	74.520.659	808.405	-	1.349.258	76.678.322
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(9.796.927)	5.929	5.435	22.381	(9.763.182)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	2.004.945	-	-	3.574	2.008.519
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(7.791.982)	5.929	5.435	25.955	(7.754.663)

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

42.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Ngân hàng huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán. Trong đó, các khoản chứng khoán do Chính phủ phát hành/bảo lãnh, mặc dù được xếp vào các kỳ hạn dài theo kỳ hạn còn lại, nhưng là tài sản thanh khoản trên thị trường, hoàn toàn có thể chuyển thành tiền trong một khoảng thời gian ngắn mà chịu ít rủi ro về thay đổi giá trị;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn/trả trước;
- Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm (5) năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tài chính, các TCTD khác, các khoản tiền gửi của khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và tài sản Có khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và được phân loại là tiền gửi không kỳ hạn, tuy nhiên, tỷ trọng lớn loại tiền gửi này của khách hàng được duy trì ổn định tại Ngân hàng với thời gian trên một (1) năm. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản;
- Thời gian đáo hạn của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- Thời gian đáo hạn của các khoản nợ khác được xếp loại theo thời gian đáo hạn thực tế của từng khoản nợ.

B05/TCTD-HN

42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

42.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Tài sản	Quá hạn					Trong hạn					Đơn vị: triệu đồng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng			
Tiền mặt, vàng	-	-	3.578.643	-	-	-	-	-	-	-	3.578.643
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.908.529	-	-	-	-	-	-	-	4.908.529
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	57.391.594	10.558.179	2.565.485	-	-	-	-	-	70.515.258
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	357.554	808.146	1.417.715	2.491.064	5.074.479	-	-	10.378.958
Trong đó:											
Trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-	52.012	297.971	2.491.064	2.841.047	-	-	5.331.094
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	191.010	(171.156)	154.997	118.917	-	293.768	-	-	483.628
Cho vay khách hàng (*)	2.144.836	2.293.874	17.954.331	38.569.071	98.328.889	55.997.117	132.053.126	347.341.244	-	-	684.553.113
Mua nợ (*)	-	1.682	-	2.496	23.391	83.579	24.960	136.108	-	-	232.756
Chứng khoán đầu tư (*)	-	200.000	2.935.760	1.353.137	24.700.114	56.426.514	12.676.537	98.292.062	-	-	173.378.064
Trong đó: Trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thanh toán	-	-	162.950	451.015	426.177	5.385.083	12.419.133	18.844.358	-	-	202.224.605
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	13.962	13.962	-	-	27.924
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	23.559	259	16.334	896.408	7.376.845	8.313.405	-	-	16.890.551
Tài sản Có khác (*)	-	501.165	13.180.954	9.253.640	10.919.865	1.289.956	245.478	35.391.058	-	-	60.030.013

42. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

42.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn					Trong hạn					Tổng
	Đến 3 tháng	Trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng			
Tổng tài sản	2.144.836	2.996.721	100.164.380	59.923.180	137.517.221	116.230.206	154.881.972	573.856.516			
Nợ phải trả											
Các khoản nợ Chính phủ	-	-	842	-	-	-	-	842			
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	42.286.299	26.247.506	16.345.744	27.576.986	2.156	112.458.691			
Tiền gửi của khách hàng	-	-	227.005.490	38.883.779	44.057.519	4.746.600	59.137	314.752.525			
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	10.147.000	23.532.824	-	33.679.824			
Các khoản nợ khác	-	-	9.124.246	755.374	4.231.088	679.781	5.107	14.795.596			
Tổng nợ phải trả	-	-	278.416.877	65.886.659	74.781.351	56.536.191	66.400	475.687.478			
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	2.144.836	2.996.721	(178.252.497)	(5.963.479)	62.735.870	59.694.015	154.815.572	98.171.038			

(*) Không bao gồm các khoản dự phòng

42.4 Rủi ro giá cả thị trường khác

Chứng khoán do Ngân hàng nắm giữ chịu ảnh hưởng của rủi ro giá thị trường phát sinh do tình trạng không chắc chắn về giá trị trong tương lai của các khoản đầu tư chứng khoán.

Thông tin về chứng khoán giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2021 (triệu đồng)	31/12/2020 (triệu đồng)
Chứng khoán kinh doanh – góp	725.351	786.344
Chứng khoán đầu tư – góp	1.588.608	2.284.965
	2.313.959	3.071.309

43. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh		Giữ đến ngày đáo hạn		Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản/ (Công nợ) khác		Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	Tiền mặt, vàng	Tiền gửi tại NHNN	Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	Chứng khoán kinh doanh			Tài sản/ (Công nợ) khác	Giá trị phân bổ		
Các tài sản tài chính										
Tiền mặt, vàng	-	-	3.578.643	-	-	-	-	-	3.578.643	3.578.643
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.908.529	-	-	-	-	-	4.908.529	(*)
Tiền gửi và cấp tín dụng cho các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	70.515.258	-	-	-	-	-	70.515.258	(*)
Chứng khoán kinh doanh	5.074.479	-	-	-	-	-	-	-	5.074.479	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	293.768	-	-	-	-	-	-	-	293.768	
Cho vay khách hàng	-	-	347.341.244	-	-	-	-	-	347.341.244	(*)
Mua nợ	-	-	136.108	-	-	-	-	-	136.108	
Chứng khoán sẵn sàng để bán	-	-	-	98.092.062	-	-	-	-	98.092.062	(*)
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	-	200.000	-	-	-	-	-	-	200.000	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	13.962	-	-	-	-	13.962	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	30.437.225	-	-	-	-	-	30.437.225	(*)
Các công nợ tài chính										
	5.368.247	200.000	456.917.007	98.106.024	-	-	-	-	560.591.278	

Đơn vị: triệu đồng

43. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Tài sản/ (Công nợ) khác hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Các khoản nợ Chính phủ	-	-	-	-	842	842	(*)
Tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, các TCTD khác	-	-	-	-	112.458.691	112.458.691	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	314.752.525	314.752.525	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	33.679.824	33.679.824	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	14.795.596	14.795.596	(*)
					475.687.478	475.687.478	

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này do chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý theo Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam, cũng như chưa có đủ thông tin.

44. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

Đơn vị: triệu đồng

Chi tiêu	Ngân hàng	Kinh doanh chứng khoán	Quản lý nợ và khai thác tài sản	Quản lý quỹ	Điều chỉnh (*)	Tổng cộng
I. Doanh thu	48.011.828	5.146.777	250.712	483.906	(1.052.483)	52.840.740
1. Doanh thu lãi	34.141.267	1.333.358	2.865	53.119	(27.358)	35.503.251
2. Doanh thu hoạt động dịch vụ	5.316.840	2.673.152	-	428.685	(179.183)	8.239.494
3. Doanh thu liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	8.553.721	1.140.267	247.847	2.102	(845.942)	9.097.995
II. Chi phí	(25.625.898)	(1.336.891)	(199.068)	(208.061)	432.074	(26.937.844)
1. Chi phí lãi	(8.419.584)	(391.262)	(22.265)	-	28.473	(8.804.638)
2. Chi phí khấu hao và hao mòn TSCĐ	(557.059)	(14.414)	(36.676)	-	-	(608.149)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(16.649.255)	(931.215)	(140.127)	(208.061)	403.601	(17.525.057)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	22.385.930	3.809.886	51.644	275.845	(620.409)	25.902.896
Chi phí dự phòng rủi ro	(2.566.912)	-	4	-	(97.695)	(2.664.603)
Lợi nhuận trước thuế	19.819.018	3.809.886	51.648	275.845	(718.104)	23.238.293
III. Tài sản	546.067.077	24.547.255	1.228.606	710.220	(3.824.208)	568.728.950
1. Tiền mặt, vàng	3.578.643	-	-	-	-	3.578.643
2. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	7.135.986	88.486	1.090.796	-	(1.863)	8.313.405
3. Tài sản khác	535.352.448	24.458.769	137.810	710.220	(3.822.345)	556.836.902
IV. Nợ phải trả	461.532.524	15.302.011	425.304	40.248	(1.612.609)	475.687.478
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	461.532.524	15.302.011	425.304	40.248	(1.612.609)	475.687.478

(*) Điều chỉnh đối với các giao dịch nội bộ

45. Thuyết minh về biến động lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 tăng 5.832.915 triệu đồng tương đương tăng 46,36% so với lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 do các nguyên nhân sau:

	Lợi nhuận sau thuế triệu đồng
Tăng lợi nhuận sau thuế do:	
Tăng thu nhập lãi thuần	7.947.404
Tăng lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.857.300
Tăng lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	230.671
(Giảm) lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(169.092)
Tăng lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	307.411
(Giảm) lãi thuần từ hoạt động khác	(475.963)
(Giảm) thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(128)
(Tăng) chi phí hoạt động	(2.206.038)
(Tăng) chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(53.568)
(Tăng) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.605.082)
Tăng lợi nhuận sau thuế	5.832.915

46. Phân loại lại số liệu tương ứng

Một số dữ liệu tương ứng của năm trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay:

Đơn vị: triệu đồng

	2020 (Đã được trình bày trước đây)	Phân loại lại	2020 (Phân loại lại)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí hoạt động dịch vụ	(1.859.665)	336.162	(1.523.503)
Chi phí hoạt động	(8.631.195)	(336.162)	(8.967.357)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	4.140.309	336.162	4.476.471
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(6.752.272)	(336.162)	(7.088.434)

47. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

48. Tỷ giá một số loại ngoại tệ so với VND vào thời điểm kết thúc năm tài chính

	31/12/2021 đồng	31/12/2020 đồng
AUD	16.615	17.797
CAD	17.909	17.861
CHF	25.052	26.192
CNY	3.599	3.528
DKK	3.483	3.811
EUR	25.901	28.356
GBP	30.879	31.546
HKD	2.931	2.977
JPY	199	224
NOK	2.594	2.708
SEK	2.526	2.828
SGD	16.610	17.458
THB	689	769
USD	22.850	23.080
XAU	6.127.500	5.567.500

Người lập

Bà Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt

Bà Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán,
Chính sách Tài chính và Thuế
Khối Tài chính và Kế hoạch

Người phê duyệt

Ông Jens Lottner
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 21 tháng 3 năm 2022